

H.T THÍCH THANH TỪ

HOA VÔ ƯU

Tập 8

NHÀ XUẤT BẢN THIỀN TÔNG VIỆT NAM

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển Hoa Vô Ưu này được kết tập từ các bài giảng của Hòa thượng Viện chủ Thiền viện Thường Chiếu Thích Thanh Từ.

Trong đó, gồm một số bài Hòa thượng giảng cho Tăng Ni, Phật tử tại các Thiền viện và một số bài giảng phổ thông cho Phật tử trong cũng như ngoài nước.

Để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp thiền và hâm mộ tu thiền của Tăng Ni, Phật tử, nhưng quý vị chưa đủ điều kiện tu học trực tiếp nơi Hòa thượng, chúng tôi trình xin ý kiến của Ngài và được Ngài hoan hỷ cho biên tập lại các bài giảng trên.

Tuy nhiên, vì là văn nói nên tập sách không sao tránh khỏi sự trùng lặp tất yếu của nó. Rất mong độc giả đạt ý quên lời. Được thế, hy vọng tập sách sẽ đến tay quý vị với những lợi ích thiết thực nhất.

Như vậy, chúng ta có thể tìm hiểu thâm nhập và hành trì pháp thiền. Đồng thời trên bước đường tu học, chúng ta có thêm bạn đồng hành luôn cảm thông với chúng ta.

Thường Chiếu, ngày 01 tháng 08 năm 2002

THÍCH NHẬT QUANG



CON NGƯỜI BẤT TỬ

Thiền viện Chân Không - 1982

Hôm nay nhân ngày tôi ra thất, quý vị đại diện Tăng Ni yêu cầu tôi chỉ cho những điều cốt yếu để ứng dụng tu hành. Tôi hoan hỷ tùy thuận. Thật ra hơn ba tháng qua, ở trong thất chúng tôi chưa được gì đặc biệt lắm, nhưng đại chúng yêu cầu, tôi cũng nói một vài cảm niệm của mình trong khi nhập thất.

Ở trong thất, một hôm tôi có cảm niệm xót thương. Xót thương ai? Một là xót thương tôi. Bởi trên đường tu đã hai phần ba cuộc đời rồi, tôi mới nhận ra nơi mình có con người bất tử, tức ngay nơi thân sanh tử này có con người không sanh tử. Khi nhận được như vậy, tôi có tật xấu hay khoe nên rồi cứ khoe với người này người nọ, gặp ai cũng khoe rằng ngay nơi thân sanh tử có con người bất tử. Khoe mãi không chán, cho đến gần đây nhờ nhân duyên bệnh, tôi mới được ngồi yên chuyên nhập con người bất tử ấy. Bây giờ nhìn lại thì tuổi thọ đã cao. Vì vậy thời gian còn lại quá ít, dù nỗ lực chuyên ròng nhập con người bất tử cho đến ngày nhắm mắt cũng chưa xong. Tại sao? Bởi vì muốn nhập con người bất tử, trước hết chúng ta phải rũ sạch duyên sanh tử, mà duyên sanh tử bao bọc muôn vòng ngàn lớp, muốn rũ sạch nó không phải là chuyện dễ dàng. Chúng ta phải hằng tỉnh hằng giác với thời gian dài lâu mới có thể rũ sạch được.

Thiền sư Triệu Châu sau khi ngộ nơi Tổ Nam Tuyên còn phải ba mươi năm ở trong tông lâm mới thành một khối. Thiền sư Đại An ngộ nơi Tổ Bá Trượng, sau này về núi Quy chẵn trâu trong ba mươi năm, từ con trâu đen trở thành con trâu trắng sờ sờ trước mặt đuôi cũng không đi. Như vậy, các Thiền sư đều đã ngộ rồi, còn phải qua ba mươi năm mới thành một khối hoặc trâu đen mới thành trâu trắng. Đối với chúng ta bây giờ, như tôi chẳng hạn không đủ điều kiện đó nữa.

Ví như có gã phiêu linh lãng tử cùng một số bạn bè từ thuở thiếu thời cất bước phiêu lưu, chàng ta đi lang thang tha phương viễn xứ, mãi cho tới tuổi sắp già. Một hôm bỗng dưng nhớ lại cố hương, lòng yêu quê thôi thúc, anh nhất định tìm về. Nhưng bây giờ đường về đã quên mất, nên anh cứ loanh quanh, luẩn quẩn

mãi. Trải qua nhiều năm như vậy, bỗng dưng một hôm anh tìm được lối cũ, rõ ràng không nghi ngờ. Nhưng anh vẫn chưa về được, vì nhớ lại bạn bè đang lưu lạc khắp nơi. Anh phải đi tìm họ để rủ nhau cùng về. Khi rủ được một số bạn bè đồng chí đồng nguyện, anh bắt đầu cất bước lên đường trở về thì sức đã kiệt, hơi đã tàn. Trên đường về, cố gắng lắm anh cũng chỉ có thể đi chừng một phần ba hoặc một phần tư đoạn đường thôi sẽ ngã quy. Chàng lãng tử kia chết trên đường về chớ chưa tới nhà, như vậy có đáng xót thương không? Cũng thế, trên đường tu cho tới ngày nhắm mắt, tôi biết mình chưa viên mãn bản nguyện, cho nên tôi xót thương tôi.

Hai là tôi xót thương cho bạn bè tôi. Những ai đã nghe tôi nhắc về con người bất tử, hoặc tin trọn vẹn hoặc tin hai phần ba, họ quyết chí nhận cho ra con người bất tử ấy, nhưng lại gặp khó khăn, rắc rối trong lúc tu hành. Nếu không được thiện tri thức phụ giúp, tháo gỡ những gút mắc, có lẽ trên đường tu nhiều chướng ngại, đôi khi họ phải thoái tâm và không đi trọn con đường, cho nên tôi thương xót họ.

Ba là xót thương những người trên đường tu nửa tin, nửa ngờ về con người bất tử. Với những vị này nếu có thầy lành bạn tốt, thiện hữu tri thức hằng nhắc nhở thì tiến, ngược lại buông xuôi thì lùi. Với những người này nếu để mặc tình ra sao thì ra, chắc rằng đường tu khó tiến, nên tôi xót thương họ.

Bốn là xót thương những người rất nhiệt tình khi nghe đến con người bất tử. Họ muốn làm sao nhận cho ra, sống cho được nhưng không có ai hướng dẫn, chỉ bảo. Họ phải nhọc nhằn leo núi này, trèo non nọ để tìm thiện tri thức, nhưng tìm tới nơi rồi họ cũng thấy bất mãn, không được như ý. Những người nhiệt tình như thế nếu nông nổi sẽ dễ đi lạc vào đường tà. Còn người chín chắn, cẩn thận nhưng lâu ngày không tìm kiếm được thiện tri thức, họ cũng chùn chân thối bước, cho nên thật đáng xót thương.

Năm là xót thương những ai có con người bất tử ngay trong thân sanh tử mà không bao giờ nghĩ, không bao giờ đoái hoài đến. Suốt ngày hay suốt đời, họ hài lòng với thân sanh tử này. Hạng người này chẳng khác nào như kẻ có hòn ngọc

quý trong túi mà cam đành sống kiếp lang thang đói nghèo, lại rất hài lòng như vậy. Vì vậy tôi xót thương họ.

Đó là những cảm niệm xót thương của tôi trong thời gian nhập thất.

Như trước tôi đã nói về con người bất tử. Đến đây tôi muốn nêu lên ba điểm xung quanh vấn đề này. Điểm thứ nhất là con người bất tử. Điểm thứ hai là nhận ra con người bất tử. Điểm thứ ba là nhập con người bất tử. Ba điểm đó chính là điều tôi muốn nói với quý vị hôm nay.

Thế nào là con người bất tử? Nhận ra con người bất tử có lợi ích gì và làm sao nhập được con người bất tử? Đó là ba điểm thật hệ trọng đối với người tu chúng ta. Ở đây, điểm thứ nhất và thứ hai tôi giải quyết được, còn điểm thứ ba tôi dẫn chứng qua việc tu hành của các Thiền sư, chứ bản thân chưa làm xong.

Điểm thứ nhất, thế nào là con người bất tử? Trong kinh còn gọi “Con người bất tử” là Pháp thân, Chơn tâm, Niết-bàn v.v... Đó là cái bất tử sẵn nơi chúng ta, nhập được cái đó gọi là Như Lai, là Phật. Đây là tôi tạm định nghĩa trên mặt danh từ. Khi nhận ra được con người bất tử rồi, có lợi ích gì? Quý vị từng tụng kinh Pháp Hoa, phẩm thứ mười sáu Như Lai Thọ Lượng, nói về tuổi thọ của chư Phật. Trong kinh Phật kể tuổi thọ của chư Phật bao nhiêu? Ai có thể chứng được? Phật bảo giả sử như đem thế giới tam thiên đại thiên nghiền nát thành bụi, mỗi hạt bụi đem mài làm mực. Có người dùng thần thông bay qua trăm ngàn muôn ức thế giới, chấm một hột mực xuống rồi bay qua trăm ngàn muôn ức thế giới khác chấm một hột mực xuống nữa. Như thế mà chấm hết số mực thế giới tam thiên đại thiên nghiền nát đó, rồi bay qua những thế giới chấm mực và không chấm mực, gom lại một lần nữa, nghiền nát thành bụi. Mỗi hột bụi là một kiếp, thì tuổi thọ của chư Phật còn hơn số bụi đó nữa. Quý vị có thể nghĩ được bao nhiêu không? Bởi bất tử là không chết, không chết nên tuổi thọ không làm sao tính được.

Tại sao tôi không nói theo kinh là Niết-bàn, là vô sanh mà nói “Con người bất tử”? Bởi người thế gian luôn luôn thích sanh sợ tử nên nói bất sanh họ buồn mà nói bất tử người ta chịu. Vì vậy tôi nói con người bất tử, chớ thật ra có sanh mới có tử, còn không sanh thì lấy đâu mà tử? Kinh nói Niết-bàn, vô sanh là chỉ

thăng vào cái nhân. Nhân không có thì quả làm sao có. Như vậy nếu nhận ra được con người bắt tử đó là Như Lai, nên nói tuổi thọ Như Lai không thể tính, không thể đếm, không làm sao biết được hết.

Đến phẩm thứ mười bảy là Phân Biệt Công Đức. Phân biệt là so sánh, so sánh công đức của người nhận hiểu về tuổi thọ chư Phật khác với công đức của những người làm việc bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục v.v... Có một đoạn Phật nói, nếu người nào khởi một niệm tin hiểu thọ mạng dài lâu của Như Lai thì công đức người ấy không thể tính lường. Một đoạn khác Phật nói, nếu người thiện nam, người thiện nữ nào đối với thọ mạng của Như Lai tin hiểu, không nghi ngờ; người đó sẽ thấy Phật đang ở núi Kỳ Xà Quật vì các vị Bồ-tát lớn và hàng Thanh văn vây quanh nói pháp.

Như vậy ai đối với thọ mạng dài lâu của Phật tin nhận được, người đó sẽ thấy Phật đang ở hội Linh Sơn. Tại sao? Bởi vì thấy được con người bắt tử là thấy Phật. Phật không phải là đức Thích Ca bằng thân xác thịt, mà Phật là Phật pháp thân. Nơi đức Phật Thích-ca có con người bắt tử, nơi chúng ta cũng có con người bắt tử, nhận ra được như vậy gọi là thấy Phật.

Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A-nan sau khi nghe đức Phật chỉ cho thấy trong thân sanh diệt có cái không sanh diệt, Ngài liền tỉnh ngộ. Sau khi tỉnh ngộ Ngài làm bài kệ tán thán Phật, đồng thời nói lên chí nguyện của mình. Bốn câu đầu của bài kệ ấy thế này:

Diệu trạm tổng trì bất động tôn,
Thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu.
Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tướng,
Bất lịch tăng kỳ hoạch Pháp thân.

Bốn câu đó cho chúng ta thấy khi nhận được con người bắt tử rồi được lợi ích gì. Câu đầu Ngài tán thán Phật “Diệu trạm tổng trì bất động tôn”, nghĩa là đức Phật là vị đã đạt được chỗ chánh định, lặng lẽ ở chỗ bất động, đầy đủ vô lượng công đức. Câu thứ hai Ngài tán thán pháp Phật nói là kinh Thủ Lăng Nghiêm, nhờ nghe pháp ấy Ngài tiêu hết các tướng điên đảo trong muôn ức kiếp, ngộ được Pháp

thân. Tưởng điên đảo là tưởng gì? Tưởng điên đảo là giả mà tưởng là thật, thật mà tưởng là không. Bây giờ Ngài mới thấy giả là giả, thật là thật có, chớ không phải không. Rõ ràng khi ngộ được Pháp thân thì các tưởng điên đảo liền tiêu tan hết.

“Bất lịch tăng kỳ hoạch Pháp thân”, nghĩa là không trải qua vô số kiếp mà được Pháp thân. Tại sao? Bởi vì theo kinh nói người tu Đại thừa trải qua các thứ lớp từ sơ phát tâm đến thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng. Đó là hàng Tam hiền trải qua vô số kiếp thứ nhất. Từ Sơ địa cho đến Bát địa là vô số kiếp thứ hai, từ bát địa cho tới diệu giác là vô số kiếp thứ ba. Như vậy, người tu Đại thừa theo tiệm thứ chứng Sơ địa mới thấy được Pháp thân, nên từ Sơ địa Bồ-tát trở lên phá một phần vô minh, chứng được một phần Pháp thân, gọi là phần giác. Ngài A-nan không cần trải qua vô số kiếp tu thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng mà ngay nơi đây thấy được Pháp thân. Vì vậy nói đốn ngộ, thấy một cách mau chóng không cần thứ lớp.

Khi nhận ra nơi mình có con người bất tử rồi, làm sao nhập được sống được với con người ấy? Cũng trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A-nan bạch với Phật rằng: Như một gã lang thang được nhà vua tặng cho ngôi nhà đẹp, nhưng gã không biết làm sao vô nhà, cúi xin đức Phật chỉ cho cửa vào nhà. Nhân đó Phật bảo hai mươi lăm vị Thánh đệ tử thay nhau trình sở ngộ của mình, để chọn ra căn viên thông làm cửa tiến vào ngôi nhà ấy.

Thế nên biết khi ngộ rồi, có được hòn ngọc báu, có ngôi nhà đẹp nhưng còn phải nhập, tức là biết cách vào nhà nữa. Trong kinh Pháp Hoa nói “Khai thị ngộ nhập” cũng cùng một ý nghĩa này. Ngộ là nhận ra, nhập là vào thẳng bên trong chớ không phải ngộ rồi hài lòng ở ngoài cửa, đây mới là thật sống với con người bất tử. Người ngộ rồi bớt được điên đảo nhưng phần phiền não vi tế vẫn còn. Ba thứ độc si, tham, sân chưa sạch hết, chừng nào nhập được con người bất tử mới sạch hết phiền não vi tế. Vì vậy người tu muốn nhập tri kiến Phật hay con người bất tử thì công phu phải rất chín chắn, rất cẩn mật chớ không phải thường.

Làm thế nào để nhập con người bất tử? Như tôi đã nói, suốt đời mình chưa chắc tôi đã nhập xong, làm sao dám nói chuyện nhập cho quý vị nghe. Nên ở đây

tôi chỉ dẫn lại trong kinh những đoạn Phật nói về nhập Pháp thân, tuy chúng ta chưa nhập nhưng biết rõ con đường về nhà như vậy, về sau trong công phu không sợ lầm. Kinh Niết bàn có bài kệ đơn giản thế này:

Chư hành vô thường,

Thị sanh diệt pháp.

Sanh diệt diệt dĩ,

Tịch diệt vi lạc.

Chư hành là các hành nghiệp, tất cả đều vô thường, thuộc pháp sanh diệt. Vọng tưởng của chúng ta có phải là hành nghiệp không? Một niệm dấy lên là hành nghiệp rồi, cho nên vọng tưởng là hành nghiệp. Vì vậy nó thuộc về vô thường, vì dấy niệm là sanh diệt, mà sanh diệt là vô thường. Nếu chúng ta bám vào vô thường thì muôn đời không bao giờ nhập được con người bất tử. Bởi con người bất tử là chân thường, bám vào vô thường làm sao nhận được. Vì vậy phải buông, rũ sạch duyên sanh tử vô thường ấy rồi, mới nhập được con người bất tử. “Sanh diệt diệt dĩ”, chừng nào mầm sanh diệt hết sạch thì tịch diệt hiện tiền. Tịch diệt hiện tiền đó mới là vui, nên nói “Tịch diệt vi lạc”.

Trong kinh Di Đà, Phật nói: “Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nơn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn; kỳ nơn lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền”, nghĩa là nếu có người thiện nam hay thiện nữ chuyên trì danh hiệu Phật A Di Đà hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày cho tới bảy ngày nhất tâm bất loạn; người ấy khi lâm chung đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng sẽ hiện ra ở trước tiếp dẫn.

Loạn là gì? Là duyên sanh tử, là niệm, là động. Còn niệm, còn động là còn dấy, còn loạn, còn sanh tử. Nếu nhất tâm là như như bất động, ấy là được con người bất tử. Trong kinh Niết-bàn gọi Nhất tâm là tịch diệt, tịch diệt là vui. Ở đây nói khi nhất tâm thì thấy Phật Di Đà và Thánh chúng rước về Cực Lạc rất vui. Rõ

ràng muốn đi đến chỗ tịch diệt là phải dứt mầm sanh tử, mới hiện tướng tịch diệt chân thật.

Như vậy cái vui của người tu là thoát ly sanh tử. Tại sao vậy? Vì theo Tứ đế vô thường là khổ, nên còn bị vô thường là còn bị khổ. Do đó tứ khổ, bát khổ... đều căn cứ trên lý vô thường mà nói. Bây giờ muốn hết khổ phải dứt hết mầm sanh diệt, sanh diệt hết rồi thì tịch diệt hiện tiền, đó mới là vui. Cái vui này theo Thiền tông gọi là nhập con người bất tử.

Chúng ta thấy đức Phật khéo tùy duyên, thuận theo cái hiểu, cái nhận của chúng sanh mà Ngài dùng những phương pháp, những ngôn ngữ khác nhau để độ họ. Chúng ta không hiểu, cứ nghĩ rằng tu theo pháp môn này được Phật rước, hưởng sự vui thích tùy ý, còn nói sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui thì thấy buồn quá. Bởi tịch diệt là vắng lặng làm sao vui được. Đó là do chúng ta mê mờ chưa hiểu thôi, chứ Phật dạy cứu kính không hai, không khác. Như vậy để thấy rằng người tu nếu muốn nhập con người bất tử thì phải dứt mầm sanh diệt mới nhập được.

Trở lại kinh Lăng Nghiêm, phần Phật hỏi các vị Thánh đệ tử về cách chọn căn viên thông. Bồ-tát Quán Thế Âm kể lại hạnh tu của Ngài cho đức Phật và đại chúng nghe thế này: “Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở. Sở nhập ký tịch, động tịnh nhị tướng, liễu nhiên bất sanh. Như thị tiệm tăng, văn sở văn tận, tận văn bất trụ, giác sở giác không. Không giác cực viên, không sở không diệt. Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền. Hốt nhiên siêu việt thế xuất thế gian, thập phương viên minh, đắc nhị thù thắng. Nhất giả thượng hợp thập phương chư Phật bản diệu giác tâm, dữ Phật Như Lai đồng nhất từ lực. Nhị giả hạ hợp thập phương nhất thiết lục đạo chúng sanh, dữ chư chúng sanh đồng nhất bi ngưỡng”.

Nghĩa là ban đầu ở trong tánh nghe, vào được dòng viên thông, không còn tướng sở văn nữa. Chỗ nhập đã sâu, đã lặng lẽ thì hai tướng động tịnh không còn, không sanh. Cứ thế lần lần tiến lên, các tướng năng văn, sở văn đều hết tức cái hay nghe và bị nghe đều hết. Cái hay nghe, bị nghe hết rồi, không dừng ở đó phải tiến lên giác sở giác không, tức năng giác và sở giác cũng lặng. Năng giác và sở giác

lặng rồi, không giác viên mãn tức cái năng không và sở không cũng diệt. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền. Bỗng nhiên vượt ngoài thế gian và xuất thế gian, sáng suốt cùng khắp mười phương, được hai thứ thù thắng: Một là trên hợp với tâm diệu giác sẵn có của mười phương chư Phật, tức mình và Phật đồng một tâm, đồng một từ lực. Hai là dưới hợp với tất cả chúng sanh trong sáu đường mười phương, cùng với chúng sanh một lòng bi ngưỡng.

Chúng ta thấy rõ tới chỗ cứu kính sanh diệt hết rồi, tịch diệt hiện tiền, không phải hết mà chừng đó thấy mình siêu xuất thế gian và xuất thế gian. Bấy giờ trên hợp với chư Phật, đồng một lòng từ, dưới hợp với chúng sanh, đồng một lòng bi. Có lòng từ nên muốn ban vui cho tất cả chúng sanh, có lòng bi nên muốn nhỏ hết gốc khổ của chúng sanh. Đó là công hạnh của Bồ-tát Quan Thế Âm.

Công hạnh này chúng ta có thể đối chiếu với mười mục tranh chấu trâu của người tu Thiền. Trong nhà thiền có vẽ mười mục chấu trâu để hành giả thấy được sự tiến từ thô đến tế của mình. Ngay chỗ “sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở” nghĩa là ở trong tánh nghe, nhập được rồi thì quên các tiếng bên ngoài. Đây dụ như con trâu khi ta đã làm chủ được, nắm mũi dẫn đi thì nó quên cỏ, quên lúa mạ bên ngoài, theo ông chủ xoay trở về. Tới “văn sở văn tận”, tức năng văn và sở văn hết, hai tướng động tịnh chẳng sanh. Đây dụ như con trâu đã thuần thực, người chăn thôi sáo trên cây còn trâu nằm ì trên cỏ, không còn phá phách nữa. Đến chỗ năng sở đều hết là chỉ cho không còn trâu, chỉ còn người chăn. Tới “năng giác sở giác không” thì người chăn cũng mất luôn. Rồi “không sở không diệt” là tới vòng tròn, qua được không và sở không rồi mới tịch diệt hiện tiền. Tịch diệt hiện tiền rồi, lúc đó mới qua bức tranh thứ chín là lá rụng về cội, chim bay về tổ, nghĩa là trên hợp với tâm diệu giác của chư Phật. Đến bức tranh thứ mười thông tay vào chợ, tay xách con cá chép tay cầm bầu rượu, nghĩa là dưới hợp với tất cả chúng sanh trong lục đạo đồng lòng bi ngưỡng.

Trong nhà thiền thường nói “ông mới vào Phật giới mà chưa vào Ma giới”. Phật giới là chỗ hợp với mười phương chư Phật, ma giới là chỗ hợp với tất cả

chúng sanh. Để thấy người tu muốn đến nơi đến chốn thì phải trải qua các quá trình như vậy, chớ không phải đơn giản.

Ngày nay có một số người nghe hiểu sơ sài rồi cho rằng cái hiểu của mình đã tốt, mặc tình uống trà, ngâm thơ, đó là bệnh chẳng phải là thiền. Tu hành như thế trọn đời cùng kiếp cũng chẳng tới đâu hết, sanh tử cũng vẫn còn nguyên, huống là những người chưa biết gì.

Tóm lại có mấy điểm then chốt chúng ta cần nhớ. Điểm thứ nhất nghiêng về Tăng Ni, nếu chúng ta tu chưa ngộ đạo, chưa sáng đạo thì phải nhiệt tâm, tinh tấn tu hành, đem hết sức mình miệt mài nghiên ngẫm giáo lý, làm sao phát minh cho được việc lớn. Nếu phát minh được rồi cũng đừng hài lòng ngang đó, mà phải nỗ lực hằng tinh, hằng giác để nhập con người bất tử. Có thể chúng ta mới khả dĩ thoát ly sanh tử được.

Điểm thứ hai với Phật tử, quý vị cũng nên nhớ tuy rằng chuyện thoát ly sanh tử đối với người tại gia khó thực hiện, nhưng nếu có thiện chí, nỗ lực tiến tu nhận cho ra được nơi mình có con người bất tử, như vậy cũng rất tốt, rất nhiều công đức. Chính Bồ-tát Thường Bất Khinh suốt đời Ngài chỉ làm có một việc là chuyên gieo niềm tin cho mọi người biết nơi mình có con người bất tử. Ngài nói: “Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài đều sẽ thành Phật”. Thành Phật nghĩa là đều sẽ tiến vào chỗ bất tử. Mọi người có niềm tin đó là đã có lợi ích lớn rồi, nếu nhập được nữa thì lợi ích kia vô kể.

Chúng ta đừng tưởng tu tới hết vọng tưởng, ở chỗ yên lặng rồi mình trở thành ngu muội. Chính từ chỗ đó mới siêu xuất thế gian và xuất thế gian, chớ không phải thường. Vì vậy trên đường tu không đơn giản, không bình dị như người ta tưởng, mà phải hết sức nỗ lực, hết sức cố gắng mới được. Nếu chúng ta quyết chí tu, phải vận dụng hết khả năng của mình, nhà Thiền gọi là can đảm tột độ, giết người không nhìn lại, khả dĩ mới tiến. Chúng ta vừa nhắc nhở ai đã sợ họ buồn, liền dìm lại coi mặt mũi làm sao, đừng nói tới giết người không nhìn lại. Cái gì cũng muốn bỏ nhưng bỏ thì tiếc nên ngó đi ngó lại mãi, không bao giờ dám dứt khoát. Bởi không dứt khoát nên không tiến được.

Có thể nói, đường trước của người tu là hoa thơm cỏ lạ nhưng cũng lắm gai góc chớ chẳng phải thường. Chúng ta không đi vào ngõ bí, vào lối cùng mà đi tới chỗ đẹp để vô cùng vô tận. “Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ, liễu ám hoa minh biệt nhất thôn”, nghĩa là ta cứ ngỡ rằng cuối non tận nước không còn con đường nào, ngờ đâu riêng có một thôn toàn là liễu đẹp hoa xinh rực rỡ vô cùng. Khi biết rõ như vậy, chúng ta sẽ hăng hái tiến lên, đạp trên gai góc mà đi, không ngại khó khăn, chẳng sợ sây da rách thịt.

Điểm thứ ba, đã biết rõ mình có con người bất tử rồi, mỗi vị phải ráng nỗ lực, nhưng nỗ lực không có nghĩa là bậm môi, trợn mắt, cả ngày giống như giận ai. Tu hành làm gì mà hung dữ vậy! Nỗ lực ở đây là hằng tinh hằng giác. Lúc nào cũng tỉnh, lúc nào cũng giác khả dĩ chúng ta rũ được các duyên sanh tử, thể nhập con người bất tử.

Đó là những điểm chủ yếu chúng ta cần phải nhớ để ứng dụng tu hành. Trong giai đoạn tu mọi người đều nên tự thấy, tự hiểu, tự cố gắng chớ không mong ai khác thay cho mình được. Đó là lời nhắc nhở của tôi sau một thời gian ngắn nhập thất.



NGƯỜI LEO NÚI

Thường Chiếu - 1987

Đề tài tôi nói hôm nay có tên hơi dài một chút Người tìm leo núi chỉ có bản đồ, không người hướng dẫn. Trong đây tôi chia làm sáu mục:

1. Học bản đồ:

Ở đây nói người tìm leo núi vì chưa bao giờ họ thấy núi, nên khao khát muốn thấy ngọn núi, leo tận tới đỉnh để thỏa mãn sự mong muốn của mình. Nhưng vì ở đồng bằng không có núi, cũng không có người hướng dẫn, chỉ có tấm bản đồ. Nương theo bản đồ và được một người giảng cho họ biết vị trí của ngọn núi cách thành phố bao xa, ở tỉnh nào v.v... Tuy nhiên, người giảng ấy cũng chưa chắc đã

leo tận đỉnh núi, nhiều khi họ học trong sách vở, bản đồ rồi giảng cho người chưa học nghe. Sự thật bản thân họ cũng chưa từng leo núi lần nào.

Tôi tạm thí dụ cụ thể như một người ở miền Tây, nghe nói ở Vũng Tàu có hai ngọn núi, một là núi lớn, hai là núi nhỏ. Nghe vậy, họ ước mơ làm sao ra Vũng Tàu leo lên tận ngọn núi lớn, tận ngọn núi nhỏ để nhìn ra biển cho thỏa lòng khao khát. Khi đó gặp người có sẵn bản đồ, họ giảng cho biết nếu ở miền Tây muốn đi ra Vũng Tàu leo núi, thì phải đi từ miền Tây lên thành phố, rồi từ thành phố đi ra Vũng Tàu... Giảng rõ như vậy, người kia chịu khó học, nhưng khi đi nếu không có người hướng dẫn thì phải đem theo tấm bản đồ. Vừa đi vừa dò dẫm, đó là chặng thứ nhất của người leo núi.

2. Nhắm đúng hướng:

Người leo núi tuy có sẵn bản đồ trong tay, nhưng không có người hướng dẫn, nếu biết nhắm đúng hướng thì không sợ lạc đường. Ví dụ từ miền Tây lên thành phố, tới cầu Bình Điền lên dốc cao nhìn về hướng Đông Nam, thấy có những ngọn núi xanh xanh xa tí mù, họ bảo đó là núi Vũng Tàu. Khi xe xuống dốc hết thấy núi, lại phải chạy vô thành phố, qua bao nhiêu ngã ba ngã tư, nếu không khéo họ sẽ bị lạc. Cho nên tuy có một lần thấy núi nhưng chưa chắc đi được tới núi.

3. Kiên nhẫn:

Khi ra khỏi thành phố đi thẳng về Vũng Tàu mà không lạc, đó là có duyên phúc lắm. Tới khoảng gần Bà Rịa thì thấy rõ núi Vũng Tàu, không còn nghi ngờ gì nữa. Tuy thấy rõ núi nhưng với vị trí của họ còn cách mấy chục cây số nữa mới tới, chớ không phải thấy là tới liền. Thấy rõ mà còn phải qua mấy chục cây số nữa mới tới núi, đó là chặng thứ ba.

4. Tới chân núi:

Xe chạy tới chân núi rồi, khi đó họ phải xuống xe, đi bộ thẳng tới chân núi. Lúc này tuy đã đứng dưới chân núi, nhưng vẫn chưa leo lên núi. Cho nên chuyện tới đỉnh còn phải qua nhiều giai đoạn, đòi hỏi sự cố gắng của người leo núi.

5. Nỗ lực leo núi:

Bây giờ bước sang giai đoạn nỗ lực leo núi. Từ dưới chân leo lên tới đỉnh núi, phải đổ mồ hôi ướt áo mới tới được. Trên đường càng phải theo dõi sát với bản đồ để không lạc đường. Bởi trên núi cây rừng um tùm chắn lối rất khó đi, lại thêm nhiều đường mòn quanh co, không khéo người leo núi sẽ loanh quanh lẫn quẩn mãi không tiến lên được. Vượt qua hết những chướng ngại ấy là leo lên tới đỉnh núi, thấy trời biển bao la, cảnh trí tươi mát, thỏa mãn được nguyện vọng bấy lâu nay. Đây là giai đoạn hoàn tất quá trình leo núi.

6. Tới đỉnh núi:

Tới được chót đỉnh rồi, tận hưởng gió mát trong lành, mây nước thênh thang, cảnh vắng lòng yên, không ồn ào náo nhiệt bụi bặm như dưới thành thị, mới thích thú làm sao! Khi hưởng được sự an lạc như thế, chợt nghĩ đến nhiều bạn bè người thân muốn được leo núi như mình. Vì vậy người này trở xuống núi, trở về hướng dẫn bạn hữu cùng ra Vũng Tàu, leo núi với họ.

Đó là sáu chặng đường tôi nói về “Người tìm leo núi chỉ có bản đồ, không người hướng dẫn”. Bây giờ hợp pháp, học bản đồ dụ cho người tu Phật chúng ta. Ai tu Phật cũng đều nghĩ tới mục đích cuối cùng là giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử thì phải nhận ra nơi mình có pháp thân bất sanh bất diệt. Kinh Hoa Nghiêm gọi là ngọn núi Diệu Phong. Như vậy đầu tiên chúng ta phải học bản đồ, học về vị trí ngọn núi đó ở đâu. Đó là lúc chúng ta bắt đầu học kinh, để biết người tu muốn tiến tới giải thoát phải thế nào? Hiểu cho rõ biết cho rành đó là chặng thứ nhất.

Đến chặng thứ hai học kinh rồi, đã nắm vững bản đồ, mình còn biết hướng tu, tức hướng đi đúng. Bởi đúng nên bỗng dưng có một phút giây nào đó mình lóe sáng lên. Khi lóe sáng dụ như người lên dốc cầu Bình Điền nhìn xa xa thấy núi Vũng Tàu. Thấy thì thấy nhưng trên đường đi còn rất xa, có thể mình sẽ bị lạc lối nếu không cẩn thận. Chỗ này chúng ta cần lưu ý. Nhiều người tự sáng, rồi tưởng sáng đó là xong, nhưng không ngờ còn xa vời lắm. Bởi trên đường có nhiều khúc quanh nhiều lối rẽ, cần phải đề dặt chớ không thể thấy như vậy là xong việc. Thấy núi mà chưa chắc là đến núi được.

Tới chặng thứ ba là đứng nơi chỗ trống, như ở Bà Rịa nhìn qua núi Vũng Tàu thấy núi rất rõ. Tuy thấy rõ nhưng vẫn còn cách núi một khoảng. Cũng vậy, khi tu công phu khá ta nhận ra nơi mình có cái chân thật không còn nghi ngờ, như người đã thấy núi trước mắt. Trong nhà thiền gọi đây là kiến tánh, tức thấy rõ môn một cái mình cần thấy. Ở đây nói “thấy” là tôi tạm dùng chữ, chớ đúng ra là nhận được không nghi ngờ gì nữa. Như người đứng xa vài chục cây số thấy rõ chót núi, đường lên núi có những tảng đá hay cây xanh. Thấy rõ nhưng chưa phải đến núi. Người tu kiến tánh chỉ được không còn nghi thôi, chưa phải rồi việc.

Tới chặng thứ tư, đến chân núi mà chưa leo lên núi. Chúng ta tu nhận ra được bản tánh chân thật của mình không còn ngờ vực gì nữa, nhưng công phu chưa xong. Bây giờ phải cố gắng tiến tu, hôm nào công phu tạm được, giống như người đã đến dưới núi. Chân đạp trên những hòn đá dưới chân núi, chớ chưa phải đến chót núi. Như vậy cũng chưa xong, còn phải leo lên tận chót núi. Cũng thế, chúng ta tu khi thấy được nơi mình có cái chân thật không ngờ vực và sống được với nó phần nào, gọi là người đã đạp trên đất thật, nhưng chưa phải rồi việc, còn công phu thêm một giai đoạn khá mệt nữa mới được.

Tới chặng thứ năm là leo đến đỉnh núi. Từ khi đạp được đất thật rồi, mình biết rõ công phu đã tiến không lắm, nhưng không dừng ngang đó mà phải cố gắng nỗ lực hơn. Mọi thứ phiền não vi tế đều gột sạch, tâm hoàn toàn thanh tịnh sáng suốt, giống như người leo đến đỉnh núi. Bây giờ sở nguyện đã mãn, trong nhà thiền gọi là nhập Phật quốc, tức mục thứ chín trong mười mục chẵn trâu. Song nếu ta hài lòng ở đó, mặc tình ngắm mây ngắm biển, như vậy chỉ lợi cho mình, còn bao nhiêu bạn bè thân thuộc ao ước được như mình, mà chưa có cơ hội. Vì vậy tới đây phải tiến thêm một chặng nữa.

Chặng thứ sáu, từ trên chót núi ta trở xuống, dẫn bạn bè cùng leo núi với mình. Giai đoạn này chỉ cho người khi đạt đạo rồi, phiền não hết sạch thì trở lại trong bụi trần dừ dất hóa độ chúng sanh. Đó là mục thứ mười của mười mục chẵn trâu.

Công phu tu tập cho đến chỗ cứu kính viên mãn phải trải qua nhiều giai đoạn như thế. Bởi vậy chúng ta mới hiểu chư Tổ khi ngộ đạo rồi, các ngài cũng phải mấy mươi năm ở yên một chỗ để thực hành công phu cho xong. Trên đường tu chúng ta chớm thấy một hai cái sáng, tưởng đó là đủ thì lắm. Phải tới chạng thứ sáu mới vuông tròn, mới xong bốn phận.

Tôi mượn hình ảnh “người tìm leo núi, chỉ có bản đồ không người hướng dẫn” để dụ cho sự tu hành của chúng ta. Hiểu rõ như thế mình mới không làm lẫn, chớ nhiều khi người có bệnh tự mãn, tu chưa đến nơi mà đã cho là xong việc. Đó là tai hại khiến công phu mình lui sụt, do đó trên đường tu tất cả phải cẩn thận.

Nhân tiện đây, tôi nhắc nhở cho Tăng Ni nắm rõ tinh thần tu tập của Thiền viện. Bởi vì có hai trường hợp thường xảy ra: Thứ nhất, những vị ở Thiền viện lâu quá thì sanh lờn, quên mục tiêu ban đầu của mình nên tu hành giải đãi. Thứ hai, một số vị mới tới, ít có cơ hội nghe chúng tôi giải thích kỹ, nên không nắm vững tinh thần tu học của Thiền viện. Do đó hôm nay tôi nhắc lại cho người cũ nhớ thêm, người mới hiểu rõ tinh thần tu học ở Thiền viện.

Trước kia bản thân tôi đã từng học qua trường lớp của Phật giáo, cũng đã từng dạy từ tiểu học, trung học cho tới cao học Phật giáo. Nhưng tại sao tôi lại không chủ trương mở lớp dạy giáo lý cho Tăng Ni Phật tử hiểu đạo, mà lại chủ trương lập Thiền viện để tu? Đó là chỗ tôi muốn nói cho tất cả Tăng Ni hiểu rõ.

Bởi vì sau khi qua những trường lớp, tự bản thân mình học rồi dạy người khác học, tôi thấy rất rõ những ưu khuyết điểm của việc này. Trong nhà Phật có tam tuệ học là Văn, Tư, Tu. Văn tuệ và Tư tuệ là hai yếu tố đầu, nếu người nào muốn hiểu đạo Phật phải bắt đầu từ đó. Văn tức là nghe, nghe có nghĩa là học. Cho nên ở thế gian người ta dùng từ đa văn tức là học rộng. Chữ văn có nghĩa là học, nhưng không phải học để trả bài mà còn phải suy gẫm nữa. Bởi lời Phật dạy không đơn giản như những môn học thế gian, chỉ cần học thuộc lòng công thức đó mình có thể làm được những bài toán.

Ở đây, học rồi phải suy gẫm mới hiểu. Ví dụ Phật dạy chúng ta phải quán các pháp vô thường. Nói các pháp vô thường ai cũng hiểu, nhưng muốn thâm nhập

nó, ta phải quán như thế nào? Đầu tiên là quán thời gian. Một ngày vừa thức giấc chúng ta thấy sáng rồi tới trưa, chiều, tối. Ngày nay chuyển biến như vậy, ngày mai cũng chuyển biến như vậy, thời gian không dừng ở một điểm nào hết, nên nó vô thường. Chỉ biết thời gian vô thường thôi chưa đủ, phải xét tiếp thời gian vô thường đó có ảnh hưởng đến con người chúng ta không?

Con người sanh ra, lớn lên, từ thiếu niên thành thanh niên rồi tới trung niên, lão niên, cứ nối tiếp thay đổi chớ không ai ở mức thiếu niên hay trung niên hoài. Như vậy, con người cũng bị thời gian chi phối. Thời gian là một dòng chuyển biến vô thường, bản thân chúng ta cũng là một dòng chuyển biến vô thường. Đến sự vật cũng thế, như ta trồng cây, lúc mới trồng là cây con, lần lần cây lớn lên rồi tới già, tới rụi và cuối cùng cây chết. Chúng ta nhìn tất cả sự vật đều như thế.

Quán cho thật thấu đáo rồi, mới thấy con người đang sống trong sự xê dịch vô thường. Từ ngoại cảnh cho tới bản thân, luôn luôn chuyển biến không dừng. Xét kỹ như thế, mình mới thấy Phật nói lý vô thường thật hay, thật chí lý. Chớ chỉ nói suông vô thường là thay đổi, không có sự suy tư của mình, thì chưa thể thấu đáo được lý vô thường.

Khi đã biết thân vô thường, cảnh vô thường, thì có gì để tham? Con người tham vì nghĩ cái mình thích còn mãi, nay đã biết nó là vô thường, thì tham chi nữa. Do thấy được lẽ thật ấy nên lòng tham tự nhiên giảm, đó là tu rồi. Hoặc khi nghe ai vừa chửi mình một câu, ta nổi giận liền nhớ thân này mai một cũng chết, giận mà chi? Nhớ thế thì bớt giận. Còn mình nói tôi đường đường như vậy mà dám chửi hả, đó là ngã mạn, tức nhiên lòng sân tăng trưởng. Cho nên Tư tuệ là thấy được chân lý từ chính sự suy gẫm của mình tức là thấy được lẽ thật, tu mới dễ.

Người tu do tưởng tượng sẽ không tu được lâu dài, vì tưởng tượng đâu có đúng sự thật. Ví dụ người thế gian thấy quý thầy có vẻ thông thả, tới lui tỵ tại không có ràng buộc gì hết, nên nghĩ ở trong chùa chắc sướng? Tưởng tượng như thế liền xin vô chùa. Khi đã vô chùa, thấy sao cũng có nhiều điều phiền toái, mất tự do, không được như ý, lại nghĩ không chừng ra ngoài sướng hơn. Đó, cứ như vậy mà đổi chỗ hoài, nhảy vô nhảy ra lằng xằng lộn xộn cả đời không đi tới đâu

hết. Cho nên khi tu là phải suy gẫm cho thật đúng lý Phật dạy. Hiểu tột lý rồi việc tu mới dễ tiến.

Lý vô thường đơn giản nhất, cụ thể nhất, hiểu được cho đến nơi là chúng ta tu cũng đã khá rồi, hướng nữa là thấu triệt lý nhân duyên, lý vô ngã v.v... hay biết chừng nào. Thế nên bước đầu của người tu, Phật dạy phải văn. Văn tức là nghe, học, kể đó phải tư. Học không chưa đủ mà phải suy gẫm. Nên học là để tu chứ không phải học suông. Vì vậy trong nhà Phật có vô lượng pháp môn là tùy theo căn cơ tu tập của chúng sanh khác nhau mà có. Mỗi một pháp môn tức là một lý thật Phật dạy cho mình thấy, thấy được lý thật đó là có được một pháp môn tu. Quán vô thường là một pháp môn, quán nhân duyên là một pháp môn v.v... Cho nên học để tu, đó chính là tinh thần của Thiền viện.

Tăng Ni ở các Thiền viện học mấy năm cũng không có lên lớp. Học mười năm, hai mươi năm cũng cứ học để hiểu, hiểu để tu, chứ không có phát bằng cấp nào cả. Chúng ta nhớ hồi thời đức Phật, có tiểu học, trung học, đại học gì đâu? Khác chăng là người tu chưa chứng và người đã chứng thôi. Chưa chứng gọi là hàng hữu học, đã chứng gọi là hàng vô học. Thành ra học đạo mà còn kẹt cấp bằng là một chuyện hết sức đáng buồn.

Chính những năm tôi từng chấm thi, tôi rất buồn, vì thấy dường như người lớn gạt kẻ nhỏ. Bởi học rồi tới thi, cả năm bài vở nhiều quá làm sao nhớ hết. Mà thi thì tâm trạng Tăng Ni sinh luôn luôn sợ rớt. Rớt thì không được lên lớp nữa, thành ra họ phải cố gắng làm sao cho đậu. Nếu không thuộc bài phải tìm cách làm bài được, cách đó là cách gì? Là nhét tài liệu vô túi, vô cặp, chép lên bàn để quay. Như vậy người học đạo để tu, mà bây giờ lại thành mưu đồ gian lận, còn gì ý nghĩa của sự tu hành nữa! Chính điều này làm tôi hết sức đau lòng. Mình dạy là để người ta tu, bây giờ vô tình mình tạo điều kiện cho người ta gian lận, tức là hết tu rồi. Vì thế thời gian dạy học các trường, các lớp, tôi cảm thấy rất buồn. Tôi không thích điều đó. Tôi muốn làm sao người học đạo, thật sự thuần túy là học đạo, chứ không kẹt danh, kẹt lợi như thế.

Do đó tôi thành lập Thiên viện, bắt Tăng Ni học thì cứ lên lớp học. Hiểu thế nào trình bày lại cho đại chúng nghe thế ấy, trao đổi kinh nghiệm tu tập thêm. Mấy năm cũng như mấy năm, cứ học tới hoài, không nói năm nay vị đó đã mãn cấp trung học, sẽ thi tuyển cấp đại học v.v... Học Phật để hiểu giáo lý cho thâm sâu rồi tu. Mà muốn hiểu giáo lý thâm sâu thì phải Tư, không Tư thì không hiểu sâu được. Chúng ta nhớ trong kinh Phật thường hay dạy các thầy Tỳ-kheo thường phải tìm nơi vắng vẻ, ngồi dưới cội cây để suy tư, hay là chánh tư duy những pháp Phật dạy. Nhờ tư duy đó mà các thầy hiểu sâu.

Tôi thấy một số thầy ngày nay rất đáng buồn. Học xong rồi nhóm lại nói chuyện bên Đông bên Tây, không tư duy gì hết, do đó không thấm, không thường thức được pháp vị chân thật của Phật dạy. Học lồi trả nợ, rảnh ngồi nói dóc với nhau, rồi cười giỡn, không để phút giây nào yên tĩnh ngồi suy tư, bao giờ mới thấu hiểu lời Phật dạy. Không hiểu Phật dạy thế nào nên cũng không biết ứng dụng tu ra sao. Thử hỏi như vậy có đáng buồn không? Bây giờ ngoài thời gian lao động ra, khi nào rảnh, thiếu gì những gốc cây, cây đào, cây tùng, cây vú sữa... Có rất nhiều chỗ ngồi, mấy huynh đệ ngồi một mình gẫm lại những lời Phật dạy. Gẫm như vậy gọi là suy tư, thấu hiểu thật chí lý lời Phật dạy, mới thấy hay.

Tôi ngày xưa lúc ở chùa Phật Quang được học kinh Lăng Nghiêm. Học rồi tôi suy gẫm thấy quá hay. Những buổi khuya tôi thường dậy trước giờ thức chúng, ngồi học một mình. Đọc xong đoạn kinh nào rồi, tôi xếp sách lại suy gẫm lời Phật dạy, thấy hay quá. Mấy chục năm ở ngoài thế gian chưa từng nghe được những lời như vậy, bây giờ mới được nghe, tự nhiên tôi xúc động rơi nước mắt. Tôi nghĩ nếu mình không gặp Phật pháp thì chẳng biết thành cái gì, suốt một đời sống vô nghĩa. Như chúng ta thấy con người sanh ra rồi lớn lên, lo ăn học, kế có gia đình, có con, nuôi con. Khi con lớn khôn là mình sửa soạn già chết. Mà chết đã yên đầu, còn sự quyền luyến vợ con, tiền bạc nên trở lại nữa. Cứ như vậy đáo đi lộn lại trầm luân muôn kiếp.

Bây giờ chúng ta được học giáo lý chân thật, nhận biết ngoài cuộc sống bình thường, con người còn có một lý tưởng cao siêu vượt hơn tất cả, tự nhiên

mình thấy tâm hồn siêu thoát. Từ đó mới ý thức giá trị của sự tu là quý, nếu không hiểu như vậy, tu một lúc sao thấy thường quá. Rồi cũng ăn, cũng mặc, cũng cười, cũng giận, cũng đi chơi như ai, cuối cùng không ý thức được giá trị của sự tu hành chút nào hết.

Vì vậy quý vị nên có những phút giây yên tĩnh để suy gẫm về pháp. Suy gẫm thấy hay mới ứng dụng tu. Như chúng ta ai cũng có ba độc chứa sẵn trong người. Ba độc là tham, sân, si. Có người nghe ba độc, học hiểu ba độc và giảng được ba độc nữa. Nhưng thiếu tu nên ai vừa chọc tới liền nổi sân đùng đùng. Như vậy Văn, Tư chỉ là phương tiện bước một bước hai, mà kết quả thành tựu tốt hay không là yếu tố thứ ba Tu.

Hồi xưa thời của chúng tôi, do nhu cầu truyền bá Phật pháp đòi hỏi nhiều, nên chư tăng học rồi phải đi giảng dạy ngay, không có thì giờ tu. Bấy giờ tôi tự an ủi mình rằng, ráng dạy một thời gian để đền ơn Thầy Tổ. Thật tình tôi không bằng lòng làm một cái máy phát thanh, cứ thâu vô bao nhiêu phát ra bấy nhiêu, không đi tới đâu hết.

Trong kinh Hoa Nghiêm có một đoạn rất hay. Khi Thiện Tài đồng tử hỏi vị thiện tri thức nếu chỉ nghe, hiểu đạo thôi có đủ chưa? Thiện tri thức giải thích ví như có người đi trên bãi sa mạc vào lúc trưa hè, lại không đem theo nước. Bấy giờ khát nước cháy cổ, người kia muốn tìm chút nước uống cho đỡ khát, nhưng không biết tìm ở đâu? Bỗng đằng xa có một người đi lại, anh này liền hỏi: “Thưa anh, chỗ nào có giếng, có bóng mát xin chỉ dùm, tôi khát quá”. Người kia bảo: “Anh tới ngã ba, rẽ bên phải, đi một đỗi nữa sẽ có bóng mát, bên cạnh gốc cây ấy có một giếng nước”. Anh chàng khát nước cháy cổ nghe nói thế mừng quá, nhưng chưa đi tới đó thì hết khát nước không? Như vậy nghe nói, hiểu rõ còn phải đi tới nơi, vốc nước lên uống, chừng đó mới hết khát.

Cũng thế, nếu chúng ta chỉ học là Văn, rồi hiểu là Tư mà thiếu Tu thì không đi tới đâu, vì khổ của phiền não vẫn chưa hết. Cho nên có nhiều vị Giảng sư giảng thao thao bất tuyệt, mà lâu lâu đùng một cái ra đời. Hỏi tại sao thầy giảng hay quá

mà ra đời? Là vì thiếu tu, cũng như khát nước nhưng chưa uống được thì vẫn cháy cổ như thường.

Tu giống như nghe chỗ bóng mát, có giếng nước, mình đang đi tới đó. Trong lúc đang đi cũng vẫn khô cổ như thường? Chùng nào đi tới đích, thưởng thức được vị mát của nước rồi mới hết cháy cổ. Hiểu như vậy mới biết đạo lý chân thật không cho phép chúng ta nói suông mà phải thực hành, có hành mới thấy giá trị của sự tu.

Hồi xưa Phật còn tại thế, nhiều thầy Tỳ-kheo khi đắc đạo rồi rất vui mừng, vì thấy cuộc sống hết sức cao cả. Người tu đáng để cho thiên nhân cúng dường mới gọi là Ứng cúng. Bởi có tu mới thấy đạo pháp quá cao siêu, không phải tầm thường lẫn quần trong vòng sanh tử luân hồi. Còn chúng ta bây giờ tu hơi yếu. Hồi mới phát tâm thì mạnh, ở chùa lâu sanh lờn, kể đó yếu dần rồi thôi tâm luôn.

Cho nên học là phương tiện đầu. Thầy giúp cho chúng ta hiểu, nhưng hiểu sâu là phải do công phu suy tư của mình. Kế đến tu được cũng là công phu của mình, chứ thầy không làm hai việc sau được. Đạt chân lý là mình, rồi thực hành đến nơi đến chốn cũng do mình. Hai việc sau đòi hỏi mỗi người phải cố gắng, chứ thầy không làm thế được.

Như vậy tinh thần tu học của Thiền viện là tạo điều kiện cho Tăng Ni nghe, suy gẫm, còn tu là phần của quý vị. Ở đây tôi thường hay nhắc chúng ta không chỉ tu trong giờ tọa thiền, tụng kinh mà giờ nào cũng phải tu hết. Hoặc ta ngồi chỗ riêng vắng, suy gẫm lại lời Phật dạy, đó gọi là chánh tư duy. Hoặc khi ngồi chơi chỗ thanh vắng, nhìn thấy những luồng vọng tưởng dấy khởi, mình biết rõ không thèm chạy theo nó, đó là tu. Hoặc do suy gẫm, thấy được lẽ thật nơi mình, nhìn tất cả trò ảo hóa mình cười thôi, không có gì quan trọng hết, đó là tu.

Quý vị nhớ nhiều người ngồi tán dóc thì khó tu lắm. Ban đầu cũng nói chuyện tu hành hoặc chuyện học kinh. Nhưng nói một hồi lảng qua chuyện khác lúc nào không hay. Thế là chuyện bên Tây bên Tàu, chuyện tiểu lâm, chuyện vui cười rùm lên. Hết nhóm này vui cười, tới nhóm khác vui cười, rồi cả liêu ôn náo,

không có chút yên tĩnh. Phật tử tới chùa nghe trong liêu quý thầy ồn náo, họ vui không? Họ đánh giá ra sao? Quý thầy đang tu hay quý thầy đang giỡn?

Phật tử tới chùa thấy quý thầy rảnh rang, mỗi vị ra ngồi dưới cội cây, gương mặt thanh thản cười mỉm. Thấy quý thầy sống hết sức thanh tịnh, tự tại, người ta mới quý kính. Chớ còn ngồi dùm ba dùm bảy cãi nhau hoặc nói chuyện tàu lau rồi cười, thì ai mà quý kính được! Không phải mình tu làm tướng cho Phật tử thương cúng dường, nhưng mình phải thật sự sống trong chánh tư duy, suy gẫm về chân lý. Như vậy mới đúng ý nghĩa người tu, vừa có lợi cho mình vừa có lợi cho tất cả mọi người. Đó là điều tôi muốn nhắc tất cả Tăng Ni nhớ, ứng dụng tu có kết quả tốt đẹp cho bản thân và tập thể.

Những năm ở Chân Không, tôi rất bằng lòng về việc tu học của chư tăng. Trước tiên tôi tạo điều kiện cho chư Tăng tu học thuận lợi về mọi mặt. Sau ba năm học, quý thầy có khả năng được nhập thất đôi ba năm rất yên tĩnh. Mọi sự lo lắng bên ngoài đều được chu toàn. Người tu mà đa đoan bận bịu nhiều việc quá tu khó tiến. Những lúc ta rảnh rang chỉ chuyên làm một việc thì mức tiến thấy vượt bực rõ ràng. Như vậy Tăng Ni mới có đủ lòng tin rằng không tu thì thôi, chớ có tu là có tiến.

Tôi tự thấy mình có trách nhiệm là kẻ đi trước, phải làm sao hướng dẫn người đi sau đừng lòng vòng uổng đi một đời tu. Nếu căn cứ trên lịch sử Phật giáo thì thời nào có những vị Tăng Ni tu hành ngộ đạo, thời đó là thời thịnh hành của Phật giáo, chớ không phải đông người tu là thịnh. Ví dụ gần nhất là cuối thế kỷ mười tám, ở Huế chỉ có Thiền sư Liễu Quán là một vị tăng Việt Nam tu ngộ đạo, mà đến bây giờ ở Huế cũng như trong Nam vẫn còn hệ phái Liễu Quán. Một người ngộ đạo thôi mà đã kéo dài cả hai thế kỷ như vậy.

Do đó muốn duy trì Phật pháp dài lâu phải có người tu thấy đạo, ngộ đạo. Chớ còn Tăng Ni chỉ chú trọng trên lý thuyết hay cấp bằng thì đạo pháp khó giữ được bền lâu. Do đó tôi nghĩ mỗi vị cố gắng tu, để mai kia sáng được lý đạo thì bản thân mình xứng đáng một đời tu, mà đối với Phật pháp mình còn duy trì được lâu dài nữa. Đó mới thật là người tu sĩ đủ tư cách đền đáp bốn ơn.

Vì vậy cái học ở Thiên viện là học để tu. Sau thời gian học, chư tăng được nhập thất, cố gắng tu để thấy rằng những gì Phật dạy chúng ta là sự thật. Kết quả tu học có được chính là niềm tin vững chắc nơi quý vị. Tăng Ni tin chắc chắn rằng nếu nỗ lực tu tập, nhất định có ngày mình sẽ thấy đạo, sống đạo và hành đạo được như các bậc đã giác ngộ giải thoát. Đó chính là mục đích cứu kính của người xuất gia chân chánh.

*Dưới đây là Phật tử thưa hỏi thêm:

- Kính bạch Thầy, mục thứ tư Thầy nói ở đây có phải là mục thứ chín của mười mục chẵn trâu?

- Không phải.

- Như vậy là mục thứ tám?

- Cũng không hẳn. Vì mục thứ tám là không còn trâu, không còn chẵn, đó là đứng về mặt Tiểu thừa mà nói, người tu đến đây đạt quả A-la-hán, hết sạch phiền não. Nhưng đứng về Thiên tông mà nói, tuy không còn trâu không còn chẵn tức không còn kẹt trong đối đãi, nhưng chưa phải rồi. Còn công phu nhiều nữa mới nhảy khỏi đầu sào trăm trượng. Tới đầu sào trăm trượng thì trâu và chẵn còn ở trên đầu sào, khi nào nhảy khỏi đầu sào mới vào được Phật quốc. Nhảy phóc một cái qua khỏi chỗ đó là chết sống chớ không phải chuyện thường. Cho nên nhiều khi chúng ta tu dễ lầm lẫm, tới chỗ nào đó mình tưởng đủ rồi, ngồi thành thoi ca hát vui chơi, đó là không đúng.

- Kính bạch Thầy, từ lâu con có thắc mắc về trường hợp các vị tu theo Tiểu thừa, nói rằng chúng A-la-hán thì không còn ưu buồn. Nhưng trong sử nói ngài Mục Kiền Liên đã là A-la-hán rồi, sau khi gặp mẹ bị thọ khổ hình trong kiếp nga qui, Ngài vẫn khóc. Như vậy Ngài vẫn còn buồn?

- Có hai trường hợp: Thứ nhất, đứng về mặt Tiểu thừa thì như thế là không đúng, vì còn xúc động là còn hữu lậu. Thứ hai, đứng về mặt Đại thừa thì không có lỗi, vì Bồ-tát còn khóc kia mà. Bồ-tát khi thấy chúng sanh khổ, mình không giúp được các Ngài xót xa có khi khóc. Đó, huống nữa ngài Mục-kiền-liên thấy mẹ khổ mà giúp không được, Ngài khóc là lẽ đương nhiên. Thành ra chúng ta hiểu theo

cái nhìn Nguyên thủy thì như vậy Ngài có lỗi, nên các sư Nguyên thủy nghi bản dịch Hán tạng không đúng, không biết nguyên bản chữ Phạn thế nào? Nhưng với tinh thần Đại thừa thì nói ngài Mục-kiền-liên, ngài Xá-lợi-phất chẳng qua chỉ mượn hình thức Thanh-văn, để thực hành hạnh Bồ-tát. Cho nên gọi ngoại hiện Thanh-văn nội biến Bồ-tát. Hiểu thế thì nói đúng cũng được, nói không đúng cũng được.

- Thừa Thầy chỗ lậu tận của A-la-hán với chỗ vô tâm trong nhà thiền có giống nhau không?

- Cũng chưa giống nhau. Vì lậu tận của A-la-hán là các Ngài dứt sạch hết nghiệp, không còn sanh trong tam giới nữa. Còn vô tâm của nhà thiền là không có tâm phân biệt sanh tử, nhưng còn cái thể chân thật bất sanh bất diệt. Nên tuy không có tâm sanh tử nhưng các Ngài vẫn lưu nguyện để đi trong sanh tử, thực hành tự lợi lợi tha cho được viên mãn.

Hai bên khác nhau. Một bên thì tới chỗ bật hết mọi nghiệp chướng rồi an trú vô sanh. Còn một bên tuy không có tâm sanh diệt nhưng còn thể chân thật. Tâm không dấy động nữa mà vẫn khởi đại bi tâm phát nguyện đi trong sanh tử. Khởi đại bi tâm phát nguyện tức là còn tâm, do còn tâm mới có thể đi trong sanh tử, nếu không như thế làm sao độ chúng sanh? Cho nên chúng ta thường nghe nói chư Bồ-tát hay lưu vi tế hoặc, trần sa hoặc để đi trong sanh tử, độ tận chúng sanh.



CỘI GỐC SANH TỬ VÀ NIẾT-BÀN

Chùa Hồng Pha Toronto - 1994

Hôm nay thể theo lời yêu cầu của chư Tăng Ni tại đây, chúng tôi sẽ thuyết một thời pháp cho tất cả Tăng Ni Phật tử nghe, với đề tài Cội gốc sanh tử và cội gốc Niết-bàn.

Thật ra người tu không phải ham tu là tu được, mà đòi hỏi phải thâm nhập Phật pháp cho sâu, sau đó ứng dụng tu mới đạt kết quả tốt. Nếu chỉ biết tu mà không hiểu Phật pháp, đó là một thiếu sót lớn, có thể dẫn đến nguy hại. Bởi người

không hiểu Phật pháp dễ đi lệch lạc, rơi vào tà đạo lúc nào không hay. Vì vậy đối với Tăng Ni cũng như Phật tử, hiểu Phật pháp là mấu chốt trọng yếu trên đường tu.

Chúng ta tu ai cũng muốn giải thoát sanh tử, thế nên trước hết cần phải biết nguyên do nào chúng ta phải trầm luân trong sanh tử. Biết gốc trầm luân sanh tử rồi mới biết nhân giải thoát. Vì thế ở đây tôi nêu lên hai vấn đề gốc sanh tử và gốc giải thoát, để chúng ta biết cái nào hiểm nguy thì tránh, cái nào cao siêu lợi ích thì hành. Trong kinh Phật dạy đầy đủ tất cả đường lối tu trì, nhưng vì chúng ta không đủ duyên nên không nghe, không nhận được.

Trước tiên nói về có và không hay khen và chê, tôi xin dẫn kinh Trường A-hàm. Một hôm đức Phật trên đường về Tịnh xá Trúc Lâm, có hai thầy trò ngoại đạo theo sau. Ông thầy tìm đủ cách chỉ trích chê bai đức Phật, ngược lại người trò dùng mọi lời lẽ tốt đẹp tán thán khen ngợi Như Lai. Vì thế chư Tỳ-kheo bực bội không vui, về tới Tịnh xá các thầy liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, tại sao đối với đức Phật mà ông thầy thì chê, người trò lại khen, như vậy ai đúng?

Đức Phật trả lời:

- Các người đừng nói ai đúng, nếu nghĩ khen là đúng, chê là đúng thì các người sẽ bị phiền não. Nếu nói khen đúng thì người được khen sinh tâm ngạo mạn. Nếu nói chê đúng thì người bị chê sẽ sanh ra bực bội. Như vậy đừng để khen chê làm cho tâm mình sanh phiền não.

Phật tử đối với việc khen và chê thế nào? Chúng ta được khen có vui không, bị chê có buồn không? Ta nên nhớ chắc gì người khen là thực khen, nhiều khi họ khen xã giao cho được lòng mình. Hoặc nhiều khi người ta ghét nên chê cho mình bực bội, như vậy chê cũng không đúng. Thành ra khen chê không có lẽ thật. Như vậy nghe khen vui, nghe chê buồn là mình sáng suốt hay không sáng suốt? Chắc chắn là không sáng suốt rồi.

Bây giờ làm sao người ta khen mình đừng vội mừng, người ta chê mình đừng vội giận mà phải xét lại mình? Điều này hết sức nhỏ nhưng chúng ta phải cẩn thận đừng bị làm. Phật nói có những điều người ta khen Thế Tôn nhưng cái

khen đó chỉ là hình thức bề ngoài, không có gì quan trọng. Còn một điều quan trọng hơn, đáng để khen hơn của một vị Tỳ-kheo là khi mắt đối với sắc, tâm không dính, không nhiễm, biết rõ ràng mà không bị nó cột trói. Đây là điều đáng khen mà thế gian không biết, chỉ có những đệ tử chứng A-la-hán mới khen những điều đó.

Khi tai ta nghe tiếng, biết rõ ràng tiếng khen tiếng chê mà tâm không dính, không bị cột trói. Khi mũi người mũi biết rõ thơm hôi nhưng cũng không dính mắc... cho đến lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp trần không dính không mắc một thứ nào hết mới đáng được khen ngợi, nhưng người đời lại không biết. Chỉ có những vị A-la-hán mới biết khen ngợi như thế thôi.

Người thế gian thường khen những hình thức giả tạm bên ngoài, còn cái thực là đối với sáu trần biết rõ ràng mà không dính không nhiễm thì không khen. Ví dụ quý Phật tử thấy chư Tăng Ni tu, người nào ra đường nghiêm trang tề chỉnh, đi ngó dưới đất, không ngó qua ngó lại, hoặc thấy thầy cô nào ăn mặc rách rưới sơ sài... quý vị khen thầy cô đó tu rất nghiêm chỉnh đạm bạc. Còn những thầy cô được người đem biếu tặng vật gì đẹp mắt nhưng không ham, không nhận, quý vị làm sao biết mà khen? Như vậy chúng ta chỉ thấy hình thức bên ngoài, còn tâm niệm trong sáng không dính không mắc bên trong người đời ít ai thấy được.

Người tu hình thức tuy rất nghiêm trang nhưng nội tâm còn dính mắc thì vẫn không thể giải thoát như thường. Còn người tuy hình thức tầm thường nhưng mọi dính mắc đều không cột trói được, người đó tự nhiên được giải thoát. Cho nên chúng ta phải biết rõ trọng tâm khen chê không phải ở hình thức mà ở tâm niệm của mỗi người. Ai đã thoát được, đã tháo gỡ được những cột trói của dục lạc thế gian, đó là người đáng khen. Còn hình thức bên ngoài nghiêm trang nhưng đưng đâu dính đó thì chưa đáng khen.

Bây giờ tôi dẫn trong kinh Tạp A-hàm, có một bài kinh kể lại câu chuyện thế này. Hồi Phật còn tại thế, ngài Phú-lâu-na đến bạch với Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, con muốn tìm nơi vắng vẻ chuyên tu cho chóng được Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn vì con giảng nói chỗ tâm yếu, để con chóng vào Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

- Muốn đạt được chỗ tâm yếu đó không gì hơn là mắt thấy sắc đừng bị sắc trói cột, đừng dính với sắc. Tai nghe tiếng đừng để tiếng lôi cuốn, đừng dính nhiễm với tiếng. Mũi ngửi mùi đừng bị mùi cột trói, đừng dính mắc với mùi. Lưỡi nếm đừng bị vị trói buộc, đừng dính mắc với vị. Thân xúc chạm dù cho êm ái nhẹ nhàng vui thích hay thô nhám khó chịu cũng không bị dính cột trói, đừng dính mắc với xúc. Ý duyên với pháp trần không bị pháp trần lôi dẫn, không dính mắc với pháp trần. Nếu mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không dính mắc với sáu trần, đó là nhân đến Niết-bàn.

Nghe Phật dạy như vậy rồi, ngài Phú-lâu-na đánh lễ từ giã Thế Tôn, xin tìm một chỗ vắng vẻ tu. Đức Phật hỏi Ngài định đi đâu, Ngài thưa định sang một nước ở phương Tây để tu. Đức Phật nói:

- Ta nghe dân xứ ấy hung dữ lắm, ông qua đó họ làm khó, làm sao tu được?

Ngài Phú-lâu-na bạch:

- Bạch Thế Tôn, nếu người ta khó dễ với con, con vẫn can đảm tinh tấn tu.

Phật hỏi:

- Giả sử như họ chửi mắng ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ chửi mắng con là vẫn còn hiền vì chưa đánh đập con.

- Giả sử họ dùng tay chân thoi đánh ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ dùng tay chân thoi đánh con là vẫn còn hiền vì chưa dùng dao gậy đánh con.

- Giả sử họ dùng tóe dao gậy đánh ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ dùng dao gậy đánh con là vẫn còn hiền vì chưa giết con.

- Giả sử họ giết ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ giết con thì càng tốt vì họ giải quyết sớm dứt con thân ô uế này. Con cảm ơn họ nhiều hơn.

Bấy giờ Phật bảo:

- Nếu ông được như vậy thì nên qua đó tu.

Ngài Phú-lâu-na với pháp Phật dạy và ý chí sắt đá đã qua xứ ấy tu, chỉ ba tháng thôi liền chứng quả A-la-hán.

Chúng ta thấy muốn được quả A-la-hán dễ hay khó? Tu ba tháng mà chứng A-la-hán thì quá dễ phải không? Nhưng muốn như vậy, phải làm được hai việc. Thứ nhất bị người ta đánh đập chửi mắng, nhẫn đến giết mình cũng không giận. Chưa được như vậy e khó vào Niết-bàn. Vì còn giận là còn phiền não, còn phiền não làm sao được Niết-bàn? Nên điều thứ nhất là trước mọi thử thách như chửi mắng, đánh đập cho tới bị giết mình cũng không buồn không giận, tâm không thối chuyển mới có thể vào Niết-bàn một cách mau chóng. Thứ hai là mắt, tai, mũi, lưỡi đối với sáu trần không dính không mắc.

Chúng ta còn dính mắc nhiều quá, thấy cái gì đẹp trở mắt nhìn hoài không chán. Nghe ai nói gì đụng chạm tới mình thì quạu lên liền, không tha được. Như vậy mắt thấy sắc dính sắc, tai nghe tiếng dính tiếng, mũi ngửi mùi dính mùi, lưỡi nếm vị dính vị... dính đủ hết. Bởi dính nên tu không đến được Niết-bàn, nếu đừng dính thì được Niết-bàn dễ chớ đâu có khó. Ta thử nghĩ đối trước tất cả hoàn cảnh khó khăn, bị đánh đập hay chèn ép mà mình không phiền không giận, như vậy tâm an lành biết mấy, sự tu có gì phiền não đâu.

Sở dĩ chúng ta hay phiền não là tại sao? Vì bị chê một chút liền nổi giận, giận hai ba ngày chớ không phải giận một buổi. Giận hai ba ngày tức là hai ba ngày hết tu. Đó là duyên nghịch. Còn gặp duyên thuận như thấy người đẹp vật đẹp tâm sanh ưa thích, hướng theo đó mãi cũng hết tu. Vì thế cả ngày tâm cứ chạy theo những trần cảnh bên ngoài, không chút yên ổn. Tới giờ tụng kinh niệm Phật cũng không yên. Tay cầm quyển kinh miệng đọc mà lát nhớ chuyện này chuyện nọ, chớ không chịu nhớ kinh. Đó là thói quen luôn đuổi theo và dính mắc với sáu trần của chúng ta, vì vậy bị trói buộc mãi không có ngày thoát ra.

Qua hai câu chuyện trên, chúng ta thấy thật ra đạo không xa, nhưng vì mình đắm nhiễm quá thành ra cách xa. Giả sử bây giờ có ai mắng chửi mình, ta vẫn lặng thinh không buồn không giận, đó là dở hay là hay? Chắc không phải dở rồi. Ngược lại, nếu người ta chửi mình một, mình chửi lại hai ba thì hay hay dở? Mới

nhìn thấy như hơn, nhưng hơn cái hung dữ của thế gian, còn thua về mặt đạo đức. Vì đứng trên đạo đức càng tranh hơn tranh thua thì càng mất đạo đức. Đã là người tu chúng ta phải chú trọng đạo đức sao cho mỗi ngày mỗi tăng tiến hơn, tập khí thế gian mỗi ngày mỗi giảm bớt đi. Như vậy mới xứng gọi là Phật tử chứ.

Chúng sanh luôn bị ba thứ độc tham sân si sai sử. Nghe người ta nói câu gì trái tai thì chú độc sân nổi lên, thúc mình phải ăn thua với người ta. Ta làm dữ với thiên hạ, thắng được thiên hạ tức là đã thua và đầu hàng chú sân rồi. Ngược lại khi nghe một câu nói trái tai, chú sân vừa muốn thúc mình làm dữ, ta liền dẹp chú, không nghe chú, bất chú nép phục mình, đó là ta đã thắng được chú độc sân rồi. Phật dạy người tu là người tự thắng mình. Thắng một vạn quân không bằng thắng mình, thắng mình là chiến công oanh liệt nhất.

Phật tử vào chùa thường thấy tấm biển to ghi bốn chữ “Đại hùng bảo điện”, đó là lời tán thán đức Phật là đấng đại hùng đại lực. Ngài đại hùng chỗ nào, đại lực chỗ nào? Đại hùng vì Ngài thắng được Ngài, đại lực vì Ngài thắng được tất cả ma quân. Còn chúng ta bây giờ hùng với người ngoài mà thua với chính mình nên không thể gọi là đại hùng đại lực. Người tu phải tự chiến thắng được mình, mới thật là đại hùng đại lực, mới có thể thành tựu Phật quả.

Vì thế nhà Phật dạy chúng ta tu là phải nhìn cho kỹ, thấy cho rõ mình như thế nào đối với sáu trần, có dính có nhiễm không? Nếu dính nhiễm thì phải gỡ bỏ. Chùng nào không còn dính, không còn nhiễm nữa mới thật là người biết đi trên con đường giải thoát.

Trở lại vấn đề cái gì là gốc dẫn chúng ta đi trong trầm luân sanh tử và cái gì là gốc dẫn chúng ta tới Niết-bàn giải thoát? Kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ về việc này. Một hôm ngài A-nan bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, cái gì là cội gốc của sanh tử, cái gì là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn?”. Ngay lúc đó đức Phật không trả lời. Lát sau bỗng dung nghe trên hư không mười phương chư Phật đều đồng thanh trả lời rằng: “Này A-nan, cội gốc của sanh tử là sáu căn của ông, cội gốc Bồ-đề Niết-bàn cũng là sáu căn của ông”.

Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đó là cội gốc của trầm luân sanh tử và cũng là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn. Tại sao? Chúng ta sử dụng sáu căn thế nào để được thoát ly sanh tử, hoặc chìm trong trầm luân sanh tử. Như tôi đã kể, mắt đuổi theo sắc dính với sắc nên bị nó dẫn dắt, lôi kéo. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị cũng như thế. Ví dụ lưỡi nếm những thức ăn ngon ta thấy thích, thức ăn không ngon ta thấy bực. Do đó thay vì ăn để sống, chúng ta lại ăn để phiền não. Bởi đâu có bữa cơm nào cũng vừa với lưỡi hết. Nếu vừa ý thích thì ta thêm ăn thêm tức là tham. Nếu không vừa ý thích ta bực dọc tức là sân, đó là phiền não. Mà phiền não là cội gốc dẫn đi trong trầm luân sanh tử.

Nếu xét kỹ trọng tâm ngon dở ở tại chỗ nào? Tại bao tử. Bao tử trống thiếu thì đem vô cái gì cũng ngon hết, còn bao tử đầy thì của quý cũng thành không ngon. Như vậy cái ngon dở đâu có giá trị thật, nhưng vì ta quên chỉ nhớ sự đòi hỏi của cái lưỡi thôi, thành ra chạy theo nó mãi. Lỗ mũi, con mắt, lỗ tai... cũng như vậy. Rồi thỏa mãn thân nữa, cả đời làm không dư xu nào hết cũng vì những sự đòi hỏi này. Nhiều người than khổ quá, đi làm hoài không được nghỉ. Ai đày đọa mình mà khổ như vậy? Có phải mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nó hành không?

Thế nên người biết tu sống vừa phải, đừng lệ thuộc vào những thứ ấy tự nhiên được an nhàn. Ăn để mà sống thì ăn cái gì cũng được, miễn no bụng thôi. Mặc để che thân thì mặc gì cũng được, miễn lành lặn là tốt rồi. Thân này dù xấu đẹp gì vài mươi năm cũng phải chết, như vậy chẳng lẽ ta thỏa mãn để rồi chết sao? Muốn mà không được thì đau khổ, chớ có lợi ích chi. Thân này không thật, hạnh phúc cũng không thật, chúng ta lầm mê tưởng là thật nên phải chịu trôi lăn trong trầm luân sanh tử mãi.

Đối với người biết tu thì sáu căn đối với sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không dính không nhiễm, đó là cội gốc Bồ-đề Niết-bàn. Sắc là hình sắc đẹp xấu, thanh là những âm thanh hay dở, hương là mùi thơm hôi, vị là những vị ngon dở, xúc là những cảm giác xúc chạm của cơ thể, pháp là những bóng dáng trong nội tâm hiện ra. Khi sáu căn đối với sáu trần có dính có nhiễm thì đi trong sanh tử. Khi sáu căn đối với sáu trần không dính không nhiễm là Bồ-đề Niết-bàn.

Ví như có người thích uống rượu. Ban đầu uống một cốc chơi, lần lần uống hai cốc ba cốc, thời gian năm tháng bảy tháng sanh ghiền. Hồi đầu uống chơi nên còn tự do, muốn uống thì uống, không muốn thì thôi. Nhưng khi ghiền rồi, không có rượu phải chạy ra quán mua rượu về uống. Cái gì dẫn họ chạy? Cái ghiền rượu. Mà ghiền là tập nhiều lần thành thói quen nên ghiền. Đã ghiền thì phải lệ thuộc vào nó, do đó bị nó dẫn đi, mất hết tự do. Chính mình tạo rồi mình mất tự do, nếu không tạo thì đâu có mất.

Tự do tức là nhân của giải thoát, còn bị các trần dẫn đi là gốc của trầm luân, chớ có gì lạ đâu. Chúng ta tự kiểm lại mình xem ta đang chuẩn bị đi lên hay bị lôi xuống. Bị lôi xuống là khổ, còn giải thoát đi lên thì an nhàn. Nếu bị những sở thích lôi kéo, không làm chủ được là biết mình bị lôi xuống. Nếu những gì thế gian thích mà mình vẫn không bị dính không bị mắc, đó là đi lên. Cho nên sự tu của mình không phải đi hỏi người này người kia. Tôi thường bị nhiều Phật tử hỏi: “Thưa Thầy, Thầy xem giùm con có căn tu không?”. Tôi trả lời: “Ai cũng có căn tu hết, chỉ muốn tu hoặc không muốn tu thôi”. Tại sao ai cũng có căn tu? Bởi Phật nói ai cũng có tánh Phật, tức là có căn tu. Người chịu tu thì tu được, người không chịu tu thì tu không được, chớ đừng hỏi có hay không có.

Quý Phật tử thử xét trong tâm mình có bao giờ hoàn toàn nghĩ xấu hay hoàn toàn nghĩ tốt không? Có khi nghĩ tốt, có khi nghĩ xấu. Như vậy nơi tâm chúng ta có đủ thiện ác. Bây giờ tu là làm sao? Bỏ ác, giữ thiện, chỉ vậy thôi. Có thiện sẵn là có căn rồi, còn hỏi ai chi nữa? Cho nên chúng ta tu là loại trừ điều dữ, nuôi dưỡng điều lành cho tăng trưởng. Như vậy ai cũng có căn hết. Có lắm vị đi coi ngày coi tháng coi tuổi thử xem mình tu được hay không? Nhiều vị xuất gia hay vào chùa cũng phải lựa ngày lành tháng tốt mới đi, tôi cho như vậy là quá kỹ. Với tôi ngày nào đi tu cũng là ngày tốt, còn ngày nào đi ăn trộm cũng là ngày xấu hết.

Như vậy ai cũng có đủ sáu căn tức là có đủ cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn và cội gốc của trầm luân sanh tử. Chỉ đừng để sáu căn nhiễm dính với sáu trần là giải thoát, ngược lại là trầm luân, chớ không gì lạ. Chúng ta xét thật kỹ mới thấy sự tu của mình không phải ở trên mây xanh, mà nó ngay nơi con người chân thật của

chính mình. Bây giờ có người nào không ăn chay, không tụng kinh nhưng thấy sắc đẹp không tham, nghe tiếng hay không nhiễm, khen không mừng, chê không giận là người đó có tu. Còn người ăn chay trường, tụng kinh giỏi mà thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi... cái gì cũng dính cũng nhiễm là chưa biết tu. Nên tu là khéo gỡ đừng cột trói đừng dính mắc.

Người tu là người gỡ bớt sự dính nhiễm của sáu căn, người không biết tu chẳng những không gỡ mà còn tập thêm, đã nhiễm càng nhiễm thêm. Vì vậy khổ hoại từ đời này sang đời khác. Đó là tôi giải thích rõ vì sao sáu căn là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn, sáu căn cũng là gốc của trầm luân sanh tử.

Trong kinh Kim Cang, ngài Tu-bồ-đề xin Phật dạy làm thế nào hàng phục tâm và an trụ tâm để tiến lên quả vị Bồ-đề? Ở đây, tôi chỉ nói phần an trụ. Phật dạy: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, nghĩa là không nên dính mắc nơi sắc sanh tâm Bồ-đề, không nên dính mắc nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm Bồ-đề, nên không dính mắc mà sanh tâm Bồ-đề. Nghe câu này Lục Tổ Huệ Năng đại ngộ, còn chúng ta không ngộ gì hết. Tại sao? Vì muốn tâm an trụ để được giác ngộ thì đối với sáu trần tâm đừng dính mắc. Chúng ta còn dính mắc nên tâm không an, không an làm sao giác ngộ giải thoát được.

Ví dụ tay tôi nắm cái ly thì dính mắc ở cái ly nên không thể nắm được cái khác. Vì vậy còn bám vào một vật gì là mắc kẹt vào vật đó. Nếu trên bàn có năm ba thứ nhưng tay tôi không nắm thứ nào hết nên rảnh rang không dính mắc. Nhờ không dính hẳn vào một vật nên tôi có thể cầm vật nào cũng được. Không bám nên không dính mắc, đó là vô sở trụ. Chỗ không dính mắc ấy là tâm Bồ-đề.

Tôi thường ví dụ như người vác cục đá to leo núi, việc này rất khó. Vì đá nặng mà trèo dốc cao nữa nên rất khó đi. Bây giờ có người khuyên kẻ đó bỏ cục đá xuống, như vậy khó hay dễ? Bỏ xuống khỏe ru phải không? Cũng thế, chúng ta đang dính đang nhiễm, Phật bảo mình buông đi, đừng dính nhiễm nữa, như vậy dễ hay khó? Thế mà chúng ta lại than khó! Tại sao buông xuống nhẹ mà lại khó?

Nghe khen, nghe chê buông bỏ hết cho khỏe, dễ quá, tại sao mình không chịu buông? Thật lạ lùng.

Ví dụ như người nghiện rượu, mỗi ngày phải tốn tiền đi quán bao nhiêu lần, khổ hay sướng? Khổ. Bây giờ biểu bỏ rượu đi, đừng uống nữa khỏi tốn tiền, hết khổ nhưng họ nói bỏ rượu khó quá. Tại sao khó? Tại vì đeo mang quen rồi, buông ra thấy khó. Nếu chúng ta can đảm buông một cái thì dễ thôi, lỗi là tại mình không gan. Bởi vậy người tu đòi hỏi phải có ý chí, phải gan dạ.

Tất cả các nghiệp thiện cũng như nghiệp ác đều do chính mình là chủ nhân tạo nên. Ta đã tạo cho mình khổ thì cũng chính ta làm cho mình hết khổ, chớ đâu có ai thể được. Gan một chút bỏ hết đi thì hết khổ; không chịu gan rồi cứ kêu khổ hoài. Rõ ràng ta không đủ can đảm làm những việc lợi ích cho bản thân mình, thì mong gì giúp ích cho ai? Vì thế không nói tu từ đâu, mà chính nơi sáu căn của mình biết gỡ bỏ, tự nhiên chúng ta yên lành tự tại.

Sở dĩ ta niệm Phật, tụng kinh, tọa thiền mà tâm vẫn bất an là tại vì nhớ sắc, nhớ thanh. Như buổi chiều có ai nói một câu nặng, mình trả lời chưa vừa ý; lát sau ngồi thiền hay niệm Phật không yên. Cứ tìm câu đối đáp cho xứng với câu nói hỏi chiều. Rõ ràng tâm mình không an là tại vì dính sắc trần, thanh trần bên ngoài. Bây giờ đến giờ tu thì gác qua một bên, không nhớ nghĩ chi hết, tự nhiên tâm an. Cho nên Phật dạy chỉ tâm không dính mắc với sáu trần là an trụ. An trụ được tâm đó mới tiến tới Bồ-đề, giải thoát.

Phật tử cứ sợ không biết sau khi chết mình đi đâu nên tìm hết thầy này đến thầy khác để hỏi. Sao không tự hỏi mình? Bình thường thương người này giận người kia, trong tâm hiện lên hình ảnh những kẻ ấy hoài thì khi chết sẽ bị chúng dẫn đi thôi. Nếu tâm còn oán thù hờn giận thì oán thù hờn giận sẽ dẫn mình đi gặp nhau để trả thù. Chúng ta có mâu thuẫn mà không biết. Mình ghét ai không muốn gặp thì lẽ ra buông luôn đừng nhớ người đó, đằng này không muốn gặp mà cứ nhớ hoài. Nhớ gương mặt sao dễ ghét, giọng nói cũng khó ưa... ôm ấp trong lòng hoài. Như vậy khi gần nhắm mắt những hình ảnh đó sống trở lại khiến cho gặp nhau ở đời sau nữa. Đó là mâu thuẫn.

Chúng ta tu mà chất chứa buồn phiền thù hận hoài thì khi nhắm mắt sẽ bất an. Đó là đi theo đường khổ. Cho nên chỉ cần nhìn lại lòng mình trong hiện tại là biết chết sẽ về đâu, gặp ai, khỏi cần hỏi thầy cô nào hết. Chúng ta biết tu rồi gỡ bỏ bớt, đừng thêm giận nhau chi. Buồn giận nhiều có đi tới đâu? Phút cuối cùng ai rồi cũng phải chết, mang giận hờn theo chi cho khổ. Vì vậy Phật dạy người tu phải hỷ xả, vui vẻ bỏ hết để được an vui khi sống cũng như lúc chết. Nên nhớ ngày mai chúng ta tiến lên hay lùi xuống đều tùy tâm niệm trong hiện tại.

Nhiều người nói quý thầy tu xả được, chớ chúng tôi đâu có xả nổi. Trong sách nhà Phật có nói câu này: “Tăng hận bất cách túc”, nghĩa là tăng giận không được quá một đêm. Phật thông cảm cho quý thầy còn phàm tăng cũng giận, nhưng không quá một đêm. Vậy quý Phật tử giận chừng bao lâu? Năm mười năm chưa quên. Đối với người tu đạo lực còn yếu, gặp cảnh trái nghịch cũng bực bội, nhưng một chút thôi rồi bỏ đi, không được ôm ấp lâu. Người không biết tu khi gặp cảnh trái nghịch giận hoài không quên.

Như vậy chỉ cần nhìn lại mình, ta biết sự tu tiến nhiều ít. Hồi chưa biết tu ai làm gì trái ý, mình giận mười năm. Bây giờ biết tu, ai làm trái ý, mình giận chừng ba năm là đã có tiến bộ. Đến khi khá hơn chút nữa, ai làm gì trái ý, mình giận chừng ba bốn ngày thôi. Bao giờ giận chỉ một đêm thôi là làm tăng được rồi đó. Cuối cùng gặp thuận nghịch chi mình cũng cười, không giận ai hết, đó là chúng ta bắt đầu tiến lên bước giải thoát.

Lục Tổ Huệ Năng khi nghe câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, chẳng những Ngài không dính mắc sáu trần mà còn thấy ngay nơi thân này có tâm thể thanh tịnh, nên Ngài liền thốt lên: Đâu ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh, đâu ngờ tâm mình vốn tự đầy đủ, đâu ngờ tâm mình trùm khắp tất cả v.v... Chúng ta do ý niệm dấy động chạy theo sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên dính mắc sáu trần. Thế mà ta lại còn cho ý niệm đó là tâm mình nữa. Tâm tôi nhớ hình sắc, tâm tôi nhớ âm thanh v.v... Cứ thế liên miên hết niệm này khởi tới niệm kia đuổi theo bóng dáng sáu trần nên bất an. Nhưng hỏi lại tâm đó có thật không? Nhớ cái

này nhớ cái nợ, lát sau mất hết, như vậy nó đâu có thật. Bây giờ nếu chúng ta dừng lại, không đuổi theo sáu trần nữa thì được an ngay.

Khi nhận tâm niệm dính với sáu trần là tâm mình, ta thấy tâm ấy sanh diệt liên tục. Còn nếu những tâm niệm đó lắng xuống hết, không còn dính bóng dáng nào nữa, lúc đó tâm mình ra sao? Thênh thang trùn khấp, nên không sanh diệt từng chập từng chập như trước. Hiểu thấu và ứng dụng được như thế là ta giải thoát rồi. Học kinh nhiều mà không ứng dụng được thì có lợi ích gì? Chúng ta học kinh Phật để tu, chớ không phải để tụng cho Phật nghe. Mình không chịu ứng dụng tu, cứ tối tụng lại cho Phật nghe, thử hỏi có phụ lòng Phật không? Ví như cô giáo dạy học trò khi ra đường gặp các cụ già phải giở nón chào, chấp tay cúi đầu, thưa dạ đàng hoàng. Con bé đó thuộc lòng lời dạy trên, nhưng khi ra đường gặp các cụ nó không thêm giở nón chào, không chấp tay cúi đầu. Tới lúc vô trường nó lại đọc thuộc lòng cho cô giáo nghe. Thử hỏi nếu cô giáo biết được chuyện này có khen không?

Chúng ta cũng vậy, như trong kinh Bát-nhã Phật dạy “Quán tự tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”. Nghĩa là Bồ-tát Quán tự tại khi thực hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, Ngài soi thấy năm uẩn không thật liền qua tất cả khổ nạn. Quý thầy cô của mình cứ đọc thuộc lâu cho Phật nghe như thế mà không chịu hành thâm, nên rồi khổ nạn tới liên miên phải không. Phật biết chắc Ngài cũng buồn lắm. Bởi Phật dạy là muốn chúng ta thực hành để hết khổ, chớ không phải đem lời Phật dạy ra đọc hoài mà không chịu tu. Cho nên người học đạo thực hành một câu Phật dạy quý bằng hòn ngọc vô giá ở thế gian. Vì vậy tôi thường nhắc nhở chư Tăng Ni cũng như quý Phật tử, chúng ta đọc kinh nhưng phải ứng dụng tu, chớ không nên đọc suông.

Chúng ta tu phải ráng làm sao đừng để dính với sáu trần là được giải thoát, ngược lại cứ dính mắc sáu trần hoài thì trầm luân không có ngày ra khỏi. Như vậy sáu căn là nhân giải thoát nếu chúng ta không dính với sáu trần, hoặc sáu căn là nhân trầm luân sanh tử nếu dính với sáu trần. Nên biết tu ngay nơi sáu căn, chớ không ở đâu khác. Quyền định đoạt được giải thoát hay trầm luân là của chúng ta.

Chính mình can đảm, chủ động để được giải thoát, cũng chính mình chủ động để trầm luân trong sanh tử, không thể trách móc kêu than ai hết. Như vậy đạo Phật tôn trọng quyền tự do tuyệt đối, không ai bắt ta trầm luân, cũng không ai nâng ta lên giải thoát. Hiểu như thế rồi, chúng ta không được quyền đổ thừa tại trời hay tại ai làm cho mình khổ, mà phải biết rõ là tại mình.

Đó là ý nghĩa thâm trầm và sâu xa của đạo Phật về cội gốc sanh tử và cội gốc Niết-bàn. Mong tất cả nghe hiểu và ứng dụng tu đạt được kết quả viên mãn.



THUYẾT LUÂN HỒI

TV. Trúc Lâm - 2001

Hôm nay tôi sẽ nói về đề tài rất quen thuộc, đó là Thuyết luân hồi của đạo Phật. Với đề tài này nhiều người còn hoang mang, nhất là giới trí thức trẻ, không biết thuyết luân hồi có đúng không, tại sao đức Phật lại nói thuyết luân hồi. Vì vậy ở đây tôi sẽ thứ tự giải thích cho quý vị hiểu.

Sở dĩ đức Phật nói thuyết luân hồi là có lý do. Trước hết chúng ta tìm hiểu ngay bản thân đức Phật. Khi còn là Thái tử dạo bốn cửa thành, thấy cảnh sanh già bệnh chết, Ngài có những thắc mắc trong lòng. Chính vì thế Thái tử không yên tâm sống trong cảnh vương giả, nên quyết chí tu hành. Thắc mắc trước kia của Ngài cũng có thể là thắc mắc của tất cả chúng ta hiện giờ, nhưng mình ít quan tâm tìm cách giải quyết.

Thắc mắc thứ nhất, Ngài nghĩ con người ai cũng bị sanh già bệnh chết khổ như nhau, vậy từ đâu chúng ta đến đây? Thắc mắc thứ hai, sau khi chết rồi ta sẽ đi về đâu? Thắc mắc thứ ba, muốn ra khỏi vòng sanh tử đó phải làm sao? Đó là ba vấn đề tối hệ trọng của kiếp con người.

Bởi thắc mắc như vậy nên Ngài không yên tâm sống trong cảnh nhung lụa, vui theo thế gian nên mới quyết tâm đi tu. Khi đã đi tu, ban đầu Ngài tìm đến những vị nổi tiếng thời đó để học đạo. Các vị thầy ấy dạy cho Ngài tu chứng từ Sơ thiên tới Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên. Ngài thấy cũng chưa giải quyết được vấn

đề mình thắc mắc. Thế là tìm thầy khác cao hơn, Ngài tiếp tục đạt các quả vị từ Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ cho đến Phi phi tướng xứ. Được bốn tầng định cao tột ấy rồi Ngài thấy cũng chưa giải quyết được ba vấn đề mình hằng ôm ấp trong lòng. Lúc này không còn vị Thầy nào đủ sức chỉ giáo cho Ngài nổi nữa.

Ngài từ giã các vị Thầy đó, tìm cách tu khác. Hồi xưa ở Ấn Độ nhiều người cho rằng tu khổ hạnh đến chỗ tột cùng sẽ ngộ đạo, nên Ngài cũng tu khổ hạnh hết sáu năm, rốt cuộc không giải quyết được ba vấn đề trên. Cuối cùng Ngài tới cội Bồ-đề trải cỏ ngồi kiết già. Khi ngồi xuống đây, Ngài thệ nguyện rằng: “Ta ngồi dưới cội cây này nếu không thành đạo, thà xương tan thịt nát quyết không rời khỏi cội cây này”. Với ý chí quyết liệt như thế, suốt bốn mươi chín ngày đêm thiền định dưới cội Bồ-đề, tới đêm thứ bốn mươi chín Ngài giác ngộ thành Phật, giải quyết triệt để ba vấn đề trọng đại đã thắc mắc lâu nay.

Ngộ đạo là ngộ cái gì? Trước tiên Ngài chứng được Túc mạng minh. Chữ “túc” là đời trước, “mạng” là sinh mạng, “minh” là sáng suốt. Túc mạng minh là sáng suốt, thấu rõ tột cùng đời trước của mình, giải đáp được câu hỏi thứ nhất “Ta từ đâu đến đây?” Trong kinh diễn tả Ngài thấy rõ, nhớ rõ từ vô số kiếp về trước của mình, như việc mới xảy ra hôm qua. Đời trước Ngài đã từng sanh ở đâu, làm gì... tất cả những chuyện quá khứ của Phật sau này được các thầy Tỳ-kheo kết tập lại thành kinh Bốn Sanh. Ngài cũng thấy biết đời trước của các đệ tử sanh ở đâu, làm gì... được kết tập thành kinh Bốn Sự. Như vậy cái nhớ của Ngài là trực tiếp nhớ chớ không qua ai kể lại, cũng không phải do suy luận mà ra. Đó là giải quyết được nghi vấn thứ nhất.

Kế tiếp, Ngài chứng được Thiên nhãn minh. Thiên nhãn minh là con mắt sáng suốt thấy tột cùng những gì rất xa, rất nhỏ, Ngài thấy tường tận hết. Ngài thấy chúng sanh chết đây sanh kia, do nghiệp dẫn đi trong sáu đường, như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy kẻ qua, người lại một cách rõ ràng. Phật biết rõ con người chết rồi không phải là hết mà theo nghiệp thọ sanh trong

Lục đạo luân hồi. Đó là giải quyết được nghi vấn thứ hai. Thấy tường tận như vậy nên Ngài mới nói thuyết luân hồi.

Đến canh năm, khi sao Mai vừa mọc Ngài chứng được Lộ tận minh. “Lộ” là rơi rớt, “tận” là hết. Tức biết tường tận lý do gì khiến chúng sanh có mặt ở đây, muốn không còn tiếp tục thọ sanh ở những đời sau nữa thì phải tu cách nào? Nói rõ hơn, Phật thấy rõ nguyên nhân từ đâu chúng sanh có sanh tử và nguyên nhân để chấm dứt sanh tử, không còn rơi rớt, trầm luân trong tam giới nữa. Thấy tường tận như vậy gọi là chứng Lộ tận minh. Thế là Ngài tuyên bố giác ngộ viên mãn, thành Phật.

Vì thế chúng ta biết đức Phật nói thuyết luân hồi không phải do suy luận, do tưởng tượng. Khi tâm Ngài an định trí tuệ sáng ra nên nhớ được tất cả mọi việc trong vô số kiếp về trước. Kể đến khi chứng được Thiên nhãn minh, Ngài thấy chúng sanh luân hồi trong lục đạo là do nghiệp dẫn, điều này hơi khó hiểu. Nghiệp làm sao thấy? Mắt phàm chúng ta không thấy nhưng với mắt Thánh thì thấy.

Bởi vậy hồi xưa đọc truyện ta thấy các ông tiên khi nhìn ai trên đầu có vàng đen thì biết người đó sắp có tai họa. Còn ai trên đầu có vàng sáng thì biết người đó là bậc Thánh hiền. Hiện nay các tượng Phật, Bồ-tát người ta hay vẽ hào quang sáng. Phật thấy rõ ràng chúng sanh do nghiệp lành, nghiệp dữ dẫn đi thọ sanh chớ không phải ngẫu nhiên. Nghiệp dẫn mình đi trong sáu đường sanh tử luân hồi. Sáu đường đó là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là ba đường ác; người, a tu la và trời là ba đường lành.

Trong sáu đường ấy, loài súc sanh và ngạ quỷ ở lẫn với mình, nhưng ta chỉ thấy được súc sanh, chớ không thấy ngạ quỷ. Còn địa ngục, có người nói đào sâu dưới đất là địa ngục, không phải vậy. Địa là chỗ, ngục là hình phạt đau khổ. Những chúng sanh nào có nghiệp ác sau khi chết cùng sanh vào chỗ chịu những hình phạt đau khổ, đó gọi là địa ngục. Chớ không có chuyện như người ta tưởng tượng quỷ sứ tới dắt đi, mà là nghiệp dẫn. Nghiệp từ tâm tưởng hiện ra. Ví dụ hồi xưa ta hành hạ ai khổ sở, bây giờ sắp chết sức nhớ lại người đó, thấy họ đánh đập

mình, rượt đuổi mình nên ta chạy. Thế là chạy thẳng vào chỗ khổ. Đó là trường hợp đi trong các đường dữ.

Trở lại đường lành, cõi người là đường lành thấp nhất. Như vậy chúng ta hãnh diện mình đang ở trong đường lành, nhưng nếu không khéo tu thì sẽ tuột xuống đường dữ. Được ở trong đường lành mình phải cố gắng tu tập để vươn lên, chớ không nên tự mãn. Vì khi hưởng hết phước lành ta sẽ đọa vào các đường dữ.

Do trí tuệ đức Phật thấy tường tận các điều như đã nói. Chẳng những thế Ngài còn thấy cả vi trùng nên Phật nói ta xem thấy trong một bát nước có tám muôn bốn ngàn vi trùng. Đó là thấy chớ không phải suy luận. Cho tới Ngài nhìn trên không gian bao la, thấy hằng hà sa số thế giới không thể kể hết. Dùng từ hằng hà sa số để nói nhiều như cát sông Hằng. Như vậy cái thấy biết của Phật không thể nghĩ lường.

Tất cả chúng ta hiện giờ có mặt ở đây không phải chỉ một lần, mà là vô số lần rồi. Con người bỏ thân này chưa phải là hết, mà còn lang thang không biết đến bao giờ. Vì vậy nhà Phật thường dùng từ “lang thang trong kiếp luân hồi”, cứ đi mãi không biết dừng nơi đâu? Đức Phật thấy được những nẻo đường của chúng sanh đến và đi nên Ngài mới nói “Thuyết luân hồi”. Luân hồi là gì? Luân là bánh xe, hồi là lăn tròn. Luân hồi đi đâu? Không ngoài ba đường ác và ba đường lành, cứ lên xuống quay tròn như vậy hoài, gọi là luân hồi.

Nếu người làm điều tốt khi chết sẽ đi các đường trên. Hưởng hết phước rồi thì tuột xuống trở lại, còn kẻ làm xấu thì đọa vào các đường dưới, đền trả hết nghiệp mới được trời lên. Lên xuống, lên xuống không ra khỏi vòng lục đạo nên gọi là bánh xe luân hồi. Đó là nói luân hồi trong các đường.

Bây giờ chúng ta đặt câu hỏi lại: “Hiện tại trong thân mình có luân hồi không?” Tim đập tổng máu đi nuôi khắp cơ thể, máu chạy vòng vòng rồi cũng trở về tim. Cứ thế lẫn quẩn vòng quanh hoài, không đi đâu khác. Y học dùng từ tuần hoàn máu, nghĩa là máu đi rồi trở về, đi rồi trở về. Đó là nói luân hồi trong con người. Còn quả đất có luân hồi không? Nó quay hoài hết ngày tới đêm, đó cũng là

luân hồi. Thành ra con người ở trong vòng luân hồi mà không biết. Đó là một lẽ thực chứ không phải suy lý gì hết.

Khi chúng ta đã biết thuyết luân hồi trong ba đường lành, ba đường dữ rồi, bây giờ phải làm sao? Phải chọn ba đường lành mà đi, tối thiểu cũng phải đi lại đường cũ của mình, là làm người. Ai khá hơn thì vươn lên trên cõi trời. Muốn trở lại cõi người Phật dạy phải thọ Tam qui, giữ năm giới. Năm điều kiện đó là Nhân thừa Phật giáo, tức tu để được làm người. Đó là điều căn bản mà chúng ta phải nhớ.

Muốn được lên nữa thì tu Thập thiện, tức tu mười điều lành được lên cõi trời. Còn hạng trung là a-tu-la. A-tu-la làm lành nhiều lắm, siêng năng bố thí tu phước nhưng động tới liền sân. Đây là thần chó không phải trời. Thế nên quý vị trong khi bố thí làm phước, nhớ đừng sân. Vì đó là nhân sanh vào loài a-tu-la. Cho nên ai tu mà hay gây gổ thường bị quở là hiện tượng a-tu-la đó.

Nghiệp là một luật rất công bằng cho tất cả mọi loài, mình tạo thì mình hưởng. Làm phước được phước, làm tội chịu tội. Nếu làm trọn mười điều ác thì đi thẳng xuống địa ngục, không nghi ngờ. Khá khá hơn không tới mười điều, nhưng nặng về tham thì sanh vào loài quỷ đói. Ngạ quỷ sống lang thang trong cõi thế gian, tuổi thọ rất lâu phải chịu đói khát ghê lắm, nên kiếp ngạ quỷ cũng hết sức khổ. Kể đến súc sanh, trong mười điều ác làm chừng năm điều là đủ làm súc sanh rồi. Súc sanh nặng về si nên không biết phân biệt gì hết, không tư cách như con người. Đó là ý nghĩa của luân hồi.

Nói luân hồi trong sáu đường, nhưng ai bắt mình đi? Nghiệp bắt. Nghiệp do ai tạo? Không ai có quyền áp đặt ta, tự ta quyết định tự ta chọn lựa mà thôi. Không phải ta có tội Phật đày xuống dưới địa ngục hay có phước Phật đưa lên cõi trời. Như hiện giờ chúng ta có mặt trên thế gian này, có người khá giả có kẻ nghèo nàn, cơ cực là do ai? Đổ thừa trời khiến, được không? Sự thực tại người không có phước nên tính đâu trật đấy, làm gì cũng thất bại nên nghèo. Còn người có phước tính đâu trúng đó nên giàu. Đó là do phước nghiệp riêng của mỗi người tạo ra, chứ

không phải ai đem đến cho mình. Vì chúng ta không biết điều đó nên đổ thừa đây kia, mà không nhận ra nguyên nhân do chính mình.

Đời hiện tại của chúng ta có hai tính chất quan trọng. Thứ nhất là trả nợ hoặc hưởng phước của quá khứ. Nhiều người sanh ra là con ông lớn hoặc nhà giàu, đó là hưởng phước. Nhiều người sanh đã mồ côi hoặc cha mẹ nghèo khổ bần cùng, hung dữ, độc ác... đó là trả nợ. Thứ hai là chuẩn bị cho đời sau. Thành ra ta có chuyển nghiệp là chuyển ngay đời hiện tại, cho nên đời hiện tại rất quan trọng. Nếu cuộc sống này mình được nhiều thuận lợi thì nên chuẩn bị cho mai kia, đừng để tuột xuống. Nếu cuộc sống này bất như ý mình cũng cười thôi, vì biết tại hồi xưa mình ngu nên bây giờ phải chịu thôi. Bây giờ đền lại cái ngu hồi xưa nên cam chịu không giận ai, không kêu trời trách đất. Cố gắng làm sao tạo duyên tốt để hiện đời an vui phần nào và mai sau được tốt đẹp hơn.

Người hiểu được thuyết luân hồi của Phật dạy thì cuộc sống nội tâm vững vàng, nghèo không trách, giàu không tự cao. Bởi biết bây giờ ta hưởng mà không làm tốt nữa thì mai kia tuột xuống sẽ khổ. Hoặc hiện giờ mình bị những đày đọa thì vui vẻ chấp nhận, sửa lại đừng để tuột xuống nữa mà phải nâng lên. Như vậy là tu. Biết rõ lý luân hồi tự nhiên ta tạo cho mình con đường đi lên, không có tâm oán hờn thù ghét ai hết.

Thế gian thường có bệnh, mình nghèo mà ai giàu thì thấy ghét người ta. Mình học dở thấy người học giỏi thì ganh tỵ. Đó là tật xấu, tự mình chuốt nghiệp mà thôi. Trong kinh Phật nói, từ khi phát tâm tu cho tới thành Phật, trải qua ba vô số kiếp làm tất cả các việc công đức mới thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Như vậy sự tích lũy rõ ràng không mất, tích lũy tốt thì quả nối tiếp tốt, tích lũy xấu thì quả nối tiếp xấu.

Người thế gian không biết nên oán trách cha mẹ không có phước nên sanh mình ra khổ. Hoặc cha mẹ không có tài nên mình bây giờ phải thua sút người ta. Mà không biết chính mình thọ nhận quả báo đời trước đã tạo nên mới sanh vào gia đình tương ưng như thế. Cha mẹ chỉ là phần phụ thôi, gốc là bản thân mình. Như vậy thuyết luân hồi nói lên lẽ thực của kiếp người. Đức Phật đã thấy, đã nhớ rõ

ràng nên nói ra cho chúng ta biết, chớ không phải do Ngài tự tưởng tượng. Ngày nay mình nghe hơi khó tin. Bởi vì chúng ta nhìn nông cạn quá nên không tin được.

Khi biết rõ kiếp luân hồi như vậy, ai can đảm tạo thêm những nghiệp ác để chịu khổ hơn? Cho nên chúng ta phải tinh tấn làm những điều lành, điều thiện. Nếu không làm cho ai, ít ra ta cũng giữ được phần mình, đừng phạm những giới đưa ta đi xuống. Đó là tu. Đức Phật thấy rõ sự nguy hiểm của luật nhân quả luân hồi nên chỉ cho mình đường lối tu, chớ không phải áp đặt mình làm gì. Khi qui y thọ năm giới, quý thầy hỏi Phật tử “giữ được không?”, quý vị giữ được thì nói “dạ được”, còn nếu giữ chưa được thì làm thính, chớ Phật đâu có ép. Vì giữ giới là giữ cho mình, không phải giữ cho Phật.

Đi sâu vào tâm lý mỗi người, chúng ta sẽ thấy mình đã từng quen thuộc, ưa thích với những việc làm của thuở quá khứ. Ví dụ như bản thân tôi, tại sao lại thích tu? Người đời lớn lên lo chuyện làm ăn hoặc gì gì đó, tại sao mình không thích những chuyện ấy mà lại thích đi tu? Như vậy là từ đời quá khứ ta đã tích lũy hạt giống đó rồi, nên bây giờ có mặt đây luôn nhớ việc ấy. Rõ ràng chúng ta không quên hết nhân quả quá khứ, nhân nào chứa sâu đậm sẽ trở thành sở thích, việc làm của mình trong đời này.

Có người ra đời thích làm lành, có người ra đời lại hung dữ. Mỗi người thích mỗi cách, đó là do sự tích lũy của quá khứ khác nhau. Quá khứ đã tích lũy sẵn nên bây giờ nó hiện ra nơi mình. Quý Phật tử kiểm lại xem, nếu do gien cha mẹ sanh ra là yếu tố duy nhất tạo thành những đứa con sau này, thì cha mẹ bệnh tật gì con cũng phải bệnh tật y hệt như thế. Rồi tâm hồn của con do cái gì tạo? Có nhiều cha mẹ rất hiền nhưng con không hiền. Hoặc ngược lại cha mẹ dữ mà con lại hiền. Những sự khác biệt đó nhà Phật gọi là nghiệp tích lũy của quá khứ, chúng ta mang theo khi thọ sanh. Những gì mình đã chứa chấp đời trước, bây giờ nó hiện ra rõ ràng. Như hai anh em ruột, thể xác giống chút chút mà tâm hồn không giống nhau. Như vậy mới thấy mỗi người sanh ra mang một nghiệp khác nhau, từ đó có những sai biệt khác nhau.

Thế thì muốn trên đường luân hồi mình đi đường tốt, không đi đường xấu phải làm sao? Thấy người đáng ghét ta nên xử sự thế nào? Nên nghĩ rằng họ có làm gì hại mình mà ghét. Ghét người như vậy là ta đã có ý nghĩ xấu rồi. Nếu tiếp tục nuôi dưỡng ý nghĩ này, sanh chuyện nói này nói kia với người ta là cái cớ để tạo thêm nghiệp. Nếu mọi người đều biết tu như vậy thì gia đình, xã hội đẹp biết bao nhiêu. Vì chúng ta không hiểu như thế ghét ai liền kiếm chuyện gây sự với người ta. Cứ vậy mà tạo nghiệp chông chát tiếp nối không có ngày cùng.

Nhà Phật nói nghiệp từ thân, miệng, ý mà sanh. Nhưng thực ra ý chủ động tạo nghiệp. Miệng nói tốt xấu cũng từ ý, thân làm tốt xấu cũng từ ý. Ý là nói chung cho tất cả những phân biệt thương ghét, buồn giận, hơn thua, phải quấy... đều là ý nghĩ của mình. Chúng ta sống chạy theo những ý nghĩ đó là chạy theo nghiệp. Bởi có ý nghĩ xấu nên mình mới nói bậy, làm bậy. Do ý nghĩ tốt nên ta mới nói lành, làm lành. Khi thân này hoại thì nghiệp đó không hoại, vì nó đâu có tướng mạo mà hoại, nên sẽ theo ta thọ sanh ở đời sau. Nhà Phật gọi là mang nghiệp đi trong luân hồi sanh tử. Vậy muốn chấm dứt nghiệp phải điều phục được chú “ý” này.

Quý vị thấy quý thầy, quý cô trong Thiên viện ngồi lim dim ngó xuống hoài, đó là làm gì? Là ngồi thiền, cốt để định cái ý đó nên gọi là Thiên định. Tất cả những nghĩ suy lăng xăng, lộn xộn bắt nó lặng xuống hết. Chưa lặng thì ráng ngồi lâu cho nó lặng. Chừng nào nó lặng được rồi thì nhân tạo nghiệp không còn, mà nhân tạo nghiệp không còn thì quả luân hồi sanh tử đâu có. Đó là giải thoát sanh tử.

Thế nên muốn biết có luân hồi hay không, chúng ta cứ nghiệm trong tâm niệm của mình sẽ rõ. Cha mẹ sanh thân được mà không thể sanh tâm niệm của mình. Có tâm niệm rất lành, có tâm niệm rất dữ. Như vậy tâm niệm đó từ đâu ra? Chính do sự tích lũy của đời trước, không nghi ngờ gì hết. Nên nhiều người ngạc nhiên, tại sao người đó còn nhỏ mà không chịu ăn mặn? Còn có kẻ cha mẹ khuyên ăn chay thì ăn không được, một ngày cũng không ăn nổi. Đó là do tích lũy từ trước, bây giờ gặp lại thấy quen, thấy thích, chớ không phải bỗng dưng mà có.

Tích lũy tức là những gì đời trước mình đã từng làm từng huân tập. Đời này trở lại những thứ tích lũy đó không mất. Vì vậy trong kiếp luân hồi chúng ta theo nghiệp mình đã tích lũy, chất chứa mà hiện ra thành tâm hồn cá biệt của mỗi người. Nên nói đến luân hồi chúng ta đừng thêm suy gẫm gì hết, cứ nhìn lại nội tâm mình thì biết ngay. Tại sao người đó chưa quen thuộc gì hết mà mình thấy dễ thương, hoặc kẻ kia cũng chẳng quen thuộc gì hết mà mình thấy phát ghét. Đâu có trả lời được. Tại vì chúng ta không nhớ nổi, nên nói không biết tại sao kỳ vậy. Thật ra do nghiệp tích lũy của quá khứ chiêu cảm nên.

Trên đời này ai không có những người thân, những kẻ thù. Có thân, có thù gặp lại nhau là khổ. Người thân thì mình thương, người thù thì mình ghét. Nhiều người nói tại sao anh chị có duyên quá, xin cái gì cũng được. Còn tôi vô duyên xin cái gì cũng không ai cho. Tại mình hay tại trời đất xui khiến. Chẳng qua hồi trước mình hắt hủi thiên hạ quá, bây giờ tới phiên người ta hắt hủi lại mình. Bình đẳng thôi. Cụ thể như mấy chú đi bắt chó, dù không có xích vòng, không làm gì hết đi chơi thường thôi, mà mấy con chó nó ghét, nó sủa ghê lắm. Như vậy mình tạo nghiệp lành, nghiệp dữ không đợi đời sau mới trả quả mà ngay hiện tại cũng ứng hiện quả báo phần nào. Đó là một lẽ thực.

Đức Phật do tu mà chứng biết nên nói ra như vậy, chúng ta không thấy là vì chưa đủ trí tuệ. Bao giờ mình tu được như Phật cũng sẽ thấy biết như Ngài. Trong kinh kể lại Tôn giả Mục Kiền Liên khi chứng A-la-hán rồi, một hôm Ngài đi trên đường thấy có loài quỷ đầu rất to, bụng lại nhỏ xíu thân thể ghê gớm lắm. Ngài về thuật lại với Phật, Phật nói ta cũng thường thấy chúng, nhưng nói không ai biết nên ta không nói. Vậy ai tu tới đó, chứng tới đó đều thấy như nhau, chớ không phải chỉ riêng Phật thôi.

Nhiều người bảo những gì mắt thấy tai nghe tôi mới tin. Nhưng mắt mình chắc gì thấy được tất cả mọi cảnh giới. Cái thô thì thấy, cái tế không thấy. Như vi trùng nếu không nhờ kiến hiển vi làm sao con người thấy được? Đem con mắt phàm phu so sánh với con mắt Thánh nhân thì thật là quá thô thiển. Như những luồng điện nó đi tứ tung trên trời mình thấy không? Không. Mà có không? Có đầy

đủ. Cho nên chúng ta không nên tin vào con mắt còn rất hạn chế của mình. Có những cái hiện thực mà mình chưa thấy được, chưa hiểu được. Thế nên chớ vội cho cái thấy nghe của mình là đúng. Mới nghe đằng kia trở lại thuật lại đã trật lất rồi, nhiều khi còn dậm thêm một hai tiếng theo ý mình nữa. Rõ ràng cái thấy nghe của kẻ phàm phu không có giá trị thực.

Vậy nhờ Túc mạng minh và Thiên nhãn minh, đức Phật nói cho chúng ta biết thuyết luân hồi. Nghe thế rồi, ta tự kiểm điểm lại mình xem điều đó có phải là lẽ thực không? Biết được lẽ thực rồi mình phải làm sao? Tha hồ chạy đâu thì chạy hay phải chọn đường mà đi? Phật dạy chúng ta phải chọn đường mà đi sao cho hiện đời được an ổn và mai kia cũng an ổn. Đó là tu.

Tu là để cứu Phật hay cứu mình? Nhiều người nói thương Phật quá nên tôi tu. Phật khổ cái gì mà thương? Chính mình mới khổ đây nè. Mình khổ, mình thương mình, mình tu chớ không phải thương Phật. Chúng ta mang ơn Phật chỉ đường cho mình tu, chớ không phải vì Phật mà tu. Chúng ta tự kiểm điểm lại bản thân, xem hiện giờ mình đã thực hiện được những gì Phật dạy, xứng đáng đi đường nào? Như vậy tự biết mai kia khổ hay vui rồi, đâu cần phải hỏi ai. Phật tử có bệnh cứ thấp nhang cầu Phật độ cho con đời sau được sung sướng, hết khổ. Mình cứ tạo nghiệp ác mà cầu Phật độ, làm sao độ được?

Đến thứ ba là Phật chứng được Lậu tận minh, Ngài thấy rõ nguyên nhân nào đưa con người đi trong sanh tử và nguyên nhân nào để dứt mầm sanh tử. Do thấy rõ như vậy nên sau đó đức Phật mới đi giáo hóa chúng sanh. Lần thuyết pháp đầu tiên Ngài nói pháp Tứ đế, là bốn chân lý chắc thật do đức Phật thấy như thế nên nói ra như thế. Đó là Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

Khổ đế là do Ngài chứng nghiệm được cảnh sanh, già, bệnh, chết của con người. Chúng ta có chấp nhận con người là khổ không? Những vị còn trẻ có lẽ chưa chấp nhận điều này đâu, vì còn nhiều hạnh phúc. Nhưng Phật nói tất cả đều khổ. Tại sao? Dù thầy thuốc hay bác sĩ có chắc mình khỏi đau khỏi già không? Có đau, có già thì có khổ. Và cái khổ cuối cùng là khổ chết. Trong cuộc sống con

người giành giật để có miếng ăn no đủ cũng là khổ rồi, lại còn nội thân bệnh hoạn, già chết ụp tới không ai tránh khỏi. Như thế không khổ là gì?

Khổ để rồi tới Tập đế. Đó là nhân tạo khổ như tham, sân, si v.v... Muốn hết Tập thì phải diệt nó, diệt hết tập thì tự nhiên quả không còn. Diệt các thứ tập nhân khổ chính là diệt ý phân biệt phải quấy, hơn thua, làm phát sinh phiền não tham, sân, si đó. Con đường tu rất rõ ràng. Nhiều người không hiểu, cứ ngỡ tu Phật là phải tích cực làm này, làm nọ, chớ ngồi thiền yên lặng cả ngày vô lý quá. Nhưng họ không ngờ chính đó là nhắm thẳng gốc để trị. Trị gốc được rồi thì sẽ dứt nhân, quả theo đó cũng không còn.

Quý vị làm lành thì tốt sẽ được lên cõi lành. Nhưng ở cõi lành hưởng hết phước, không biết tu sẽ tuột xuống lại. Còn người muốn dứt hết mầm sanh tử, luân hồi lên xuống thì phải dứt ngay cái ý. Ý lặng được rồi thì tâm định, tâm định mới không đi trong vòng lục đạo nữa. Cho nên nói đạo Phật là đạo giải thoát. Giải thoát là dứt hết những mầm tạo nghiệp hoặc thiện hoặc ác để đi trong sanh tử.

Cho nên Lục Tổ Huệ Năng dạy: “không nghĩ thiện, không nghĩ ác cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?”. Ngay đó Thượng tọa Minh liền ngộ đạo. Bây giờ quý vị ngồi năm ba phút không nghĩ điều gì hết, lúc đó có biết không? Cái biết ấy đâu phải do suy nghĩ mà có. Cái biết đó là biết thường xuyên của mình, nhưng vì chúng ta quên nên cứ sống theo cái suy nghĩ hoài. Cho nên Phật dạy mình phải dừng những suy nghĩ đó lại thì cái chân thật hiện ra. Đó là mặt thật xưa nay của mình. Đơn giản không?

Thế thì quý thầy, quý cô ở chùa vì quyết tu giải thoát nên phải tập ngồi thiền hoặc niệm Phật cho được nhất tâm. Nhất tâm thì đâu còn nghĩ bậy, đó là nhân giải thoát luân hồi sanh tử. Quý Phật tử không theo đạo Phật thì thôi, đã theo thì phải nắm vững đường lối Phật chỉ dạy, tu cho đúng. Phải chọn con đường hợp với khả năng của mình, từng bước tu tập theo lời chỉ dẫn của Phật. Có thể mới không sợ ngày mai đường trước tối tăm, không biết lối đi.

Buổi nói chuyện tới đây cũng quá đủ rồi. Bao nhiêu đó nếu Phật tử khéo ứng dụng tu cả đời cũng chưa xong. Nói thì mau nhưng hành rất lâu. Cần phải phát tâm dũng mãnh, bền bỉ thực hành cho tới bao giờ thành tựu mới thôi.

Chúc quý vị đều được mau chấm dứt khổ luân hồi sanh tử.



PHẬT GIÁO THIỀN TÔNG THỰC TẾ ĐẾN KHÔNG NGỜ

Trúc Lâm - Đà Lạt - 2001

Những năm cuối đời, những gì thấy hay tôi không còn nói ẩn khuất như trước nữa, mà nói rõ ra hết cho đại chúng nghe. Bởi vì chúng ta tu nếu không nắm chắc, không biết rõ chỗ đến của mình thì đời tu sẽ bị trở ngại, bị nghi ngờ không tiến được. Thế nên hôm nay tôi sẽ giảng đề tài Phật giáo Thiền tông thực tế đến không ngờ, đại chúng chú tâm lắng nghe, lãnh hội để tu hành.

Ngày xưa tôi đọc lịch sử của đức Phật rất thắc mắc về điểm này. Khi Ngài đi tu, trải qua năm năm tầm đạo, sáu năm khổ hạnh trong rừng già, chịu bao nhiêu khó khổ, cũng chỉ vì giải quyết vấn đề thoát ly sanh tử cho mình và tất cả chúng sanh. Sau bốn mươi chín ngày đêm dưới cội Bồ-đề, Ngài giác ngộ viên mãn, thành Phật. Lẽ ra đạt được mục đích tối hậu ấy xong, đức Phật liền thực hiện chí nguyện độ sanh ngay, nhưng Ngài lại trù trù, không muốn đi giáo hóa. Mãi cho đến khi trời Đế Thích, trời Phạm Thiên xuống đánh lễ, tha thiết yêu cầu Ngài chỉ dạy chúng sanh, Ngài bảo: “Ta sợ nói ra, chúng sanh không hiểu”. Bảy giờ chur thiên năm lần bảy lượt xin Phật lập bày phương tiện để chỉ dạy chúng sanh. Được thế hy vọng lần lần họ sẽ hiểu. Từ đó đức Phật mới khởi sự đi đến vườn Lộc Uyển thuyết bài pháp đầu tiên là Tứ đế. Giáo pháp của Như Lai bắt đầu ra đời do nhân duyên ấy.

Như vậy pháp Tứ đế là phương tiện độ sanh ban đầu của đức Phật. Thế thì tại sao cái chân thật cứu kính Ngài thấy được lại không nói, mà phải dùng phương

tiện? Tôi ngờ chỗ này, vì lòng từ bi của Phật tràn trề, những gì thấy được phải nói cho chúng sanh nghe, chỉ cho chúng sanh hiểu, sao lại không chịu nói thẳng, mà phải dùng phương tiện nói quanh co? Hay là Ngài đợi nài nỉ, yêu cầu mới thuyết pháp. Lúc trước tôi đã nghi xấu Phật như vậy đó.

Đến bây giờ hiểu ra tôi mới nhận được chỗ thâm sâu của đức Phật. Thấy mà nói không được, hoặc nói người ta không nghe, không hiểu thì làm sao nói! Bởi vậy Ngài trù trù không muốn đi, không muốn nói. Đến khi chư thiên yêu cầu tha thiết giáo hóa chúng sanh, chừng ấy buộc lòng Ngài phải dùng phương tiện.

Thế nên biết giáo pháp của đức Phật, bắt đầu từ Tứ đế trở đi đều là phương tiện hết, chớ không phải là chỗ cứu kính. Vì thế sau này Phật nói pháp của Như Lai như ngón tay chỉ mặt trăng. Mặt trăng là chỗ muốn chỉ, nhưng nếu làm thành không dùng phương tiện làm sao người ta thấy, buộc lòng phải dùng ngón tay chỉ. Ngón tay chỉ mặt trăng, ngón tay là ngón tay, mặt trăng là mặt trăng, chớ ngón tay không phải là mặt trăng. Nhưng sau này chúng ta lại lầm cho ngón tay là mặt trăng, nên cứ bám vào chữ nghĩa để tu, không chịu thấy cái Phật muốn chỉ. Đó là lỗi do kẹt trong phương tiện mà quên chỗ cứu kính.

Như vậy pháp Tứ đế là phương tiện, nhưng bây giờ được xem như bốn chân lý không thể nào thay đổi. Khi Phật giảng dạy cho năm anh em ông Kiều Trần Như, Ngài nói Tứ đế. Một là Khổ đế, đó là lẽ thực không ai chối cãi hết. Khi mới sanh ra khóc oa oa là khổ, đến lớn lên bệnh đau khổ, đói khát khổ, giàu sang lo giữ gìn khổ, có địa vị cao sợ mất khổ, ở địa vị thấp bị người hiếp đáp khổ... nói chung cuộc sống lúc nào cũng đau khổ. Rõ ràng có thân là khổ, không nghi ngờ gì hết. Hai là già khổ. Đã sanh ra, lớn lên tới một ngày nào đó cũng phải già. Già thì yếu đuối, lụm cùm đau bệnh hoài, không còn tự tại, không làm chủ được thân nữa. Có thân mà không làm chủ được nó thì rất khổ. Nên nói già khổ. Ba là bệnh khổ. Không phải đợi già mới bệnh mà trẻ cũng bệnh. Ai mang bệnh cũng đều rên khổ. Bốn là chết khổ. Ai trước khi chết cũng giật mình giãy giụa, thở không được, bứt rứt đau đớn rất khổ.

Tóm lại bốn tướng khổ này không ai chôi cãi được. Đức Phật dùng phương tiện nói ra lẽ thật của cuộc đời, của con người cho chúng ta thấy. Khi ta chấp nhận điều này rồi, Ngài nói đến nguyên nhân có khổ. Đó là từ quả khổ Ngài phăng lần tới nhân, chỉ ra nỗi khổ kia không phải bỗng nhiên có. Nó từ tập nhân sanh. Tập nhân là gì? Là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... tất cả các phiền não.

Ví dụ như tham. Chúng ta có thân là khổ nhưng muốn nó còn hoài, biết ăn cao lương mỹ vị hay sanh bệnh mà thích ăn ngon, biết đam mê nữ sắc là bệnh hoạn nhưng vẫn cứ đam mê mãi. Tất cả nỗi khổ trước mắt đều vì tham mà có. Bởi tham nên mới đòi hỏi, tìm kiếm, giành giật. Đòi hỏi, tìm kiếm, giành giật tất nhiên là chuốt đau khổ cho mình, cho người. Vì nếu tìm kiếm mà bị ai chặn đứng hay ngăn đón thì nổi tức lên, sau đó làm đủ thứ chuyện tàn ác, hung bạo.

Tham sân là cái khổ nổi dễ thấy. Nhưng sở dĩ có tham vì gốc không biết được lẽ thật. Ví dụ như tham ăn, ta thích ăn ngon nên cứ tưởng tượng đến món mình thích thì thấy thèm. Bây giờ nếu chịu khó quán chiếu trở lại, món ăn đó ngon được bao lâu? Chỉ ở lưỡi một chút, nuốt vô khỏi cổ là hết thấy ngon. Nếu ăn hơi nhiều nhiều, lát sau ợ ngược, ợ xuôi còn hôi nữa. Như vậy nó có thật đâu. Vậy mà chúng ta hết thèm cái này, đến thèm cái kia, tại vì cứ ngỡ nó ngon thật, không ngờ bên cạnh cái ngon có cái không ngon.

Con người si mê cứ đuổi theo những thỏa mãn tạm thời mà không thấy tai họa lâu dài. Phật gọi đó là si. Từ si mới có tham, có sân. Nhưng vì tham sân dễ thấy, còn si ngằm bên trong khó thấy nên ta thường nghe nói tham sân si. Ba thứ này chính là nhân luân hồi. Tại sao? Vì tham sống nên mất thân này liền tìm thân khác. Do sân nên tạo nghiệp ác, vay trả trả vay nợ nần liên miên không dứt. Thế nên đời này có thân, đời sau tiếp tục có thân nữa để đền trả nợ cũ. Vì thế nói tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... cho tới những phiền não tế nhị hơn nữa đều là nhân đưa tới quả khổ.

Bây giờ muốn tiêu diệt nhân đau khổ đó phải làm sao? Phật nói diệt hết nhân đau khổ thì quả khổ không còn, đó là Diệt đế. Nhưng muốn diệt nó không phải ngẫu nhiên diệt được, mà phải có phương pháp tức là Đạo đế. Phương pháp

Phật dạy ở đây là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, như Bát chánh đạo v.v... Tu Bát chánh đạo là từ chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp cho tới chánh định. Chánh định là sao? Là dứt hết những mầm lãng xăng, lộn xộn trong nội tâm. Tới chánh định là tới chỗ không còn nghĩ suy, không còn phân biệt, không còn tưởng tượng điên đảo nữa.

Trong bốn đế, Khổ đế là quả thực tế chúng ta thấy được. Từ phân biệt quả phăng lẩn tới nhân là Tập đế. Biết nhân tạo khổ rồi tìm cách diệt nhân đó là Đạo đế. Nhân đau khổ đã diệt hết gọi là Diệt đế. Diệt đế là Niết-bàn, bởi nhân đau khổ đã diệt tức đi tới chánh định, chánh định thì đạt được Niết-bàn.

Như vậy đức Phật đưa những phương tiện để chúng ta phân tích từ bên ngoài thân đến trong nội tâm. Thân này khổ là hình tướng bên ngoài, do nhân là nội tâm gây ra. Muốn diệt nhân ấy phải có phương pháp, đó là phương tiện. Đã dùng phương tiện để tu thì cũng có quả phương tiện để chứng. Chứng phương tiện là gì? Nếu tu theo pháp Tứ đế thì chứng từ Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, rồi qua Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi phi tướng xứ, cuối cùng tới Diệt tận định, chứng A-la-hán.

Nói theo Tứ quả Thanh văn thì Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Tu-đà-hoàn còn bảy phen trở lại thế gian tu nữa mới hết sanh tử. Tu-đà-hàm còn một phen trở lại nhân gian. A-na-hàm không trở lại nhân gian, mà sanh lên cõi trời tu tiếp, sau chứng A-la-hán.

Nói theo thứ bậc Tứ thiên, Sơ thiên gọi là Ly sanh hỷ lạc. Ly là lìa ngũ dục mà được vui. Nhị thiên gọi là Định sanh hỷ lạc, do tâm được an định, tự nhiên thấy vui. Tâm yên thấy vui đó là định sanh hỷ lạc. Tiến lên tới Tam thiên gọi là Ly hỷ diệu lạc. Nghĩa là ta bỏ cái vui của Ly sanh được cái vui của Định sanh, bây giờ cái vui của định cũng bỏ luôn, chỉ còn niềm vui nhẹ nhàng thăm thăm bên trong gọi là Ly hỷ diệu lạc. Vì vui thô mất đi chỉ còn vui tế nên gọi là diệu lạc. Tiến lên Tứ thiên gọi là Xả niệm thanh tịnh địa, tức buông niệm. Niệm dấy lên liền buông, do buông niệm được yên nên gọi là Xả niệm thanh tịnh.

Tu theo thứ tự từng bậc thì như vậy. Cho nên người tu theo Thiên tông không nói cấp bậc gì cả, mà nhảy thẳng vào chỗ vô niệm, nghĩa là đi tắt ngang Xả niệm thanh tịnh. Như thế ngầm hiểu họ cũng trải qua các thứ lớp kia, nhưng không nói từng bậc chứng đắc. Bởi Phật nói tu Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi phi tướng xứ là bốn loại thiền ngoại đạo, nếu không tiến lên Diệt thọ tướng định thì không thể nhập Niết-bàn được. Vì vậy Phật khuyên các thầy Tỳ-kheo không nên đi theo con đường Tứ không, mà ngang tới Tứ thiền tu qua Tứ Diệu đế, chứng Tứ quả Thanh văn thì tốt hơn.

Nói về Tứ không, trước tiên là Không vô biên xứ. Đây là do hành giả dùng tưởng trống không, từ trống không nhỏ tới trống không lớn dần đến vô cùng vô tận, chứng đạt Không vô biên xứ. Bỏ cái không đó quay lại quán thức phân biệt của mình. Biết thức phân biệt không có tướng mạo, từ phân biệt thân đến phân biệt tâm, cứ bủa ra khắp hết vô cùng vô tận, đạt được Thức vô biên xứ. Kế tiếp tưởng thân tâm không có gì hết, rỗng tếch không chỗ nơi, chứng đạt Vô sở hữu xứ. Dù tưởng rỗng tếch vẫn còn là tưởng, nên tiến lên Phi tướng phi phi tướng, nghĩa là không có tướng mà không phải không tướng. Đến đây không còn tướng thô, tướng không, tướng thức mà có tướng vi tế tức tưởng rỗng tếch, còn cái tưởng đó cũng phải bỏ, mới qua Diệt tận định. Diệt tận định còn gọi là Diệt thọ tướng định. Thọ tức là cảm giác của sáu căn đối với sáu trần, tướng là phần bên trong nội tâm. Trong nội tâm thì lặng, ngoài đối với sáu trần không dính, tới đây nhập Diệt thọ tướng định, chứng vô sanh tức quả A-la-hán.

Tu theo Thiên tông không mắc kẹt ở Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, mà đi thẳng vào Xả niệm thanh tịnh. Xả niệm thanh tịnh rồi lại tiếp tục tiến thẳng lên Diệt thọ tướng định, chớ không qua Tứ không. Như vậy chỉ một bước buông niệm là thẳng tới Diệt thọ tướng định. Đó là tôi đối chiếu giữa Thiên tông với thiền Nguyên thủy, tu theo Tứ đế.

Trên đường tu nếu theo cấp bậc thì thấy được quả này, quả kia. Nhưng thấy “được” thì dễ mắc kẹt trong chứng đắc lắm, chấp bừa nay tôi chứng Sơ thiền rồi, tâm ngã mạn theo đó phát sanh. Còn tu thấy niệm dấy khởi liền bỏ, không nói

chúng thì không có gì để chấp, nhờ thế tâm ngã mạn không phát sanh. Khi nào các niệm lặn hết, muôn duyên bên ngoài không dính, nội tâm không kẹt, không động, đó là vô sanh, không nói Niết-bàn mà đã nhập trong Niết-bàn. Đây là gốc của sự tu.

Thật ra cấp bậc đều là giả danh, cái hiểu, cái sống thực bên trong mới quan trọng. Phật vì phương tiện lập ta cấp bậc để chúng ta dễ tu, đó không phải là mục đích cứu kính. Nhưng vì không hiểu, ta lại chấp phương tiện ấy là chân lý nên không nhận ra được chỗ chân thật đức Phật muốn chỉ bày. Lại chỗ chân thật ấy không có tướng mạo nên không thể chỉ thẳng, dùng ngôn ngữ người ta càng không biết, do đó buộc lòng đức Phật phải dùng phương tiện nói quanh co. Ai nhận được thì tu đúng với tông chỉ của Phật, đạt được kết quả viên mãn.

Thế nên phương tiện chỉ giúp chúng ta trong một giai đoạn nào thôi, phải cố gắng tiến lên nữa, đừng để mắc kẹt trong phương tiện. Nếu chúng ta còn kẹt nơi chúng đặc là còn toan tính, còn trông đợi. Mà toan tính trông đợi thì tâm làm sao yên. Đi tới cứu kính thì phải hoàn toàn vắng lặng mọi suy tư phân biệt, tâm lặng lẽ thanh tịnh mới thể nhập được chỗ chân thật bất sanh bất diệt.

Trở lại vấn đề của đức Phật. Khi nhận ra được cái chân thật ai cũng có sẵn nhưng vì quên nên chúng sanh mãi chìm đắm trong sanh tử, đức Phật không biết nói sao cho chúng sanh hiểu. Cho nên Ngài do dự chần chừ chưa muốn nói, sợ họ không tin. Như nói thân này giả, thế gian có chấp nhận đâu, họ còn cười nữa là khác. Như vậy làm sao giáo hóa? Thật là khó. Vì vậy Phật mới nghĩ ra Tứ đế, chỉ cho thấy thân này có một, hai, ba, bốn thứ khổ. Chúng sanh tin rồi mới dẫn lần lần đi tới chỗ thân không thật. Nên giáo pháp là phương tiện, là ngón tay chỉ mặt trăng thôi.

Trải qua bao nhiêu năm trời dẫn chúng sanh đi trong phương tiện, sau khi họ đã thuần thực, đức Phật mới nói thẳng phương tiện ấy không thật, cái thật ở chỗ này nè. Giống như ngón tay không phải mặt trăng, nhưng vì muốn thấy mặt trăng phải nương ngón tay, song nhớ đừng chấp ngón tay là mặt trăng.

Khi nhận thấy căn cơ của một ít đồ đệ đã chín mùi, một hôm trên hội Linh Sơn đức Phật họp tất cả chư Tăng lại, Ngài thẳng tòa không nói gì, chỉ cầm cành

hoa sen đưa lên, rồi nhìn từng người xem ai hiểu điều mình muốn nói. Nhìn tới ngài Ca Diếp, thấy Ca Diếp mỉm cười, Phật rất vui. Đây thật là người đã chín mùi, đã hiểu được, đã thấm được. Vì thế sau này các Tổ thường dùng câu “bốn mắt nhìn nhau”, nguyên văn chữ Hán là tứ mục tương cố.

Khi Phật đưa cành hoa sen lên, rồi nhìn khắp một lượt hội chúng, ai cũng ngỡ ngác. Đến ngài Ca Diếp, hai thầy trò bốn mắt nhìn nhau thông cảm nên Tôn giả mỉm cười. Như vậy tứ mục tương cố để chỉ cái gì? Điều này trong nhà Thiền gọi là bí mật không thể nói được. Nhưng thật ra đâu phải bí mật gì, chẳng qua mở miệng thì sai nên làm thinh vậy thôi.

Phật đưa hoa sen lên là gọi cho hội chúng khởi chú tâm nhìn hoa sen. Bấy giờ Thế Tôn xem xét trong hàng đệ tử thấy mọi người không biết gì hết, tất cả đều nhìn chăm chăm vào hoa sen. Riêng ngài Ca Diếp khi thấy hoa sen, cùng lúc bắt gặp ánh mắt của Phật chạm tới, Ngài liền cười, Phật vui lên liền và ấn chứng cho ngài Ca Diếp. Đó là thông cảm. Như vậy mắt Phật nhìn, mắt ngài Ca Diếp nhìn, bốn mắt gặp nhau hiểu nhau nên mới mỉm cười. Như vậy Phật muốn chỉ cái gì? Đây là vấn đề hết sức sâu thẳm mà cũng hết sức giản đơn.

Như tôi đã nói khi tất cả các niệm diệt hết là chứng diệt tận định. Nếu trong tâm an định rồi, hành giả nhìn thấy sự vật bên ngoài có dấy niệm không? Không dấy. Bên trong lặng thì đối với cảnh bên ngoài cũng lặng. Trong lặng, ngoài lặng lúc này còn cái gì? Chỉ một cái trong lặng. Tôi thường nói như quý vị ngồi năm ba phút không một ý nghĩ nào dấy lên, lúc đó có biết không? Biết rõ ràng. Tiếng chim kêu mình nghe, bóng người đi mình thấy. Thấy biết rành rẽ cái nào ra cái ấy, biết mà không dấy động, lặng yên hằng tri giác. Cái biết đó không động cũng không có tướng nên nó không sanh diệt.

Nhưng chúng ta có bệnh vừa thấy thì phân biệt tốt xấu, vừa nghe thì phân biệt hay dở, rồi quên cái thấy nghe ban đầu của mình. Nắm bắt theo sắc tướng âm thanh bên ngoài thành ra điên đảo. Hiện giờ ai không có cái biết hiện tiền ấy? Thấy tức là biết, biết tức là tâm. Như vậy khi ở trong lặng được vọng tướng rồi, bên ngoài đối duyên xúc cảnh, sáu căn không bị dính kẹt với sáu trần, lúc đó ta là

Phật hiện tiền chớ còn gì nữa! Nhưng nói thể thiên hạ không chịu đâu, phải có hào quang, có hoa sen hiện ở trên trời, trên mây mới được.

Cái biết rõ ràng nơi mắt, đó là cái thật của mình mà chúng ta coi thường, không chịu nhận. Nhìn cây tùng nói nó đáng con gì, vật gì thì thích lắm, chớ nói cây tùng là cây tùng thì không chịu. Phật nói chúng sanh điên đảo là vì vậy, không bao giờ chấp nhận sự thật, chấp nhận sự hiện hữu của mình và muôn vật đúng ở vị trí của mỗi thứ.

Trong hội Linh Sơn, đức Phật đưa cành hoa lên là muốn chỉ cái Ngài đã ấp ủ từ trước tới giờ, đó chính là tâm hiện tiền chân thật đầy đủ nơi mỗi người, là tánh thấy tánh nghe hằng tri hằng giác. Mọi người đều có tánh thấy, tánh nghe, tánh biết mà không chịu nhận, cứ chạy theo những thứ giả tạm bên ngoài. Phật muốn chỉ thẳng nhưng không làm sao chỉ được, buộc lòng phải nói quanh co, đủ thứ phương tiện. Chờ đến nhân duyên chín mùi Ngài mới chỉ thẳng bằng cách đưa cành hoa lên. Ở đây đức Phật cốt làm cho hội chúng nhận ra tánh thấy hằng hữu nơi mình, nhưng tất cả đều ngẩn ngơ chứng tỏ không biết gì. Tới ngài Ca Diếp nhìn thấy liền cười vì Ngài nhận biết chỗ Phật muốn chỉ, đó là Ngài đã ngộ nên được đức Thế Tôn ấn chứng.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy Phật đã cố gắng chỉ cái chân thật cho mình, chớ không muốn che giấu làm gì. Nhưng vì ta không lãnh hội thôi, cứ theo kinh mà hiểu, kẹt trong văn tự chữ nghĩa nên không thấy được cái sâu kín bên trong. Sau khi Phật nhập Niết-bàn rồi, tôn giả A-nan hỏi ngài Ca Diếp:

- Thưa sư huynh, đức Thế Tôn truyền y kim lang cho sư huynh, ngoài ra còn có truyền cái gì khác không?

Ngài Ca Diếp kêu:

- A-nan.

Ngài A-nan ứng thỉnh:

- Dạ.

Ngài Ca Diếp bảo:

- Cây phướn trước chùa ngã.

Nhưng thật ra lúc ấy cây phướn có ngã đâu. Như vậy mới biết rằng trọng tâm là vừa kêu liền ứng thình dạ, đó là tánh nghe hằng hữu. Cái biết từ lỗ tai không có suy nghĩ, nghe kêu thì lên tiếng, chứng tỏ cái biết ấy luôn sẵn nơi ta. Đó là ngài Ca Diếp đã trả lời cái đức Phật truyền cho mình rồi, ngay đó ngài A-nan liền nhận được.

Người xưa có cố tình giấu giếm mình gì đâu, chỉ vì không nói được. Bởi nói ra là trật, chỉ còn thuật kêu thôi. Khi ngài ca Diếp kêu, A-nan ứng thình “dạ”, cả hai bên đều không khởi suy nghĩ mà nghe biết rõ ràng, hiện tiền nơi sáu căn của chúng ta. Đó là điều cốt tủy đức Phật đã để lại và chư Tổ tiếp nối truyền trao cho đến ngày nay.

Chúng ta thấy từ Phật tới Tổ Ca Diếp chỉ truyền một thứ, không có khác. Nếu khác chẳng thì ở mắt hoặc tai thôi, chớ không có hai pháp. Các Ngài cố chỉ cái biết thật của mình, còn cái biết hơn thua, phải quấy là cái biết của thế gian không thật, biết qua bóng dáng vô thường. Cái biết thật là biết trực tiếp không qua hình ảnh ngôn ngữ nào hết. Đó là chỗ thiết yếu chư Phật Tổ đã truyền lại cho chúng ta.

Thế thì chỉ “cái đó” gần hay xa, có quyền bí gì không? Các Ngài chỉ ra một cái thực tế sẵn nơi mình mà chúng ta không thể tưởng tượng nổi, nên không ai dám nhận “cái đó” của mình hết. Đó là giai đoạn đầu từ Phật tới Tổ. Qua giai đoạn kế là các Tổ sau này truyền thừa cho nhau, đi quanh co đến đâu rồi cũng trở về chỗ đó.

Tổ thứ ba là Tổ Tăng Xán. Ngài có làm bài “Tín tâm minh”. Mở đầu thế này:

Đại đạo vô nan,

Duy hiềm giản trạch

Bao nhiêu đó thôi đã nói hết rồi. Đạo ở đây là lấy từ của bên Lão giáo. Lão giáo nói đạo là chỗ không còn ngôn thuyết, không còn nói năng, là chân lý tuyệt đối. Như vậy chân lý cuối cùng chúng ta gọi là đại đạo. Đại đạo không khó, mà khó là tại giản trạch, phân biệt. Cứ nghe gọi trực tiếp trả lời, đưa cái gì lên trực

tiếp thấy, đó là đại đạo. Còn bước qua cái suy nghĩ thứ hai thì mất đại đạo. Bởi vậy có người hỏi ngài Triệu Châu: “Thế nào là đại đạo? Ngài trả lời: “Đại đạo là con đường cái”. Đại đạo ở ngay trước mắt không chịu hỏi, tức nhiên phải chỉ đường cái ngoài kia. Người sau cứ như vậy mà mò nên mò không ra.

Đến ngài Triệu Châu hỏi ngài Nam Tuyền: “Thế nào là đạo?” Ngài Nam Tuyền đáp: “Bình thường tâm thị đạo”, tức tâm bình thường là đạo. Tâm bình thường là sao? Chúng ta có tâm bình thường không? Có mà không biết giữ nên thành không. Vậy tâm bình thường là tâm gì? Là tâm không nghĩ thiện, không nghĩ ác, không nghĩ phải, không nghĩ quấy... tất cả cái nghĩ hai bên đều không có. Thế thì hiện giờ chúng ta có tâm đó không? Ai cũng thừa nhận có mà không sống được với nó vì bỏ quên lâu quá, bây giờ không nhận ra nữa. Bởi vậy tôi nói chúng ta là những kẻ rất phũ phàng, rất tệ bạc. Phũ phàng ai? Phũ phàng mình. Cứ xách gói đi đâu này học đạo, đâu kia học đạo, cầu khẩn lạy lục muốn u đầu sức trán mà tìm vẫn không ra. Nghe chỗ nào linh thiêng liền chạy đến, rớt cuộc cái sẵn có bên mình lại quên, không phũ phàng là gì?

Chúng ta thường gọi những người điên là bất bình thường. Bây giờ tâm mình đang bình thường, tự nhiên khởi nghĩ lăng xăng là bất bình thường, như vậy mình có điên không? Bởi vậy Phật nói chúng sanh điên đảo. Rõ ràng đang sống bình thường bỗng dấy niệm chạy tứ tung, rồi kèm đê. Khổ chưa? Chúng ta tu mà không chịu sống với tâm bình thường, nên trở thành điên đảo, nhưng ai nói ta điên thì tức lộn ngược lên. Thế là điên lại càng điên.

Phật đã chỉ rõ ràng tâm bình thường là đạo, nhưng chúng ta chạy tìm cuốn kinh này, quyển luận kia đọc đau cả đầu, suy nghĩ nát óc. Đọc hết ba tạng kinh rớt cuộc rồi ren thêm nhiều, chớ không nhận được cái bình thường. Tâm bình thường là đạo, hết sức đơn giản, ai cũng có nhưng tại chúng ta muốn phi thường cho oai, thành ra trở thành bất bình thường.

Tâm bình thường là tâm không nghĩ phải quấy, hơn thua, tốt xấu... Thấy biết, nghe biết, đối biết, no biết mà không nghĩ suy gì hết, đó là tâm bình thường. Cả ngày đi đứng nằm ngồi, sống như mọi người mà tâm không dấy động nên các

Thiền sư thường dùng từ như ngây như ngô, không lanh lẹ như người thế gian. Chúng ta lanh lẹ quá, vừa động tới liền nghĩ đông, nghĩ tây. Nói một hiểu hai ba, thành ra phiền não điên cả đầu. Nhiều người ôm đầu nói tôi khó ngủ quá, nghĩ tứ tung hết làm sao ngủ được.

Mã Tổ ngày xưa khi thấy một vị tăng thường ngồi thiền ở hành lang, Ngài tới nắm lỗ tai thổi phũ không cho ngồi. Ai không hiểu cứ nghĩ ông già chơi kỳ cục! Bởi chính Mã Tổ lúc đầu ngồi thiền tinh tấn lắm, sau này ngài Hoài Nhượng tới thử mới biết Mã Tổ chưa thông, vì kẹt trong cái ngồi. Đến khi đắc pháp nơi Tổ Hoài Nhượng rồi, hễ thấy ai ngồi thiền, Ngài liền tới thổi. Tại sao? Bởi nếu chấp cho ngồi là thiền, đó là giết thiền. Phải biết đi đứng nằm ngồi đều là thiền, chớ không phải chỉ có ngồi mới thiền.

Chúng ta đi đứng nằm ngồi trong bốn oai nghi đừng có tâm lăng xăng, sống với tâm bình thường thì không ngồi thiền, ngồi nhỏ cỏ chơi cũng vẫn thiền như thường. Song nếu chưa sống với tâm bình thường thì phải ngồi thiền. Tổ sư muốn chỉ cho chúng ta thấy Thiền là vô tâm trong tất cả chỗ, tất cả thời. Vô tâm là không có tâm chạy theo, nhưng vẫn có tâm bình thường. Không nghĩ suy phân biệt mà vẫn thấy biết rõ ràng gọi là vô tâm. Nên nói nếu được tất cả chỗ vô tâm thì tất cả chỗ là đạo. Chúng ta đi đứng nằm ngồi có khi chạy lên cõi trời, có khi chui xuống địa ngục, có khi làm thánh hiền, có khi làm tướng cướp đủ thứ hết. Vì vậy mà trôi lăn trong lục đạo mãi.

Người sống với tâm bình thường thì không tạo nghiệp. Không tạo nghiệp đâu cần cầu giải thoát, nên chư Tổ thường hỏi ai trói buộc người, không ai trói buộc, cầu giải thoát làm gì cho dư. Nói chuyện nghe lạ tai, nhưng xét kỹ thật là thực tế một trăm phần trăm. Phật Tổ dạy chúng ta bỏ tâm rối loạn lăng xăng điên đảo để sống với tâm bình thường sẵn có. Đó là một chuyện hết sức thực tế, chớ không phải viễn vọng mơ hồ ở đâu đâu. Rõ ràng chủ trương đường lối của các Ngài hết sức cụ thể, hết sức thực tế nhưng rất tiếc chúng sanh bị nhiễm thuốc điên lạm quá, chạy loạn tứ tung hết, không kèm chế nổi rồi than khó tu quá.

Chúng ta sống được với tâm bình thường, dù không cầu giải thoát tự nhiên cũng giải thoát. Bởi ta đâu có tạo nghiệp. Quý vị thử một ngày sống tâm bình thường xem có tạo nghiệp gì không? Giả sử ta lỡ dẫm chết con kiến cũng không bị định nghiệp. Tại sao? Bởi vì nghiệp do ý niệm xấu dấy lên, rồi miệng nói thân làm. Nếu thân làm mà tâm không dấy thì không thành định nghiệp.

Nói đến đây, tôi nhớ Sơ Tổ Trúc Lâm ngày xưa hết sức kỳ đặc. Khi ở ngôi vua Ngài đã thâm nhập được lý Thiên, hiểu Phật pháp rất sâu. Lúc quân Nguyên kéo binh qua xâm lược nước ta, Ngài biết nếu ra lệnh cho quân dân đánh giặc thì phạm tội sát sanh, mình giết hoặc dạy người giết. Bây giờ làm sao? Chỗ này Ngài giải quyết rất lý thú, nhưng chúng ta ít để ý đến. Ngài nghĩ mình là người chịu trách nhiệm với muôn dân, ra lệnh thì người ta làm. Nhưng ra lệnh đánh giặc tức là cố ý sát hại, như vậy ý nghiệp đã thành. Ý cộng với miệng thân nữa thì định nghiệp không thể chuyển. Nên Ngài họp tất cả tướng sĩ lại trưng cầu ý kiến, do đó mà có hội nghị Bình Than. Ngài hỏi:

- Giặc tới muốn cướp nước ta, vậy nên đánh hay nên hòa?

Tất cả tướng sĩ đồng thanh hô to:

- Đánh.

Đó là lệnh của tướng sĩ bảo phải đánh, chớ không do ý của Ngài. Hỏi tướng sĩ không chưa đủ, Ngài triệu tập hết các bô lão trong nước họp hội nghị Diên Hồng, hỏi:

- Giặc đến muốn cướp nước ta, nên đánh hay nên hòa?

Các bô lão cũng khẳng định dứt khoát:

- Đánh.

Như vậy được lệnh của tướng sĩ, được lệnh của nhân dân, Ngài chỉ làm theo mệnh lệnh thôi, chớ đâu phải Ngài ra lệnh. Chúng ta thấy Ngài khôn chưa? Vừa tránh được định nghiệp cho mình, lại vừa rất dân chủ, được mọi người quý kính. Thật quá ư là khéo! Cho nên tuy đánh giặc, có thương tổn đến nhiều sinh mạng, mà ngài không bị định nghiệp, sau này ngộ đạo thành Tổ. Hiểu như vậy chúng ta mới giải thích được chỗ này, nếu không sẽ lúng túng khi bị hỏi “Một ông

vua cầm quân đánh giặc giết bao nhiêu người, lẽ ra phải đọa địa ngục, sao lại thành Tổ?”

Bất cứ tội nào cũng vậy, ý nghiệp là gốc. Nếu phạm mà không có ý nghiệp thì tội ấy có thể chuyển được. Vì vậy về sau Ngài nỗ lực tu hành, cứu dân độ thế để chuyển những tội bất đắc dĩ trước kia Ngài đã gây tạo. Đó là chỗ hay đáo để của Tổ.

Khi nói đến chỗ chân thật, nó gần gũi thực tế làm sao. Bởi vậy có nhiều Thiền sư ngộ đạo la lên khiến huynh đệ giật mình, hỏi: Huynh thấy cái gì mà ngộ? Trả lời: Nếu sớm biết đèn là lửa, cơm chín đã lâu rồi. Nghĩa là sao? Ở nhà quê người ta thường đốt đèn trên bàn thờ, vậy mà tới giờ nấu cơm không nhớ nhà mình có lửa, chạy qua hàng xóm xin lửa về nhúm, thành ra trễ mất nồi cơm. Đến khi nhìn lên bàn thờ thấy cây đèn mới tiếc phải hỏi nãy biết ngay đèn lấy lửa thì nồi cơm đã chín lâu rồi. Cũng thế, nếu sớm biết mình có Phật sẵn thì sự tu hành đã thành tựu từ lâu.

Một vị khác ở giữa chúng ta lên “Tôi ngộ rồi. Tôi ngộ rồi”. Quý thầy chạy lên bạch với Hòa thượng. Hòa thượng kêu lên hỏi: Ông ngộ cái gì? Trả lời: Ni sư là cô gái làm ra. Hòa thượng gật đầu. Đơn giản làm sao! Ngoài cô gái kiếm Ni sư có không? Không. Vậy cô gái đó là Ni sư chớ ai. Một điều đơn giản, thực tế mà không ai dám nhìn, không ai dám biết, cứ tìm kiếm ở đâu đâu.

Trước kia chúng ta đi tu cũng không ngờ như thế, cứ tưởng Phật trên cõi Cực Lạc, chớ không ngờ ở ngay nơi mình. Bây giờ biết ra thì quá gần. Như vậy từ Phật tới Tổ truyền bá Thiền tông một mạch, đều chỉ thẳng tâm bình thường là đạo, chớ không có gì khác. Nhưng trải qua những giai đoạn tu tập gian khó tới cuối cùng chúng ta mới thấy được điều đó. Tại vì mình điên đảo quá nặng, quá đậm nên gỡ khó, thành ra việc tu chậm tiến.

Tối ngồi thiền vừa nhớ vọng tưởng liền bỏ, vậy mà bỏ hoài vẫn không hết. Tại sao? Vì khi ngồi thì bỏ, khi chạy ra thì thâm vô. Sáng thâm vô chiều bỏ ra. Tối bỏ sáng thâm, cứ như vậy hoài một đời bỏ cũng không hết. Bây giờ làm sao ngồi bỏ, đi đứng cũng bỏ, tiếp duyên xúc cảnh đều buông luôn, như vậy tu mới có kết

quả. Người tu muốn đến nơi đến chốn phải cố gắng buông xả các thứ lăng xăng lộn xộn trong tâm, đừng để dính kẹt bất cứ thứ gì. Ai buông bỏ hết thị phi, tốt xấu thì trở về không khó khăn chút nào hết. Việc tu thực tế như vậy, chỉ là trở về với cái thật của chính mình thôi.

Bây giờ tôi nói đến những cái “không ngờ”. Trước khi nói điều này, tôi dẫn kinh Kim Cang. Bản kinh tuy dài nhưng trọng tâm không ngoài hai câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề: “Người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao hàng phục được tâm, làm sao an trụ được tâm?” Phật trả lời cách an trụ tâm trước: “Người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nên đối với sắc sanh tâm vương mắc, không nên đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm vương mắc. Phải ở chỗ không vương mắc mà sanh tâm ấy”. Tức an trụ ngay chỗ không vương mắc gọi là tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa là không cho vương mắc với sáu trần.

Phật trả lời cách hàng phục tâm là đưa tất cả chúng sanh hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi hữu sắc, phi vô sắc, phi hữu tướng, phi vô tướng đều vào Vô dư Niết-bàn. Độ tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh được diệt độ. Chúng sanh hữu sắc là dấy niệm nhớ tới hình ảnh người. Chúng sanh vô sắc là dấy niệm nhớ tới chuyện phải quấy, tốt xấu. Tất cả những hữu tướng, vô tướng, hình ảnh, tâm niệm, không hình ảnh, không tâm niệm v.v... đều đưa vào Vô dư Niết-bàn. Niết-bàn có hai: Hữu dư y và Vô dư y. Hữu dư y là còn thân mà tâm được hoàn toàn thanh tịnh, không sanh diệt. Vô dư y là không còn thân và lặng hết mọi sanh diệt. Tất cả chúng sanh lăng xăng đưa vào Vô dư y, tức trong tâm không còn hình bóng, không còn sanh diệt gì hết.

Hồi xưa tôi thắc mắc Phật bảo độ tất cả chúng sanh vào Vô dư y Niết-bàn. Nếu có Phật tôi sẽ thưa: “Bạch Thế Tôn, con chưa được Niết-bàn làm sao độ tất cả chúng sanh vào Niết-bàn được?”. Nhưng bây giờ mới hiểu Vô dư y Niết-bàn là chỗ không còn niệm sanh diệt, mà niệm sanh diệt là chúng sanh. Chúng sanh lặng hết không còn sanh diệt tức là vào Vô dư y Niết-bàn. Khi tâm lặng rồi không còn thấy có chúng sanh được diệt độ. Chỗ này thâm trầm làm sao! Chúng ta tu muốn

đến chỗ cứu kính, ở trong độ tất cả những chúng sanh vào Vô dư y Niết-bàn, ở ngoài đối với sáu trần không dính mắc. Đó là được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì vậy khi Lục Tổ Huệ Năng nghe tới câu “ung vô sở trụ” nghĩa là không dính mắc vào bất cứ sắc trần nào, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngài liền thốt lên: không ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh, không ngờ tánh mình vốn không sanh diệt, không ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ, không ngờ tánh mình vốn không dao động, không ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp. Ngài thốt luôn năm cái “không ngờ”. Nghe Tổ Giảng tới đây, chính Ngài cũng không ngờ bản tánh của mình như thế.

Tánh là gì? Tánh là cái có sẵn, còn đợi duyên hợp mới có là tướng chớ không phải tánh. Cho nên nói các pháp duyên hợp không tự tánh tức là các pháp không sẵn có, đợi duyên hợp mới có. Còn tánh giác của chúng ta có sẵn, không phải đợi duyên hợp. Các pháp duyên hợp mới có là không tự tánh, còn chúng ta sẵn tánh giác là có tự tánh. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm có phẩm “Hạnh anh nhi” nói về tự tánh của chúng ta. Giống con nít vừa lọt lòng mẹ là khóc oa oa, không cần ai dạy nó. Biết khóc oa oa là biết. Rồi biết bò, biết đi là tự biết, không phải đợi dạy mới biết. Cái biết có sẵn như thế gọi là tánh.

Cũng thế, tánh giác ai cũng có sẵn, nhưng không ngờ khi thấy mới biết nó tự thanh tịnh. Chúng ta sống với tâm bình thường không động, trong sạch, không có hơn thua thì làm gì có phiền não. Cho nên tâm bình thường là tâm thanh tịnh. Nên Tổ bảo không ngờ lâu nay mình đã có sẵn tâm thanh tịnh ấy. Đó là “không ngờ” thứ nhất.

Không ngờ tánh mình vốn không sanh diệt. Vì tâm ấy không khởi niệm, mà không khởi niệm thì không sanh diệt. Đó là “không ngờ” thứ hai. Không ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ. Bởi ta đã có sẵn tánh ấy từ hồi bé tới bây giờ, chớ đâu phải mới có đây. Đó là “không ngờ” thứ ba. Không ngờ tánh mình vốn không dao động. Tánh đó vốn không dao động, không nghĩ suy gì. Đó là “không ngờ” thứ tư. Không ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp. Từ cái không dao động, không nghĩ suy lại

hay sanh ra muôn pháp. Cho nên gọi Chân không mà Diệu hữu, nghĩa là không có một cái gì mà sanh ra tất cả. Đó là “không ngờ” thứ năm.

Như trên tôi đã nói Phật giáo Thiên tông thực tế đến không ngờ, nói đủ là Phật giáo Thiên tông thực tế đến nỗi không thể ngờ. Chính Tổ thấy được như vậy nên đã thốt lên tới năm lần “không ngờ”. Nếu ngày nào chúng ta ngộ được cũng sẽ thốt lên “không ngờ” như Tổ.

Vậy Thiên tông dạy chúng ta tu để làm gì? Chỉ trở về với cái thực của chính mình. Chúng ta đang có cái ấy mà quên, đi xin đi tìm chỗ khác, như vậy gọi là gì? Phật gọi là vô minh, tức không sáng hay nói cách khác là ngu si, điên đảo. Có mà không chịu nhận chạy tìm nơi này, nơi kia vì vậy mà khổ sở; chớ thật ra Phật, Tổ đã chỉ dạy rõ ràng, không giấu chúng ta tí nào hết.

Như vậy hệ thống Thiên tông này phát nguồn từ chỗ đức Phật do dự không muốn nói, còn những hệ thống khác là Phật phương tiện mà nói. Đã là phương tiện thì không phải thật, còn chỗ thật thì không có lời. Vì vậy các Thiên sư khi muốn chỉ chỗ này thường đánh, hét, nạt v.v... mà không nói một lời. Bởi vì mở miệng là hai bên, mà hai bên thì mất cái thật rồi. Hiểu như vậy mới thấu đáo được ý nghĩa Thiên. Chỗ này chúng ta phải nắm cho thật vững.

Để kết thúc buổi nói chuyện hôm nay, tôi lặp lại chúng ta tu biết vọng không theo là đi tắt ngay chặng Xả niệm thanh tịnh, để tới chỗ vô sanh là Diệt tận định. Tuy nhiên chỗ này vẫn còn một chút phương tiện, vì còn thấy vọng và còn cái biết vọng là đối đãi, nên còn phương tiện. Tới chỗ cứu kính thì “Trong không động, ngoài không dính”. Trong không động là trong không khởi niệm, ngoài không dính là sáu căn không dính với sáu trần. Nhưng vì trong giai đoạn đầu mới công phu, chúng ta còn động nhiều, buộc lòng phải rầy, cho nên có phương tiện đối đãi, có trâu có chăn. Đến khi trâu hết thì chăn cũng không còn, đó mới là chỗ chân thật. Song đến đây cũng chưa là cứu kính, mà phải thấy rõ mình luôn hiện hữu, không vắng bóng tri giác lúc nào hết. Cái tri giác ấy không dấy động ở trong, không dính kẹt ở ngoài. Sống như vậy là sống đúng với cái chân thật của mình.

Nếu tu tập thấy đến nơi đến chốn rồi, phối hợp lại các kinh Phật dạy, chúng ta thấy thiên và kinh không hai không khác. Trên phương tiện chỉ bày có sai biệt, nhưng chỗ cứu kính cũng gặp nhau thôi. Đó là điều chúng ta cần phải hiểu cho tường tận.



TẬP NGHIỆP

TV. Trúc Lâm - Đà Lạt 2001

Trọng tâm bài này tôi nói về nghiệp tập. Nghiệp tập là nói theo chữ Hán, chữ Việt gọi là tập nghiệp, do huân tập trở thành nghiệp.

Thiền sư thứ ba ở Trung Quốc là Tổ Tăng Xán. Lúc bị bệnh cùi, mọi người khinh chê xa lánh nên Ngài rất buồn tủi. Nghe Tổ Huệ Khả truyền bá Phật pháp, Ngài tìm tới. Khi gặp Tổ ngài thưa: “Bạch Hòa thượng, con nghiệp chướng nặng nề nên mang bệnh nan y, xin Hòa thượng dạy con phương pháp sám hối”. Ngài nói rất hiền lành, thật thà. Vì nghe người ta nói do nghiệp chướng sâu dày mới mắc phải bệnh nan y. Do đó Ngài cầu Tổ dạy phương pháp sám hối cho tiêu tội, hết bệnh.

Bấy giờ tổ Huệ Khả cũng dùng thuật của tổ Đạt-ma, nhìn thẳng vào mặt Tăng Xán bảo: “Đem tội nghiệp ra Ta sám cho”. Ngài Tăng Xán quay lại tìm, tìm mãi không thấy tội nghiệp ở đâu nên thưa: “Bạch Hòa thượng, con tìm tội không được”. Tổ bảo: “Ta đã sám hối cho ngươi rồi”. Nghe vậy Ngài biết được đường vào.

Tổ bảo đem tội nghiệp ra Ngài sám cho. Ngài Tăng Xán tìm không thấy tội, làm sao đem được, như vậy Tổ đã sám cho rồi. Biết đường vào là đường đi đâu? Khi Ngài quay lại tìm tội nghiệp mà Ngài cho là thật thì không thấy tâm dạng nó ở đâu. Do thấy nó thật mới sanh ra bệnh hoạn, bây giờ tìm lại không thấy nó nữa. Như vậy tội nghiệp có hay không? Nếu không làm sao mang bệnh? Nếu có thì ở đâu? Đó là một vấn đề thật nan giải.

Nếu chúng ta không đi sâu, không thấy tường tận, nghe Tổ nói như chuyện băng quơ. Ngài bảo đem tội ra Ta sám cho, Tăng Xán thưa tìm tội không được, Tổ bảo “Ta đã sám cho ngươi rồi”. Sám bằng cách nào? Từ cái quay lại tìm tội nghiệp không thấy bóng dáng nó ở đâu, nên biết tội nghiệp biến thành không. Tội nghiệp đã không thì hiện tượng quả báo đang chịu đó có thật không? Cũng không thật. Gốc tội vốn không thì tất cả tướng tội theo đó diệt hết. Khi ngài Tăng Xán tìm tội không được, nghe Tổ nói Ta đã sám hối cho ông rồi, liền biết được đường vào. Từ đó bệnh hủi lành luôn.

Chúng ta ai đang có bệnh trầm kha ráng tìm xem tội nghiệp ở chỗ nào mà sanh bệnh hoạn như vậy. Tìm không được thì nó sẽ hết, nếu tìm ra nó thế này thế kia thì tội nghiệp chưa hết.

Thế nên trong bài sám hối được kết thúc bởi bốn câu:

Tội tánh bản không, do tâm tạo,
Tâm nhược diệt thời, tội diệt vong.
Tội vong tâm diệt, lưỡng câu không,
Thị tắc danh vi chơn sám hối.

Tội tánh bản không, do tâm tạo. Tội đâu tự có. Do tâm lành, tâm dữ mới tạo thành tội. Tâm lành dữ không thật thì tội thật không? Tội không thật thì nghiệp báo cũng không thật luôn. Chúng ta thấy có tội nào không từ tâm tạo ra? Ví dụ mình đi đường, không thấy lỗ đạp chết con kiến, tội đó không từ tâm tạo nên sám hối được. Còn tội từ tâm cố ý tạo thì sám hối không được. Phải chuyển tâm tội mới hết.

Phật dạy tội từ tâm sanh, cũng từ tâm diệt. Nếu chúng ta tưởng mình có tội thật, tưởng tâm mình thật, tưởng quả báo nghiệp thật. Một chùm ba thứ: tâm thật, tội thật, quả báo thật nên thọ khổ. Bây giờ quán sát thấy rõ tâm không thật, tội không thật. Từ tâm không thật, tội không thật, quả báo làm sao có thật? Đi từ gốc ra lần tới ngọn, biết gốc không thật thì ngọn cũng không thật. Lành được gốc thì ngọn cũng lành luôn. Nếu gốc bên trong chưa lành, còn nguyên bệnh mà muốn cho ngọn bên ngoài lành, làm sao lành được, làm sao hết bệnh được?

Tội từ tâm tạo thì sám hối phải từ tâm mà sám. Muốn sám hối hết tội nên tìm xem tâm thật hay không? Nếu tâm thật thì tội thật, tội thật thì quả báo mới thật. Bây giờ biết rõ tâm không thật, tội chướng không thật, thì quả báo cũng không thật. Nên nói tánh tội vốn không, bởi tội từ tâm sanh, tâm đã không thì tội đâu có. Tội không thật có, quả báo làm sao thật được.

Ở đây chỉ thẳng chỗ tội cùng, chớ không đi từ tướng bên ngoài. Nói vậy không có nghĩa là bác nhân quả, mà là đi thẳng vào gốc của tội lỗi. Gốc của tội lỗi từ tâm mà có. Tâm tạo tội là tâm gì? Tâm sanh diệt, nghĩ thiện nghĩ ác, nghĩ thương nghĩ ghét. Có thương có ghét nên đối với người mình ghét ta xử xấu, đối với người thương ta xử tốt. Từ tâm phân biệt thiện ác, tội phước đó mà đưa tới quả báo tạo nghiệp. Tạo nghiệp rồi lại tiếp tục chịu quả báo. Cứ thế xoay chuyển mãi không cùng.

Thế nên muốn hết tạo nghiệp trước phải hết cái thấy hai bên. Hiện tại chúng ta thấy mấy bên? Ba bên. Hai đầu và chính giữa nữa. Nhìn ra thấy ba bên chớ không chỉ hai bên thôi. Chính giữa là mình, bên này là người thương, bên kia là người ghét. Nếu không còn hai bên, thì chính giữa cũng hết luôn. Như vậy tội ngay đó tiêu hết. Như chúng ta ngồi thiền không cho nghĩ bậy tức là dừng nghĩ hai bên. Hai bên dừng được rồi thì cái chân thật mới hiện. Thế nên tìm tội mà biết tội không thật thì nghiệp cũng không thật. Vì vậy khi ngài Tăng Xán biết đường vào rồi liền hết bệnh. Trị bệnh như vậy mới trị tận gốc.

Tâm nhược diệt thời, tội diệt vong. Nghĩa là tâm nếu diệt rồi thì tội theo đó cũng mất. Như khi ta oán giận ai, muốn hại kẻ đó. Muốn hại là gì? Là tâm. Khi muốn hại bằng cách này, cách nọ mà chưa kịp hại, liền thức tỉnh. Bây giờ tâm muốn hại không còn nữa, vậy tội còn không? Tội theo đó cũng không còn. Nên nói tâm diệt thì tội theo đó diệt.

Vị nào cả ngày thấy rõ tâm không thật, buông xả hết tất cả nghĩ ghét, nghĩ thương, người đó có tội không, sống trong chúng có bị rầy rà không? Chắc không. Ngược lại nếu tâm nghĩ thương, nghĩ ghét ngày càng sâu, trước lún chừng hai phân, dần dần lên năm bảy phân, rồi sâu một tấc, cuối cùng lún tới tim nên nhỏ

không ra. Rầy đi, rầy lại, nhắc tới, nhắc lui mãi mà nhỏ cũng không nổi, là tại lún sâu quá. Cho nên đừng có cột, đừng có trói thêm sâu thì dễ gỡ. Gỡ được tâm đó thì tội hết liền. Thế nên gốc của sự sám hối là phải biết tâm không thật, tội không thật, việc làm kia cũng không thật, nên buông bỏ hết thì tội hết.

Chùng nào Tội không, tâm diệt lưỡng câu không, không thấy tội thật, tâm thật, cả hai đều không, mới là Thị tắc danh vi chơn sám hối, đó chính thật là sám hối. Sám hối như thế mới chí thành, chí thiết. Còn sám hối của chúng ta chỉ là sám hối ngoài miệng, văn sao đọc vậy mà trong tâm không gỡ không chừa. Như vậy chùng nào mới hết tội?

Chúng ta nhìn lại hành động của Thiền sư Tăng Xán. Khi tìm tội không ra Ngài liền biết nó không thật, vì vậy Tổ nói “Ta đã sám hối cho ông rồi”. Ngay đó Ngài biết đường vào, tức là biết tìm tội tánh là không. Tội tánh không nên tâm cũng không, đó là Ngài sám hối chân thật. Nhờ thấy đạo, bệnh Ngài được lành. Như vậy đường đi từ Tổ thứ hai sang Tổ thứ ba từ ngữ có khác, nhưng gốc không hai. Vị nào cũng là chỉ thẳng chỗ cuối cùng đó.

Sau này Tổ Tăng Xán có làm bài “Tín tâm minh”. Tôi chỉ đọc hai câu đầu, hai câu cuối thôi. Hai câu đầu là:

Chí đạo vô nan,
Duy hiềm giản trách.

“Chí đạo” là đại đạo, là chỗ tốt của đạo, “vô nan” là không khó. Chỗ tốt của đạo không khó. Duy hiềm giản trách, nghĩa là chỉ đáng ngại ở chỗ suy gẫm, phân biệt giản trách. Vì suy gẫm phân biệt là vọng tưởng. Muốn được chỗ chí đạo phải buông bỏ suy gẫm, vọng tưởng. Như vậy khó không? Nếu bảo chúng ta đi bộ lên mây xanh, lấy chí đạo trên đó thì khó thật. Còn đàng này chỉ bảo đừng giản trách thôi. Thấy là thấy, nghe là nghe, đừng phụ họa thêm bớt tốt xấu hay dở, thì chí đạo hiện tiền.

Chí đạo tức là chân tâm. Chỗ tốt cùng là đó, không có gì hết, đơn giản vô cùng nên nói không khó. Nhưng khó tại vì mình giản trách. Chân tâm có sẵn, chỉ vì ta chạy theo vọng tưởng nên không nhận ra. Bây giờ đừng chạy theo vọng

tưởng nữa thì chân tâm hiện tiền, có mất thiếu chỗ nào đâu. Thế nhưng không hiểu sao chúng ta lại không chịu bỏ vọng tưởng? Bởi vì con người quen sống điên đảo rồi. Bởi từ điên đảo nên không thấy được chí đạo.

Tu Thiền, tu Tịnh cốt diệt tâm điên đảo ấy. Niệm Phật tới nhất tâm thì điên đảo đâu còn. Tu Thiền buông sạch hết, không còn một niệm thì tâm điên đảo đâu còn. Như vậy vô niệm tức là chí đạo, chớ không gì khác. Vì chúng ta không đi sâu trong đó, không sống được chỗ đó, nên mất “chí đạo”. Cho nên tu không tìm gì ở đâu xa, mà cứ trở về gốc chí đạo, chớ không chi hết.

Hai câu kết thúc:

Tín tâm bất nhị,

Bất nhị Tín tâm.

Tin được tâm chân thật của mình thì không còn hai. Còn hai là chưa tin được tâm chân thật của mình. Mở đầu và kết thúc bài “Tín tâm minh”, rõ ràng Ngài chỉ thẳng tâm chân thật rồi, nhưng kẹt là tại chúng ta suy gẫm nhiều quá. Chỉ học bốn câu thôi, ta cũng thấy tường tận những gì các Tổ muốn dạy. Bởi Ngài tìm tâm không được, tìm tội không có, tâm tội đã hết thì đâu còn hai. Như vậy Ngài tin được chỗ chí đạo, thấy rõ chí đạo rồi Ngài được Tổ truyền tâm ấn, tất cả bệnh tật cũng lành hết.

Chuyện dễ như trở bàn tay, không biết tại sao chúng ta tu năm năm mười năm, than thở đủ thứ khó khăn, trầy trật mãi chưa vươn lên được. Chuyện bảo bỏ cái giả đi sẽ thấy cái thật liền, cái thật ấy lại sẵn có, mà không chịu bỏ là khôn hay dại? Dại, không nghi ngờ gì nữa. Vậy mà ai nói dại liền nổi giận đùng đùng, thành ra dại thêm một lớp nữa. Thật tình như vậy, hết sức giản đơn mà chúng ta không chịu sống, không chịu thấy.

Tại sao khi tìm không ra tội nghiệp của mình, nghe Tổ nói “Ta đã sám hối cho ngươi rồi”, ngài Tăng Xán liền thấy lỗi vào? Do Ngài biết nghiệp đó không thật. Nhưng làm sao biết nó không thật? Đây là nội dung chính của bài pháp nghiệp tập hôm nay.

Chúng ta đi từ nghiệp tập hiện tại trở lui về nghiệp tập quá khứ. Như người nam hồi còn trẻ chưa biết hút thuốc, họ có thèm thuốc không? Không. Sau đó nếu mỗi ngày họ hút hai điếu, ba điếu chừng năm bảy tháng thành nghiện. Bữa nào không hút thuốc họ nói “tôi nghiện thuốc quá”. Bây giờ nghiện thuốc trở thành tôi rồi. Hồi đầu chưa hút, thuốc là thuốc, mình là mình, nó không phải là mình. Khi hút lâu thành nghiện, thiếu thuốc nói tôi nghiện thuốc quá làm không nổi, đi không được, gì gì đủ thứ. Như vậy cái nghiện thuốc thành tôi, nghĩa là đấp nghiệp vô thành mình rồi. Người không nghiện thuốc đâu có nói tôi nghiện thuốc quá. Đó là ví dụ thứ nhất.

Ví dụ thứ hai, như người uống rượu. Nếu trước chưa từng uống rượu, thấy rượu họ có nghiện có thèm không? Nhưng khi đã uống năm năm, ba năm, vừa tới tiệc rượu người ta không mời, họ cũng nhào vô uống, vì thèm vì nghiện rượu quá. Tại sao thèm? Vì cho nghiệp uống rượu đó là tôi. Nên biết rượu, thuốc ban đầu không phải là mình, nhưng do ta tập từ một hai ba bốn cho đến trăm ngàn lần, lâu ngày quen thành nghiệp. Thế là chấp nhận nghiệp là mình. Mình có nghiệp nghiện thuốc, nghiện rượu nên thiếu mấy thứ đó chịu không nổi.

Như vậy khổ đau của người nghiện thuốc, nghiện rượu khi không có thuốc rượu do ai đem lại? Không phải trời, không phải Phật, không phải người khác, mà chính họ tạo lấy rồi thọ khổ với nghiệp mình đã tạo. Việc này không thể đổ thừa cho ai được, vì rõ ràng do mình tập làm từ lúc ban đầu. Đổ thừa người này dụ tôi hút thuốc, hay người kia dụ tôi uống rượu, đó là lối đổ thừa bâng quơ. Người ta dụ mà mình không hút thì thôi, không uống thì thôi, có gì thành nghiệp. Nghiệp nghiện rượu, nghiện thuốc là chính mình chủ động tạo. Tạo rồi sau đó khổ, thân sanh bệnh hoạn tâm rối loạn. Đó là tại ai? Tại trời đất chăng?

Bây giờ muốn bỏ nghiệp ấy phải làm sao? Người ấy biết trước kia mình đâu có nghiện rượu, nghiện thuốc, tại tập hút tập uống lâu dần mới thành nghiện. Bây giờ muốn hết nghiện thì tập trở lại, đừng hút đừng uống nữa. Rượu, thuốc tánh nó là không, tập lâu thành thói quen, thành nghiệp. Biết tánh nó là không, đừng theo nữa thì nó hết chớ gì. Thấy thuốc không thèm hút, thấy rượu không

thèm uống, lâu ngày hết nghiện. Bởi tánh nó không, đâu phải thật, nó lại ở bên ngoài huân vô thành nghiệp, không phải có sẵn. Như vậy bỏ là dễ, chớ đâu có khó.

Ví dụ thứ ba là hút á phiện, xì ke, ma túy. Có người nào cha mẹ sanh ra đã nghiện á phiện, ma túy không? Không bao giờ có. Nguyên ban đầu nó không có, nhưng do tập hút, ban đầu hút sơ sơ, lâu thành nghiện. Ngày nào không có nó thì uya mưa, ngã bờ ngã bụi, rất khổ sở. Khổ đó từ đâu mà ra? Rõ ràng từ mình. Tại mình thích, muốn nếm mùi tứ đồ tưởng để tỏ ra ta lịch thiệp, cái gì cũng biết. Biết rồi thì thành bệnh, muốn bỏ bỏ không được, vì đã nghiện.

Mọi khổ đau đều do chính mình chủ động tạo, rồi chịu nó hành phạt, làm cho đau khổ trở lại. Như vậy nghiệp từ ta huân tập, đâu phải ai đem tới cho mình. Nên nói “nghiệp tánh bản không”. Câu này là chân lý. Tánh nó vốn không, nếu tánh có thì mọi người ra đời đều nghiện giống nhau. Nhưng không phải thế, người không tập thì không nghiện, người tập mới nghiện. Do tánh vốn không, nhưng tại tập nên thành nghiệp, vì vậy nói tập nghiệp.

Chúng ta ở chùa có ai dám tập mấy cái nghiệp đó không? Chắc không ai dám. Nếu trước lỡ có, vô đây cũng bắt phải bỏ. Nhờ bắt bỏ nên nghiệp theo đó cũng hết. Bỏ nghiệp xấu thì nó hết, còn mạnh khỏe hơn nữa, chớ chết đâu mà sợ. Vậy ba thứ bệnh nghiện thuốc, nghiện rượu, nghiện á phiện, ma túy gốc đều do mình tập trong hiện đời, chớ không phải ai đem tới. Đó là bệnh thứ nhất, bệnh nghiện.

Bệnh thứ hai là bệnh thích. Trong chúng ta, có ai chẳng thích gì không? Không thích cái này cũng thích cái kia. Ví dụ ở nhà ta ăn uống những món quen miệng, bây giờ ai cho món khác, mình không thích. Cụ thể như Phật tử quen ăn chay, hôm nào đi đâu có người bắt ăn mặn, quý vị liền nói “Tôi thích ăn chay”. Như vậy thích ăn chay là tôi. Tôi thích. Ăn mặn tôi ăn không được. Cái thích đó do mình mới tập, chớ hồi nhỏ cha mẹ cho ăn gì ăn nấy, đâu biết chay mặn chi. Khi đã tập quen rồi, thay đổi mình không chịu. Rõ ràng thích này thích nọ là cái ta tập.

Trong ăn chay cũng có cái thích, không thích nữa. Như người thích rau luộc, đem món khác không thích. Tại sao? Tại rau luộc hợp với khẩu vị của họ. Người

thích đậu hủ, có đậu hủ ăn mới được, không đậu hủ ăn không được. Người thích xào chiên, có xào chiên ăn mới ngon, không xào chiên ăn không ngon. Mỗi người thích mỗi thứ. Cái thích đó tự nó có hay do mình tập? Do mình tập, lâu ngày thành thói quen. Nói tôi thích cái này, tôi thích cái kia, thành ra cái thích đó là tôi rồi.

Từ cái chưa có mình huân thành có, tạo ra nghiệp, sống bằng nghiệp. Bây giờ nghiệp thành chủ, còn mình mất tiêu. Tất cả những gì ta nói thích, tôi thích cái này, tôi thích cái kia, đó là thích theo nghiệp nên bị nghiệp hướng dẫn, chứ không phải mình. Nghiền là nghiệp, thích là nghiệp, chứ không phải mình. Như vậy đi sâu trong tâm lý mới thấy ta tạo nghiệp rồi biến nó thành mình, thành cái tôi. Đó là bệnh thứ hai, bệnh thích.

Bệnh thứ ba là phải quấy. Cái phải của nhóm này đối với cái phải của nhóm khác thành ra quấy. Tại sao nói phải? Tại sao nói quấy? Chúng ta thấy phải quấy cũng do huân tập mà ra. Như ở Việt Nam, ông bà cha mẹ dạy con cháu lớn lên có hiếu thảo. Hiếu thảo với cha mẹ thì kính nhường cha mẹ ăn trên ngồi trước, cha mẹ già phải nuôi nấng. Dân tộc Việt Nam đã được huân như vậy. Bây giờ qua Mỹ, tới bữa cơm dọn lên bàn xong xuôi, mấy đứa nhỏ mười hai, mười ba tuổi trèo lên ngồi trước, rồi ba má ông bà tới sau. Như vậy chúng có hiếu không? Nếu ở bên này, con cháu lên bàn kiêu đó thì cha nó tát tai rồi “Đồ vô lễ, không mời ông bà ngồi trước”. Còn bên kia người ta thấy vậy là tốt. Thế thì cái phải ở Việt Nam với cái phải bên kia giống nhau không? Hoàn toàn không giống. Nhưng cũng do huân tập thôi, chứ tự nó không có phải quấy như vậy.

Cái phải của tập thể này tuân theo qui chế của nó. Tập thể khác đặt ra qui chế ngược lại, nhưng theo họ là đúng. Khi hai cái phải nghịch nhau đối mặt thì sanh ra ẩu đả. Bởi vậy mới có tập thể này thắng, tập thể kia thua. Nhẹ thì chửi nhau, nặng thì đập nhau. Như các nước Tây phương thường có nhiều đảng. Mỗi đảng có chủ trương khác nhau, chống nhau, mới có chuyện khi tranh cử chửi nhau. Bên này chê bên kia dở để vận động cho đảng mình thắng. Như vậy phải quấy nằm chỗ nào? Đó là nói phải quấy của tập thể, đảng phái.

Xét rộng hơn là tôn giáo này, tôn giáo kia. Bây giờ chúng ta thấy tôn giáo lớn trên thế giới không tôn giáo nào giống tôn giáo nào hết. Riêng Phật giáo, tôi thấy Phật có một câu nói thật tuyệt vời: “Chúng sanh nghiệp tập khác nhau nên họ thích tôn giáo cũng khác nhau”. Bởi vậy trong đạo Phật có vô lượng pháp môn, mà không nói pháp môn nào chánh hết. Lẽ ra Phật dạy một đường thôi, tại sao lại nói vô lượng pháp môn? Bởi Phật thấy tường tận căn cơ của chúng sanh. Kẻ khôn, người dại, kẻ tự chủ, người ỷ lại, đù hạng. Người thích huyền bí mà nói thực tế thì họ không nghe, nên Phật phải nói vô lượng pháp môn.

Tôi thấy không lẽ mình theo đạo Phật, rồi cứ khen ngợi Phật hoài. Thật tình đối với tôi, đức Phật rất tuyệt vời. Bởi vì Ngài thường dạy, khi chúng ta suy nghĩ điều gì, chỉ nên nói: “Đây là suy nghĩ của tôi”, không nên dùng hai chữ phải quấy. Anh suy nghĩ thế đó là suy nghĩ của anh. Mỗi người tùy ý suy nghĩ, không đặt phải quấy thuộc về phần ai. Thật tuyệt! Chúng ta học Phật là học chân lý tuyệt đối, chân lý chung của nhân loại. Cho nên không thể bám chặt vào phải quấy không thật rồi sanh ra cãi vã, hơn thua, thù oán v.v... Đó là nghiệp tập thành ra phải quấy.

Như người tu Thiền thích tự mình phát triển trí tuệ, tự mình dẹp hết phiền não, tự mình giải thoát, chớ không trông cậy vào ai. Nhưng có những người không trông cậy kẻ khác, họ làm không nổi. Do đó Phật dạy pháp môn niệm Phật để được Phật đón về Tây phương. Đừng làm gì hết, cứ tin vào Phật, Phật sẽ đón về bên ấy.

Hoặc đối với những người thích sự linh ứng mau nhiệm thì Phật dạy tụng thần chú, có chú thiên hộ trì, đủ thứ linh nghiệm. Tụng chú tới tam mật là thân mật, khẩu mật và ý mật thì đức Phật Đại Nhật sẽ xoa đầu thọ ký. Cũng như niệm Phật tới nhất tâm bất loạn thì Phật Di Đà sẽ rước về Cực Lạc. Tu thiền thì phải vô tâm, vô niệm mới thấy cái chân thật hiện tiền. Như vậy do trình độ căn cơ bất đồng nên Phật dạy nhiều pháp môn.

Chúng ta là người giáo hóa, đem Phật pháp truyền bá khắp nơi thì phải biết rõ như vậy. Nếu không, người tu Tịnh độ chê người tu Thiền, người tu Thiền trách người tu Tịnh độ, rồi tu Mật nữa, choảng nhau rối tung lên. Người niệm Phật nói

niệm Phật về Cực Lạc, có chỗ nơi đàng hoàng, còn tu Thiền không có chỗ nào về hết, chết đi đâu? Cứ thế mà đặt câu hỏi lung tung với nhau, không hiểu trọng tâm của Phật dạy là vì chúng sanh nhiều bệnh, nhiều nghiệp nên Phật có nhiều phương tiện giáo hóa khác nhau.

Cho tới pháp môn tu Thiền cũng vậy, tùy hoàn cảnh, trình độ Phật dạy khác nhau. Như ngài A-nan đi giáo hóa gặp ông giữ nghĩa địa, xin Ngài dạy pháp tu. Ngài dạy ông quán sổ tức, tức đếm hơi thở. Gặp ông làm lò rèn, Ngài dạy quán bất tịnh đi. Cả hai ông, một người đếm hơi thở một người quán bất tịnh hoài mà không thấy tiến bộ gì hết. Nghe hai ông trình bày, Ngài thắc mắc không hiểu tại sao, nên về hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, con có dạy hai người đệ tử tu quán sổ tức và quán bất tịnh, nhưng không người nào đạt kết quả hết. Như vậy là sao?

Phật hỏi:

- Người được ông dạy pháp quán bất tịnh làm nghề gì?

- Thưa làm thợ rèn.

- Người được ông dạy pháp quán sổ tức làm nghề gì?

- Thưa giữ nghĩa địa.

Phật nói:

- Tại ông dạy sai, chớ không phải họ tu không có kết quả. Người giữ nghĩa địa thấy thân ma tới hoài thì phải dạy quán bất tịnh, vì họ chứng kiến những cảnh đó nên quán mới sâu, mới thành công. Còn người thợ rèn cứ thổi ra thổi vô khi khịt khi khịt, nên dạy quán sổ tức. Đếm hơi thở hít vô thở ra đều đặn, như chính công việc của họ thì tu dễ thành công hơn.

Nghe Phật nói thế, Ngài tìm tới hai người đệ tử dạy lại cách tu. Thời gian sau hai vị vui mừng báo tin vui với Ngài là chúng con tu có kết quả rồi.

Chúng ta mới thấy pháp tu phải nhịp nhàng theo công việc, theo tập quán của mình thì dễ thành công hơn. Không thể bắt kẻ căn cơ, tập quán của mỗi người, tu sao cũng được. Do Phật biết trình độ, căn cơ, hoàn cảnh của mỗi người nên Ngài dạy không lầm. Vì vậy mười người tu thì mười người ngộ. Còn chúng ta bây

giờ cứ nhắm chùng mà dạy, không trúng bệnh nên người ta tu hoài không ngộ gì hết. Lỗi tại mình không biết tùy duyên, tùy căn cơ mà có các phương tiện khác nhau.

Phật biết trình độ chúng sanh sai biệt nên lập nhiều pháp môn sai biệt. Tất cả sự sai biệt đó đều vì đối cơ mà trị bệnh, chứ không phải chân lý tuyệt đối. Người thời nay có tật, tu pháp nào thì cho pháp đó là tuyệt đối. Người tu pháp khác tuy cũng Phật dạy, nhưng mình cho đó chưa phải tuyệt đối, nên sanh bực bội chống đối lung tung. Đó là do trình độ hiểu Phật của chúng ta quá cạn cợt.

Chúng ta tu thiền phải biết đây là pháp trị tất cả tâm bệnh. Tại sao? Như tâm có tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, đủ thứ phiền não thì có đủ pháp môn để đối trị. Nhưng bây giờ chúng ta thử hỏi phiền não từ đâu mà ra? Từ tâm vọng tưởng mà ra. Tâm vọng tưởng từ đâu mà ra? Do đối duyên xúc cảnh phân biệt mà ra. Như vậy dừng ngay tâm vọng tưởng, tức là trị tận gốc rồi. Các bệnh sẽ theo đó mà hết. Chỉ tận gốc rất khó, còn chỉ từng pháp đối cơ dễ hơn. Khi biết được tận gốc rồi chúng ta nhìn ra ngoài thấy rõ lắm, không nghi ngờ gì nữa.

Chỉ tận gốc là, vừa có hai niệm liền thành bệnh. Không có hai niệm thì đâu từng bệnh. Nếu không từng bệnh đâu cần nhiều pháp môn? Hiểu tường tận như thế chúng ta mới thấy cái hay của người tu từ gốc. Không nhận ra như thế, chúng ta chỉ tu ngọn ngành, không tới cùng được cội gốc. Học Phật mà không tìm tới tận gốc thì không bao giờ thấy được lẽ thật.

Thứ tư là bệnh thương ghét. Phải quấy đã làm khổ thiên hạ biết bao nhiêu rồi, bây giờ lại còn thương ghét nữa. Chúng ta thử tìm xem tại sao mình thương, tại sao mình ghét? Có hai lý do. Lý do thứ nhất là do thấy, nghe. Thấy mặt người đó dễ thương nên vừa ý, nghe tiếng người đó dễ nghe nên vừa ý. Thấy vừa ý, nghe vừa ý là thương. Nói vừa ý nhưng lại không biết ý mình làm sao?

Trên đời này không ý ai giống ý ai. Nếu người ta thấy, nghe giống nhau thì chắc có một số người có đôi bạn, còn một số người ở giá luôn. Phải vậy không? Nhờ thấy nghe không giống nhau nên người nào cũng có kẻ vừa ý hết. Người này chê, người khác không chê. Vì vậy trong thế gian ai cũng có đôi bạn được, chứ

không bị lẻ loi. Rõ ràng như vậy. Người này khen đẹp vừa ý, nhưng người khác lại chê không vừa ý. Như vậy mỗi người có cái thấy, cái nghe không giống nhau. Bởi thấy nghe không giống nhau nên sự huân tập cũng khác nhau, do đó cái thương ghét cũng khác nhau. Đó là lẽ thường.

Nếu thương, ghét không giống nhau thì mọi người trên đời này, không ai được thương hoàn toàn, cũng không ai bị ghét hoàn toàn. Nếu được đa số thương là tốt lắm, ưu lắm rồi, thiếu số ghét cũng được. Còn người bị đa số ghét, chỉ một vài kẻ thương là dở lắm. Nhưng chúng ta có bệnh nghe ai phê phán liền nổi tức lên. Một trăm người có một người thứ chín mươi chín phản đối, tất cả còn lại đều đồng tình, mình cũng không chịu nữa. Nghĩa là ta đòi phải 100% khen ngợi hết mới được, như vậy là tham quá. Phật nói không có lẽ đó. Sống kiêu đó không bao giờ thấy yên lòng.

Đức Phật ngày xưa còn bị thiên hạ chửi kia mà, làm sao ta được mọi người thương hết? Chỉ một số người bằng lòng là quý rồi. Khi ta biết có một số người không thích mình là chuyện bình thường, thì họ nói gì mình cũng cười thôi, giận làm chi. Giận là ngu, bởi vì mình tham quá. Hiểu như vậy rồi chúng ta sống mới yên ổn nhẹ nhàng, không tham lam quá đáng, nên không khổ.

Nên biết thương ghét cũng là tập nghiệp thôi. Người tập nghiệp nào thì hợp với những người cùng có tập nghiệp ấy. Người ta hay nói bạn đồng nghiệp thường bênh vực nhau, đùm bọc nhau. Vì đồng nghiệp nên dễ thông cảm, dễ thương mến nên họ đùm bọc bênh vực nhau cũng là chuyện hợp lý. Thế nên ai cũng có chỗ sống, có nguồn an ủi hết. Đó là vì nghiệp tập giống nhau nên thương yêu nhau, bảo bọc nhau.

Như cùng làm thầy thuốc, người thầy nào lương thiện thấy những thầy thuốc lương thiện khác liền xem như anh em. Còn kẻ trộm cướp gặp mấy tên trộm cướp cũng vui vẻ thân thiện với nhau. Rõ ràng thương ghét đều từ nghiệp tập mà ra, không phải bỗng dưng có. Còn như hai phái nam nữ thương nhau là do nghiệp tập gì? Do nghiệp tập ái dục nối tiếp dòng giống trên thế gian, chớ không có gì hạnh phúc cả. Song con người vì muốn dòng giống đông, xứ sở nhiều nên tán thán

đó là hạnh phúc, để gạt nhau. Trên thực tế vùi đầu vô đó rồi khổ, chứ có hạnh phúc gì đâu.

Người đời do ái mà có chồng vợ, rồi sanh con cái. Có con cái thì thương con cái. Con cái lớn lên lập gia đình sanh con, thì lại thương cháu, cứ thương hoài. Thương cái này chưa rồi, tới thương cái kia, thương cái kia chưa rồi tới thương cái nọ. Cứ thế nối tiếp không cắt được dòng ái. Cho nên người tu cắt gỡ nghiệp tập đó, nên nói tu là thoát ra biển ái, dứt mầm sanh tử. Vì nghiệp tập ấy to lớn như biển vậy.

Mỗi người ra đời đều mang theo một số nghiệp của quá khứ hoặc thuận hoặc nghịch. Nên khi gặp lại nhau, có những thương ghét khác nhau. Lâu nay trong luân lý Việt Nam có nói: “Cha mẹ nào mà không thương con”. Nhưng có những trường hợp ngược lại. Tôi đã nghe một người mẹ kể như thế này. Bà có hai đứa con, đứa thứ nhất đi khỏi thì thôi, nhưng vừa về thấy mặt là bà giận lắm, chẳng việc gì cũng cảm thấy tức giận, bực bội. Chính bà cũng không hiểu tại sao như vậy? Còn đứa thứ hai đi đâu vắng thì bà nhớ, bà trông. Nó về liền mừng rỡ. Bà hỏi tôi tại sao như vậy?

Điều đó thật khó giải thích, nhưng tôi biết rõ ấy là do nghiệp. Bởi vì trong kinh Phật có dạy, người ôm ấp lòng thương hay tâm oán thù ai, khi nhắm mắt sẽ đem theo hai hình ảnh ấy. Vì vậy đời sau gặp lại tiếp tục theo cái thương ghét trước mà đền trả. Người mình thương nhiều là người thân, người mình ghét nhiều là người oán.

Thêm một trường hợp nữa. Vừa rồi có hai vợ chồng nọ tìm gặp tôi, người chồng hỏi: “Thưa thầy có cha mẹ nào không thương con không?” Tôi nói “Cha mẹ nào mà không thương con”. Người chồng mới kể lại chuyện của vợ ông. Cha mẹ vợ ở tại Sài Gòn rất giàu, nhưng không biết lý do gì sanh con ra đem bỏ ngoài đường. Người khác thấy tội nghiệp đem về nuôi, sau họ trả lại. Trả lại, cha mẹ vợ cũng đem cho người khác, chứ không nuôi. Lớn lên vợ ông phải ra đường ăn xin, mà cha mẹ cũng không thèm nhìn. Về sau cô bé có chồng, theo chồng qua Mỹ... nghe chồng kể tới đó, cô vợ khóc lủi. Họ hỏi thế là sao? Tôi trả lời không ra.

Nhưng tôi đoán có lẽ một phần do gia đình vợ ông mê tín, nghe lời mấy gã thầy bói nói cô ta sanh nhằm ngày tháng kỵ với cha mẹ gì đó, nên họ mới đem bỏ. Bởi vậy sự mê tín nguy hiểm vô cùng. Đó là giải thích theo nhân gian, nhưng nhà Phật bảo như vậy âu cũng là do tập nghiệp của cô với gia đình. Đời trước gieo rắc oán thù sao đó, bây giờ vừa gặp lại là phải đền trả quả khổ liền. Đã là tập nghiệp của quá khứ thì hiện tại giải không ra, vì chúng ta không thấy được quá khứ. Đó là nói cha mẹ với con cái có những trường hợp như vậy, nếu tập nghiệp thuận thì gặp lại vui vẻ thương mến, nếu tập nghiệp nghịch gặp lại chỉ khổ thôi.

Tới anh chị em sanh ra, sống chung trong một gia đình cũng vậy. Người thương kẻ này, người ghét kẻ kia, không giống nhau. Mà mức độ thương ghét cũng khác nữa. Đó là máu mủ chung, sống trong một sự giáo dục chung, mà đã khác nhau từ tư tưởng cho đến tình cảm. Thế nên đối với người ngoài chuyện thương ghét không đồng là điều dĩ nhiên thôi, đều do tập nghiệp quá khứ mà ra.

Tập nghiệp quá khứ có những việc không thể hiểu, không thể lường nổi. Thế nên tôi thường nhắc Tăng Ni nuôi con nít phải khéo, nếu không sẽ biến lòng từ bi thành nghiệp tập thương ghét, cột trói mãi từ đời này sang đời khác. Ta xuất gia là từ già gia đình, cắt ái từ thân, vô lý bây giờ cột lại? Cho nên quý vị phải thận trọng, liệu mình không thể vượt qua được tập nghiệp thì thôi tránh, đừng làm.

Thêm tập nghiệp của mang thân nữa. Chúng ta có đủ phước duyên sanh làm người, hiểu biết rõ ràng, đi đứng tự do v.v... nhưng nếu sanh ra bị những bệnh nan y như bại liệt thì ta có còn muốn sống không? Chỉ mới tưởng tượng thế thôi, mình đã không muốn sống, chết phứt cho rồi. Song ngược lại nếu ta hỏi những người bị bệnh tật ấy, họ muốn sống không thì họ sẽ đáp: Muốn sống. Rõ ràng nghiệp phải trả thì phải chịu để trả. Hồi xưa có nhiều người bị bệnh hủi, lẽ ra không muốn sống nhưng họ vẫn sống như thường. Như vậy lỡ mang thân do nghiệp tạo ra, mình phải chịu theo nó, chớ không cưỡng lại được. Đó là nghiệp tập làm người.

Đến nghiệp tập làm các thân khác như bò, heo, chó... Có con nào muốn chết đâu. Hễ có thân thì phải chịu, hài lòng với thân đó để sống, để trả. Chúng ta

thấy có những con ngựa phải kéo xe, bị đánh đập đủ thứ hết mà nó có muốn chết đâu, nó cũng muốn sống. Nếu ai muốn hành hình cho nó chết, nó cự lại liền, làm dữ chó không vừa. Như vậy mới thấy nghiệp tập của chúng sanh khi mang thân rồi, luôn luôn phải đền trả, phải chịu đựng, chó không muốn bỏ tìm thân khác.

Đến tập nghiệp về nét na tánh tình. Tăng Ni ở trong chúng dễ thấy điều này lắm. Một trăm người là một trăm nét na, một trăm tánh tình, không ai giống ai hết. Cái không giống đó tại cha mẹ dạy hay tại sao? Như trên tôi đã nói anh em sống chung một gia đình, chịu sự giáo dục như nhau còn không thể giống nhau; huống nữa trong chùa cả trăm giòng họ khác nhau. Bây giờ có huấn luyện tới già cũng không giống như thường. Mỗi người mang một tâm tư, một tánh nét khác nhau. Kẻ thông minh, người khờ dại, giáo dục mấy họ cũng mang những nét cơ bản của riêng mỗi người. Như vậy mới thấy tập nghiệp luôn có những sai biệt giữa người này với người khác. Gương mặt khác, hành động khác, tư tưởng khác. Tất cả đều từ tập nghiệp mà ra, chó không ai huấn luyện được hết.

Khi chúng ta thọ thân là được kết tụ bao nhiêu thứ nghiệp tập cũ và mới. Bởi vậy phăng tìm tội nghiệp không có, tại huân tập mà thành. Tất cả huân tập thành thân đều từ tập nghiệp, mà tập nghiệp không thật nên tất cả thân này cũng không thật. Thấy tội cùng như thế, ta qui tụ muôn ngàn sai biệt về một tánh Không thì không còn hai. Được tới chỗ không hai rồi, giả sử một trăm người có hình dáng, tâm tư, tình cảm khác nhau nhưng đều chung trong cái không hai ấy, đây gọi là đồng một Phật đạo.

Đạo Phật không có hai, vị Phật nào cũng như vị Phật nào. Nhiều người thắc mắc không biết chừng nào đức Phật Di Lặc ra đời? Như trong kinh nói chừng nào giáo pháp của đức Phật Thích Ca không còn ai biết tới, danh từ Tam bảo không còn ai biết tới, chừng đó đức Phật Di Lặc ra đời. Tại sao vậy? Vì Phật đạo đồng. Đồng nên vị này còn, vị kia ra nữa dư. Tại sao đồng? Bởi vì tu tới chỗ không còn hai niệm khác nhau, đó là tâm thể như như. Tâm thể như như thì mọi người đều như, ai cũng như ai, có gì khác. Nên biết đạo của chư Phật không khác, chỉ phương tiện truyền bá mới khác. Vì vậy nên nói Phật Phật đạo đồng.

Như trên đã nói thân này đã do tập nghiệp thành, mà tập nghiệp không thật nên rõ ràng thân cũng không thật. Thấy thể là giác ngộ, là thấu suốt. Căn bản tu chính là sự giác ngộ, thấu suốt ấy.

Để kết thúc bài này, tôi dẫn câu chuyện của Tổ Đạo Tín. Lúc mới mười bốn tuổi, ngài Đạo Tín tới gặp Tổ Tăng Xán đánh lễ thưa: “Kính bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng dạy con pháp môn giải thoát”. Tổ nhìn thẳng vào mặt Đạo Tín hỏi: “Ai trói buộc ngươi?” Thưa: “Không ai trói buộc con”. Tổ bảo: “Không ai trói buộc, cầu giải thoát làm gì?”. Ngay đó ngài Đạo Tín liền biết đường vào.

Lâu nay chúng ta học kinh, nghe nói nghiệp dẫn mình đi trong sanh tử, như vậy nghiệp là cái trói buộc mình. Nhưng ta thử hỏi lại nghiệp có thật hay không? Nghiệp không thật, nên tìm không thấy, thành ra đâu thể nói nghiệp trói buộc mình. Như vậy cầu giải thoát làm gì? Do trước kia ta hiểu lầm nghiệp là gốc trói buộc mình, bây giờ tìm không ra tức biết nghiệp không thật. Nghiệp không thật nên hết trói buộc, là giải thoát. Đơn giản làm sao!

Như trên đã nói, tất cả đều do nghiệp tập mà thành, nghiệp tập có thật đâu. Nó là cái tạm bợ giả dối do mình tập thành, như vậy ta làm chủ nó chứ không phải nó làm chủ ta. Bây giờ chỉ cần buông hết nghiệp tập là giải thoát sanh tử. Muốn buông hết nghiệp tập thì phải buông cái gốc của nó là suy nghĩ phân biệt, đối đãi. Cho nên hỏi ai trói buộc ngươi, mình tìm đáo để vẫn không thấy. Không có ai trói buộc thì cầu giải thoát làm gì, như vậy là giải thoát rồi. Có trói buộc mới mở, còn không ai trói buộc thì mở cái gì, tự nhiên giải thoát rồi. Vì thế nghe Tổ nói, ngài Đạo Tín thấy được lối vào.

Chư Tổ từ trước đến sau chung một hệ thống hết sức rõ ràng, không có hai đường. Tổ Trúc Lâm Đại Đầu Đà trong bài “Sơn phòng mạn hứng”, đã nói bốn câu hay đáo để:

Thùy phục cánh tương cầu giải thoát,
Bất phàm hà tất mịch thân tiên.
Viên nhàn mã quyện nhân ưng lão,
Y cữ vân trang nhất tháp thiên.

Thùy phược cánh tương cầu giải thoát là ai trói lại mong cầu được giải thoát? Ở đây, Ngài lấy ngay ý của Tổ Đạo Tín hỏi Tổ Tăng Xán, ai trói lại đi cầu giải thoát. Tìm cho kỹ thì gốc trói mình là từ nghiệp tập, mà nghiệp tập không thật. Như vậy ai trói buộc mình mà cầu giải thoát?

Bất phàm hà tất mích thần tiên là ta chẳng phải phàm đâu cần cầu thần tiên, cầu thánh, cầu Phật làm gì? Như vậy chúng ta tu cầu thành gì? Chính mình đã Phật, đã có tánh giác là đã thành Phật, nhưng Phật nhân chớ không phải Phật quả. Hiện tại vì nghiệp tập nhiều quá nên tuy đã có tánh Phật nhưng chưa thành Phật. Bản tánh mình là Phật rồi thì còn cầu làm Phật chi nữa cho mất công. Hai câu này nói rõ rằng tất cả chúng ta không bị gì trói buộc cả, chẳng qua nghiệp tập hư ảo không thật tạm che khuất tánh Phật. Như vậy tu không phải cầu bên ngoài mà soi lại mình, trở về mình. Thế thôi.

Viên nhân mã quyện nhân ưng lão là con khỉ nhân, con ngựa mỗi, còn người thì già. Câu này nói rõ tất cả mọi loài trên thế gian này, đều từ sanh lần lần tới lão tử, không loài nào thoát khỏi.

Y cự vân trang nhất tháp thiên là chỉ còn y nguyên ở vân trang một tòa thiên. Mấy thứ kia già hết, chỉ một tòa ngôi thiên không già. Để nói lên mọi sự mọi vật trên thế gian đều bị biến chuyển, vô thường, chỉ cái chân thật nguyên vẹn của chính mình không bao giờ đổi dời, thì làm gì có sanh tử, có sanh già bệnh chết.

Chỉ bốn câu này thôi, chúng ta thấy Ngài đã thấu triệt được lý nghiệp duyên do mình tạo, rồi tự mình khổ. Bây giờ muốn hết khổ, chỉ cần quay lại nhìn tường tận nghiệp không thật, tâm niệm phân biệt không thật thì mọi trói buộc không còn. Chính mình đã có Phật sẵn còn cầu thành tiên thành Phật làm gì nữa. Làm thân người hay thân loài vật đều sống trong cảnh vô thường sanh diệt, chỉ có vô niệm của nhà Thiên xưa nay không hai, không đổi.

Như vậy từ Tổ Đạt-ma đến các Tổ Trung Hoa, sang Tổ Việt Nam cái nhìn không khác nhau. Chúng ta thấy rõ tinh thần của người xưa dù ở mỗi hoàn cảnh khác nhau nhưng chỗ ngộ không hai. Vì vậy chúng ta tu, muốn không còn nghiệp

tập nữa thì phải trở về được chỗ tốt cùng không hai đó, mới chấm dứt luân hồi sanh tử, mới tự tại thoát khỏi mọi buộc ràng.



THÂN NGƯỜI KHÓ ĐƯỢC

Pleiku - 2001

Chúng ta là con Phật nên những gì Phật dạy bảo nhắc nhở, chúng ta phải hiểu biết, ghi nhớ và thực hành theo, mới xứng đáng là con Phật. Hôm nay chúng ta thử tìm hiểu ý nghĩa về lời Phật dạy: Thân người khó được.

Đức Phật đã dạy “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”, nguyên chữ Hán là “nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn”. Đề tài này chúng ta thấy rất dễ, rất gần gũi nhưng hiểu hết giá trị của nó cần phải suy nghiệm chính chắn mới thấy rõ. Hiện giờ tất cả chúng ta có mặt ở đây đều là thân người, nên ta thấy được nó đâu có khó. Đó là cái thấy cạn cợt, nếu nhìn theo đức Phật sẽ khác hơn nhiều. Ở đây tôi sẽ thử tự giải thích cho quý vị hiểu.

Tại sao Phật dạy thân người khó được? Nói thân người khó được là nói thân tương lai, chứ không phải thân hiện tại. Vì hiện tại chúng ta được rồi, nhưng mai sau khi thân này bại hoại, chúng ta có được thân người nữa không, đó là vấn đề rất quan trọng.

Nếu chúng ta có đủ trí khôn, đủ nhận định, phải xét kỹ sau khi thân này mất, mình còn hay hết? Mất thân này nhưng tâm thức của chúng ta theo nghiệp tiếp tục tái sinh. Bởi vì trong kinh Phật dạy tất cả chúng sinh không phải chỉ có một lần, mà đã có mặt vô số lần rồi. Phật còn dạy người tu hành từ khi sơ phát tâm cho tới thành Phật quả trải qua ba vô số kiếp. Như vậy nếu sanh ra, chết đi là mất hết thì đâu có thời gian ba vô số kiếp, không có thời gian tu tập lâu dài đó làm gì có Phật? Chư Phật, Bồ-tát tu nhiều đời nhiều kiếp, công quả ấy không mất nên mới có sự liên tục, đi đến kết quả thành đạo.

Quý vị có tin thân hiện tại của mình đây mang theo một số tập nghiệp của quá khứ không? Có rõ ràng nhưng vì ta không xét, không để ý tới nên không thấy.

Như một gia đình có bốn năm anh em, ra đời chung từ một cha mẹ. Nhưng mấy anh em ấy có giống nhau từ hình sắc cho tới tâm lý như khuôn đúc không? Không giống. Người hiền, người dữ, người thông minh, người chậm lụt. Tại sao như vậy? Vì nghiệp quá khứ không giống nhau, mà thân đời này do nghiệp quá khứ dẫn sanh nên nó cũng không giống nhau.

Bây giờ chúng ta kiểm nghiệm lại xem, khi mới sanh ra đứa bé chưa được dạy bảo gì cả, mà chúng đã có những sở thích riêng. Đứa ưa ăn, đứa ưa ngủ, đứa thích đồ chơi... Lần đó tôi giảng về luân hồi, có một thầy giáo thưa: “Giáo lý Phật dạy rất hay, vì làm thầy giáo con hiểu rất rõ điều này. Trong một lớp học thầy, cô dạy bình đẳng như nhau, nhưng học sinh có đứa giỏi môn này, có đứa giỏi môn khác, không giống nhau”. Tại sao? Không giống do học hay do cái gì? Do nghiệp quá khứ còn lưu lại.

Ví dụ thuở trước người đó làm thợ mộc, bây giờ sanh trở lại làm người, vừa cầm tới búa đục là đã thấy quen tay rồi. Nên chỉ cần nhìn sơ qua công việc của thợ mộc là họ làm theo rất khéo, đâu cần dạy nhiều. Còn người hồi xưa là nhà toán học, bây giờ ra đời nói về toán số họ rất tinh thông, hiểu rất sâu. Người hồi xưa là nhà văn, bây giờ văn chương rất giỏi. Mỗi người có sở trường riêng biệt, không ai giống ai. Nếu do chỉ dạy trong hiện tại thì lẽ ra trong một lớp học mọi người đều giống nhau hết. Nhưng vì tâm tư, nghiệp tập của quá khứ còn cô đọng trong tâm thức, nên ra đời gặp duyên thích hợp nó phát sinh rất dễ.

Hiện nay trên thế giới, lâu lâu chúng ta nghe kể nơi này nơi kia có những vị thần đồng giỏi về toán, giỏi về văn chương, giỏi về âm nhạc... dạy một biết tới mười. Rõ ràng nếu bộ óc con người giống nhau hết, làm sao có những hiện tượng ấy. Hơn nữa nếu đời trước không tích lũy số vốn kia, làm sao trong một thời gian học tập ngắn ngủi mà lại giỏi như vậy. Nên biết chúng ta không phải chỉ có một đời này mà có vô số kiếp.

Trong kinh kể lại, đêm thứ 49 Phật tu dưới cội Bồ-đề từ canh một tới canh hai, Ngài chứng được Túc mạng minh, nhớ rõ vô số đời về trước như việc mới xảy ra hôm qua, nên Phật nói chúng ta luân hồi sinh tử không phải một lần mà đã trải

qua biết bao nhiêu lần rồi. Do đó trong chúng ta nó chứa đựng, tích lũy những chủng tử nghiệp của quá khứ, chớ không mất. Sau này các thầy Tỳ-kheo kết tập lại những bài giảng của Phật về đời quá khứ của Ngài cũng như của các đệ tử thành hai bộ kinh gọi là Bản Sanh và Bản Sự. Kinh Bản Sanh nói về cuộc đời Ngài, còn kinh Bản Sự nói về cuộc đời các đệ tử.

Ngày nay chúng ta được thân người, dĩ nhiên mỗi người tích lũy nghiệp khác nhau, cho nên tâm tư, nguyện vọng, khả năng cũng khác nhau, không ai giống ai hết. Theo đây thì biết nếu khi thân này hoại, chúng ta vẫn tiếp tục thọ thân sau theo nghiệp mình đã gây tạo trong đời này, chớ không mất. Thân sau đó hoặc tiếp tục làm người hay vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc lên các cõi lành hơn như trời v.v... đều tùy thuộc vào nghiệp hiện tại đây. Do đó vòng luân hồi không cố định, tùy theo nghiệp duyên mình tạo trong đời này.

Hiện giờ chúng ta được làm người nhưng thân sau khó bảo đảm là người. Muốn thân người chúng ta phải làm sao mới được bảo đảm? Phật dạy, muốn đời sau được trở lại làm người thì ngay đời này phải giữ tròn năm giới. Năm giới là: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu hoặc hút xì ke, ma túy, á phiện v.v...

Giới thứ nhất không sát sanh là không được giết người bằng cách tự tay giết, hoặc dùng miệng xúi bảo người khác giết hoặc thấy nghe giết nhau tâm sanh vui thích tùy hỷ, đó gọi là tùy hỷ sát. Không được giết những con vật lớn. Đó là giới thứ nhất.

Giới thứ hai không được trộm cướp. Điều này ai cũng hiểu hết rồi. Giới thứ ba không được tà dâm, nghĩa là vợ chồng có gia đình rồi, không được ngoại tình với kẻ khác. Giới thứ tư không được nói dối. Nói dối là nói không đúng lẽ thật, có ba động cơ. Động cơ thứ nhất do tham nên nói dối gạt người để lấy lợi về mình. Động cơ thứ hai do nóng giận nên mắng người là trâu là chó cho hả giận. Động cơ thứ ba do tâm ác độc, người đó không phạm tội, không lỗi lầm nhưng ta vu oan, họ phạm tội này tội kia, để họ phải chịu tù đầy khổ sở. Tóm lại nói dối vì lòng tham, nói dối vì nóng giận, nói dối vì ác độc thì phạm tội. Giới thứ năm không

được uống rượu mạnh, hút các thứ như xì ke, ma túy... Tôi nói rượu mạnh để giảm trách rượu nhẹ và không được uống say. Rượu mạnh không được uống đã đành, rượu nhẹ mà uống say cũng không được luôn. Giới này bên nam dễ phạm hơn nữ.

Dưới đây tôi sẽ nói những tai họa khi chúng ta phạm các điều giới ấy. Là người, mình quý trọng mạng sống không gì bằng, vậy kẻ khác có mạng sống, ta cũng phải biết quý trọng như mình. Nếu bây giờ ta sát phạt mạng sống của họ, thì sau này phải đền trả, họ không thể nào bỏ qua đâu. Chúng ta quý trọng tài sản của mình, thì người ta cũng quý trọng tài sản của họ. Nếu ta xâm phạm tài sản của người, nhất định họ sẽ tìm cách lấy lại, không thể tránh được. Chúng ta quý trọng hạnh phúc gia đình của mình, thì cũng phải quý trọng hạnh phúc gia đình người khác. Nếu ta xâm phạm hạnh phúc gia đình của người khác, thì sẽ có ngày hạnh phúc gia đình mình tan nát. Chúng ta quý trọng trí tuệ thông minh, nhưng lại uống nhiều rượu thì trí tuệ phải bị đần độn thôi. Hút á phiện xì ke ma túy làm cho mình điên cuồng lên, đó là chúng ta tự hại mình trở thành người tối tăm mù mịt, không có hướng đi.

Phật cấm chúng ta không được phạm năm giới không phải vì Phật mà vì chúng ta. Nếu quý Phật tử giữ tròn năm giới bảo đảm đời này làm người, đời sau trở lại làm người tốt hơn. Người giữ tròn năm giới như thế, ngay bây giờ có ai dám phê bình anh hay chị đó xấu không? Còn nếu người phạm một trong năm giới đó có bị phê bình không? Ví dụ người phạm tội ăn cắp, ai cũng khinh chê. Như vậy nhân phẩm của chúng ta nằm ở trọn trong năm giới ấy. Đời này chúng ta đủ nhân phẩm làm người, đời sau lại được tiếp tục làm người, không sai chạy tí nào. Phật bảo tu năm giới là tu Nhân thừa Phật giáo, tức đạo làm người.

Quý Phật tử tự xét lại mình hiện giờ đã giữ tròn năm giới chưa? Nếu chưa thì đời này không là người tốt và đời sau không bảo đảm được làm người. Vì vậy Phật nói thân người khó được. Nếu quý vị thấy giữ tròn năm giới dễ thì làm người dễ, nếu thấy giữ tròn năm giới khó thì làm người khó. Như vậy để hiểu câu nói thân người khó được là hết sức có ý nghĩa.

Bởi vì năm điều kiện để được thân người chúng ta giữ không tròn nên đời này không thể làm người tốt, đời sau khó được thân người. Trong kinh Phật nói rõ lắm: Không giết người đời sau tuổi thọ dài, không trộm cướp đời sau khá giả, không tà dâm đời sau đẹp đẽ, không nói dối đời sau nói năng lưu loát, nói ra mọi người đều tin quý, không uống rượu mạnh, uống say, không hút á phiện xì ke ma túy đời sau trí tuệ thông minh. Như vậy đời sau muốn trở lại làm người tốt, trong năm giới này không thể thiếu giới nào cả.

Có ai muốn mình sống dai mà nghèo khổ không? Đâu có. Sống dai mà phải có tiền nữa. Vì vậy phải giữ hai giới đầu. Sống dai có tiền, nhưng xấu xí có chịu không? Không. Muốn đẹp, thì phải giữ giới không tà dâm. Được thân người sống dai, giàu sang, đẹp đẽ mà bị cảm ngộ có chịu không? Cũng không, nên phải giữ giới không nói dối thì đời sau nói năng mới lưu loát, được mọi người tin quý. Bây giờ được sống lâu, giàu sang, đẹp đẽ, nói năng lưu loát mà đàn độn ngu tối có chịu không? Không luôn, vì vậy phải đừng uống rượu mạnh, đừng uống say, đừng hút á phiện, xì ke ma túy. Người nào muốn mình được trọn vẹn như thế thì phải giữ tròn năm giới.

Hiện đời chúng ta giữ tròn năm giới xứng đáng người con Phật, đời sau trở lại làm người tốt hơn. Đó là quý Phật tử biết tu, chớ không phải tu là tới rằm, ba mươi đi chùa sám hối, mà về nhà vẫn tiếp tục làm các việc xấu, phạm giới, làm khổ lụy cho mình cho người. Như vậy không gọi là tu. Phật dạy làm người khó nên chúng ta muốn đời sau được làm người toàn vẹn thì phải cố gắng thực hành y theo lời Phật dạy, cố gắng giữ năm giới cấm. Nếu không như thế thì không xứng đáng là đệ tử Phật.

Trong kinh Phật có dạy: Như một bông cây nổi trên mặt biển, theo sóng gió trôi giạt khắp nơi. Có con rùa mù nằm dưới đáy biển, một trăm năm mới trôi đầu lên một lần. Như vậy thử hỏi chừng nào con rùa mới gặp bông cây? Phật nói thân người mất rồi, được trở lại cũng khó như con rùa mù gặp bông cây. Tại sao? Chúng ta cứ kiểm lại xem mình có giữ tròn năm giới không, nếu không tròn làm sao trở lại thân người được. Nhìn khắp trong thế gian, có mấy người giữ tròn năm

giới. Vì thế người mất thân này phải rơi vào chỗ tối tăm nhiều hơn được trở lại làm người. Nên nói được thân người rất khó.

Chúng ta có phước duyên lớn mới gặp Phật pháp. Phật dạy chúng ta tu để bảo vệ thân hiện tại tốt đẹp, đúng phẩm hạnh con người, rồi đời sau trở lại làm người tốt hơn, an lành hơn. Nhân quả theo nhau như vậy. Chúng ta thử tưởng tượng trong một xóm, một làng ai cũng giữ năm giới hết thì xóm làng đó có được bình an không? Rất bình an. Đi đâu quên đóng cửa không sợ trộm cắp, cũng không nghi bậy bạ ai, mọi người cùng tin tưởng vui vẻ với nhau. Đó là ta tu cho bản thân mình tốt, rồi cả xóm làng tốt, xã hội tốt, quốc gia tốt. Đó là tôi nói rõ con đường tu của Phật tử, kết quả hiện tại và ngày mai không khác nhau, cho nên tất cả phải ráng tu, được vậy mới xứng đáng là con Phật.

Cổ đức dùng ví dụ này để nói được thân người rất khó:

Thiên niên thiết thọ khai hoa dị,
Nhất thất nhân thân vạn kiếp nan.

Dịch:

Ngàn năm cây sắt trở hoa dễ,
Thân người mất đi được lại khó.

Chuyện cây sắt trở bông vậy mà còn dễ, chớ thân người mất đi tìm lại rất khó. Khó hơn cây sắt trở hoa nữa. Chúng ta thấy được thân người là rất khó. Trước kia có lẽ mình cũng đã tu hành tích lũy tốt phần nào, nên đời này mới được làm người, được nghe Phật pháp. Thế nhưng có những người được làm người rồi lại tự hủy hoại thân này, có phải sáng suốt không? Như tức giận ai liền tự tử, vì nghĩ làm như vậy cho hết khổ cái đời này. Song họ đâu ngờ chẳng những không hết, mà còn khổ hơn nữa. Tại sao? Vì như trong kinh “Tứ thập nhị chương” Phật dạy, như con trâu mỗi khi bị chủ tròng ách vô cớ bắt kéo xe. Nó ghét cái ách, nên hôm nào chủ nhà không để ý, nó dùng sừng của mình quật cho gãy cái ách đi. Vì nó nghĩ cái ách đó gãy thì khỏi kéo xe nữa, nhưng không ngờ gãy ách cũ ông chủ làm ách mới còn chắc hơn. Phật nói chỉ khi nào hết làm trâu thì hết kéo xe, còn làm trâu dù bê mấy cái ách cũng không khỏi kiếp kéo xe.

Cũng vậy, chừng nào chúng ta hết nghiệp khổ, nghiệp xấu thì được an lành tự tại, chớ hủy hoại thân này không phải là nhân an lành tự tại đâu. Biết thế khi gặp nghịch cảnh, chúng ta phải ráng tu để chuyển, chớ không nên liêu lĩnh tự hại đời này như thế. Được thân người là quý, nên chúng ta phải gìn giữ bảo vệ không nên hủy hoại. Trong nhà Phật cấm không được tự sát, mà phải sống vượt qua mọi thử thách khó khăn để làm điều lợi ích cho mình, cho mọi người. Đó là tinh thần không phạm giới sát sinh của đạo Phật.

Kể đến Phật nói Phật pháp rất khó nghe, Tại sao? Có hai lý do:

Thứ nhất, người sanh trên đời này được gặp, được nghe Phật pháp thật là rất khó. Bởi có người cả đời không biết đến hai chữ Phật pháp, hoặc có những người được nghe lại không hiểu, nên nói khó nghe. Tại sao Phật pháp được nghe mà không hiểu? Bởi vì Phật pháp nói lẽ thật, chỉ lẽ thật cho chúng ta mà mình sống trong ảo tưởng quá nhiều, nên không thể tiếp nhận được sự thật ấy.

Ví dụ quý vị có chấp nhận thân mình như nhóp không? Thầm nhận thôi, nhưng nếu ra ngoài ai phê bình anh hay chị này như nhóp hôi hám quá, chịu không nổi thì mình nổi sân cự người kia liền. Phật nói thân này là đây da hôi thối, mà mình lại thấy nó quý, nó đẹp, như vậy không phải sống với ảo tưởng là gì? Tưởng mình sạch, tưởng mình đẹp, tưởng mình quý nên nghe nói dơ, xấu chịu không nổi nên sân si liền. Càng sân si thì càng thấy xấu hơn, chớ đâu cãi chánh cho cái như nhóp ấy được.

Có những việc hết sức nhỏ nhưng tôi thấy rất hay. Hôm đó thấy một thầy móc trong lỗ mũi ra một cục, tôi hỏi cục gì? Thầy ấy nói cục cứt mũi. Tôi hỏi thêm nếu trong lỗ tai móc ra thì gọi cái gì? Đáp cứt rái. Như vậy cả cái đầu mình toàn cứt không sao? Thế thì nó đẹp chỗ nào, quý chỗ nào, khôn chỗ nào? Từ trên xuống dưới đều là đồ bỏ hết, vậy mà ta tưởng quý, tưởng đẹp, nghe ai phê phán một chút nổi tức lên liền. Thật buồn cười, thật tội nghiệp!

Cho nên khi Phật sắp thành đạo, bọn ma vương giả thành thiếu nữ đẹp tới quỵên rũ Ngài trở về thế gian, Phật liền quở: “Đây da hôi thối hãy đi, ta không dùng”. Chúng xấu hổ tự bỏ đi. Đức Phật nhìn tường tận, thấy rõ lẽ thật, nói ra lẽ

thật nhưng vì lẽ thật ấy khó chịu quá nên không ai muốn nghe. Phật pháp khó nghe ở chỗ đó, nó ngược lại với sự tưởng tượng, ước mơ của con người. Ai cũng muốn được khen, được đẹp, được tán thán sạch sẽ thơm tho... Nếu mình thật sạch sẽ thì mấy hăng xà bông thơm, dầu thơm ế hết. Tự ta thơm rồi, đâu cần gì nó, còn dùng tới dầu thơm là biết mình không thơm không sạch. Vậy mà ta cứ quên, tưởng mình thơm lắm, ai đi ngang cũng thích, đó là ảo giác chứ thực tế không phải thế. Thật ra con người sống với ảo tưởng quá nhiều, nên Phật nói lẽ thật chỉ thẳng lẽ thật cho chúng ta đừng lầm. Người nào thấy đúng lẽ thật thì bớt cao mạn, còn sống với ảo tưởng dễ sanh ra tự cao, ngạo mạn, đó là lẽ thường.

Con người thường mơ tưởng sống dai, một trăm tuổi, hai trăm tuổi mới vừa ý. Hồi xưa mấy ông vua còn tham nữa, khi bá quan vô châu đều chúc vạn tuế, nghĩa là sống tới muôn năm. Bây giờ chúng ta chúc Tết với nhau, cao lắm là ba niên tức trăm năm thôi. Giả sử ai đó trở trêu chúc anh chị sang năm chết, quý vị chịu không? Chắc đuổi ra khỏi nhà liền.

Bên Nhật có một Thiền sư được nhắc tới mãi. Hôm ấy ngày Tết đầu năm, Phật tử đến đánh lễ chúc tết Ngài xong, Ngài chúc lại thế này: Tôi chúc cho gia đình anh, ông nội chết, bà nội chết, cha chết, mẹ chết, con chết, cháu chết. Người được chúc ngạc nhiên không hiểu sao ông thầy chúc cái gì kỳ lạ vậy, chúc như trừ rửa toàn gia quyền người ta. Nhưng Thiền sư giải thích: Tôi chúc như vậy là hạnh phúc cho gia đình anh đó chứ! Bởi vì có khi ông nội còn, bà nội còn mà cháu chết thì đó là bất hạnh. Tôi chúc theo thứ tự, ông nội chết trước rồi tới cha, con, cháu, chắt. Như vậy là tốt quá, hạnh phúc quá rồi, tại sao lại không chịu?

Chúng ta có bệnh hay trốn sự thật. Nghe chết là chương tai liền không chấp nhận, nhưng đó là lẽ thật. Có phải lẽ thật khó nghe không? Bởi thế người xưa hay nói “Trung ngôn nghịch nhĩ”, tức lời nói thật thì trái lỗ tai. Tại vì mình sống trong ảo tưởng quá nhiều, mơ ước quá nhiều nên nghe nói thẳng thì buồn, chịu không nổi.

Chẳng những Phật nói cuộc đời vô thường, mà còn nói mạng sống của mình trong hơi thở nữa kìa. Nếu đầu năm Phật tử được huynh đệ tới chúc “Tôi

chúc anh chị mạng sống trong hơi thở”, quý vị chịu nổi không? Chắc chịu không nổi. Một ngày còn không chịu hưởng nữa trong hơi thở, nhưng đó là lẽ thật. Thở ra mà không hít vào là chết chớ sao, đó là lẽ thật tại sao chúng ta lại không chịu? Cho nên Phật pháp khó nghe là vì vậy.

Chúng ta đã có duyên gặp Phật pháp rồi, phải ráng nghe những lẽ thật ấy để phá cái chấp ảo tưởng của mình, không còn lầm lẫn nữa. Biết đúng như thật về bản thân, về mạng sống của con người, ta không bị ảo tưởng làm mờ tối, khi ấy việc tu rất dễ dàng.

Như vậy khi đã được thân người, chúng ta phải làm gì? Biết rằng thân người khó được mà ngày nay mình được rồi, đó là rất quý. Quý thì làm sao? Kiểm thuốc trường sanh cho nó sống dai phải không? Hay dùng tất cả các chất tẩm bổ cho nó tráng kiện hoài? Không phải. Chúng ta biết được thân người là điều rất khó, nên khi đã được phải sử dụng sao cho hữu ích đối với bản thân, với mọi người xung quanh. Như vậy mới xứng đáng với giá trị khó được của nó. Chẳng lẽ được thân người rồi, ta cứ để trôi qua hết một đời, sau mất đi không chắc trở lại làm người thì uống biết mấy. Vì vậy mình phải làm sao cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp, làm sao mọi người chung quanh đều quý mến. Đó là chúng ta biết dùng thân này, chớ quý vị chỉ lo ăn, lo ngủ, lo mặc, lo chỗ ở... lo đã đời rồi ngã xuống chết, không biết đi về đâu, có đáng tiếc không?

Nhiều vị tưởng làm lợi ích cho mình cho người là làm giàu, có nhiều tiền. Không phải vậy. Với tâm lúc nào cũng muốn đem lại sự tốt đẹp cho mình, cho người thì sống trong hoàn cảnh nào ta cũng làm được. Ví dụ thấy bà cụ bảy tám mươi tuổi qua đường, xe cộ dập dùi cụ không dám qua, chúng ta chỉ cần dắt tay đưa bà qua đường. Đó là tốt, là có phước rồi. Việc làm này đâu đòi hỏi phải có tiền, chỉ một chút công thôi cũng đủ có phước. Gặp một đứa trẻ đi học, chạy chơi vấp té, chúng ta đỡ nó lên, phủi quần áo sạch, đâu tốn công bao nhiêu mà lại là một hành động tốt. Thấy ngoài đường người ta bỏ rác dơ, mình lượm vào đốt hoặc chôn, đó là hành động tốt. Không cần ai biết, ai khen, mỗi ngày mình đều làm đẹp cho bản thân, làm đẹp cho xã hội, đó là ta khéo tu, khéo sử dụng thân này.

Đồng thời đối với thân, miệng, ý của mình, chúng ta làm được việc gì có lợi chung cho mọi người thì làm. Miệng nói những lời tốt khiến mọi người an vui. Ý nghĩ tới tình thương, hỷ xả, nghe lời khiển trách chửi rủa, mình đều bỏ qua không giận. Thân giúp đỡ ai được việc gì đều vui vẻ làm không nề khó nhọc. Đó là người khéo dùng thân tạm bợ này, không để uổng phí. Nếu không như vậy dù ta ăn ngon mặc đẹp mấy, tới chừng nhắm mắt thân này cũng trở thành thân thối mà thôi, có giá trị gì?

Thế nên khi còn sống, chúng ta cố gắng sử dụng thân cho có lợi ích, không tạo tội lỗi vừa để tốt đẹp cho bản thân vừa làm gương cho mọi người noi theo. Có thể đời sau được trở lại làm người, được thân tốt đẹp và phước đức nhiều hơn nữa. Muốn thế ta phải gìn giữ thân miệng ý, không làm những điều sai lầm, luôn luôn làm điều tốt đẹp, đó là người khéo tu. Bởi vậy phải giữ tròn năm giới, đừng để thiếu sót đời sau sẽ không được làm người tốt đẹp trọn vẹn. Đó là người biết lo cho mình. Vị nào cao cả hơn nữa nên lợi dụng thân này cố gắng ngày đêm tu hành, sao cho sớm thức tỉnh, sớm giác ngộ. Đó là tiến lên vượt hơn thân người ở mai sau nữa.

Tôi dùng một ví dụ để làm sáng tỏ hơn điều này. Như người ra biển, gặp sóng to gió lớn, thuyền bị đánh chìm. Bấy giờ người ấy bơi lội một đôi gàn đuổi, bỗng dưng gặp một khúc cây mục trôi lơ lờ trên mặt nước. Người ấy liền ôm khúc cây mục nên khỏi chết đuối. Nhưng khi được khúc cây mục rồi, người ấy phải làm sao? Phải tìm cách báo cho thuyền bè đi gần hay, họ cứu hoặc nếu gần bờ thì mượn khúc cây mục đó lợi vào bờ. Như vậy khúc cây mục là hữu ích. Ngược lại ôm được khúc cây mục, mừng khỏi chết chìm rồi cứ ôm nó hoài, không nhờ ai tiếp cứu hoặc không lợi vào bờ, kết quả sẽ ra sao? Khi khúc cây rã, người ấy phải chết trôi. Với người như thế khúc cây mục kia trọn chẳng có lợi ích gì.

Khúc cây mục dụ cho thân này, chúng ta nhờ nó mà sống làm việc này việc kia. Ta nương nó để làm tất cả điều tốt, chớ không nên ôm giữ, bảo vệ nó như kẻ ôm khúc cây. Ngày nào nó rã mục thì uổng đi một đời vô ích. Đó là chỗ thiết yếu trong việc ứng dụng tu hành.

Phật pháp khó nghe, mà chúng ta đã được nghe thì phải làm sao? Người thiếu phước duyên ít có cơ hội nghe pháp, cũng như ít có cơ hội gặp chư tăng giảng dạy Phật pháp. Bây giờ được gặp, được nghe chúng ta phải biết trân quý pháp, nghe rồi tư duy cho kỹ xem lời Phật dạy, chư tăng dạy có đúng không. Nếu nghe và suy gẫm biết rõ là đúng thì chúng ta phải thực hành. Đó là tu.

Nghe giảng kinh thuyết pháp không giống như đi nghe nhạc hoặc coi cải lương đâu. Ta không cảm thấy vui ồ ạt một chút rồi hết, mà nó rất thâm trầm. Chúng ta phải suy gẫm, nhận định mới hiểu, mới thấy cái hay của pháp. Từ đó áp dụng thực hành, ta mới thấy giá trị và lợi ích thiết thực của giáo pháp. Thực hành gọi là tu. Vị nào học Phật hội đủ ba điều kiện trên, nghe pháp, biết suy gẫm đúng và thực hành, bảo đảm vị ấy là người Phật tử chân chính, sẽ tu tiến chứ không bao giờ lùi. Được thế chắc chắn quý vị sẽ thoát khỏi những đau khổ trong hiện tại và mai sau.

Cho nên trong nhà Phật dạy tam tuệ học là Văn, Tư, Tu. Văn là được nghe, tư là suy gẫm, suy ngẫm rồi tu. Phật không bắt buộc ai nghe Ngài dạy rồi tin liền, mà phải suy gẫm, thấy đúng mới tin mới thực hành. Kế đến, chúng ta nghe, hiểu, thực hành, rồi phải thêm cái tâm nữa. Phải có tâm ham tu, muốn chuyển hóa những gì xấu dở thành hay tốt. Những gì mình thấy hay, đúng nên thực hành và khuyên bạn bè, gia đình cùng học cùng hiểu, cùng thực hành theo. Được như vậy vừa có lợi cho gia đình mình, vừa có lợi cho những người chung quanh. Như thế mới đúng với tinh thần tự lợi, lợi tha của đạo Phật. Không nên hài lòng với kết quả của riêng mình, rồi giấu không cho ai biết nữa, đó là tâm ích kỷ không tốt.

Tóm lại, Phật tử phải thực hiện hai bổn phận: Thứ nhất, mình nghe suy gẫm rồi tu. Thứ hai, đem cái nghe hiểu của mình truyền bá, chỉ dạy lại cho huynh đệ cùng nghe, cùng hiểu. Đó mới đúng là người Phật tử chân chính biết tự lợi, lợi tha, làm tốt bổn phận của người tu Phật.

Thật ra tu theo đạo Phật không khó mà khó là tại chúng ta không can đảm thôi. Ví dụ Phật tử nào lỡ ghiền rượu, bây giờ nghe nói cấm uống rượu tự nhiên thấy tu khó quá, làm sao bỏ được đây? Nhưng nếu vị nào cả gan bỏ, khi bỏ được

rồi mới thấy nhẹ nhàng. Mình không còn bị cái say sưa, mờ mịt lôi kéo nữa. Đó là đã giải thoát một phần, giải thoát nghiệp nghiệp ngập trời buộc đó.

Quý vị tự xét xem uống rượu nhiều độc hại hay tốt lành. Rượu làm cho men gan tổn hoại, trí tuệ mờ tối, không còn biết phải quấy tốt xấu gì nữa. Người say sưa chuyện tội lỗi tà trời cũng dám làm, tới hồi tỉnh ra thì đã lỡ hết rồi, chỉ chuốc họa đau khổ mà thôi. Cho nên thoát khỏi nghiệp rượu là thoát khỏi hiểm nạn, thân tâm nhẹ nhàng khỏe khoắn vô cùng. Khi thoát được rồi mới thương những anh em cùng nghiệp như mình. Từ đó tìm cách khuyên nhủ, đồng viên họ nên chừa bỏ nghiệp rượu một cách mạnh mẽ. Vì bản thân mình đã bỏ được nên tự tin, thấy việc làm này không phải quá khó. Nếu người nào can đảm, cương quyết thì sẽ làm được thôi. Đó là hạnh tự lợi, lợi tha nằm trong tầm tay, trong khả năng của chúng ta. Cho nên tu Phật đâu phải quá khó.

Bên nam nặng nghiệp rượu, còn bên nữ nặng nghiệp nói dối. Quý cô, quý bà hay than buôn bán ngoài chợ không nói dối, khó quá. Quý vị đừng sợ, ban đầu mình nói thật giá, khách hàng chưa tin nhưng nhiều lần như vậy họ tin. Khi tin rồi họ mua ngày càng nhiều, và giới thiệu người khác tới mua nữa. Cho nên buôn bán càng nên giữ giới không nói dối mới phải chứ. Ban đầu thấy như thiệt thòi, nhưng sau sẽ được lợi ích hơn, mà lợi ích một cách chân chánh. Còn nói dối lừa gạt người, ban đầu họ không biết còn mua, đến chừng biết mình lừa gạt rồi, sau không ai dám tới nữa. Cho nên người khéo tu thấy như bị thiệt thòi mà lại có lợi ích, còn người gian xảo thấy như được lợi nhiều nhưng có ngày sẽ mất hết. Thế nên quý vị đừng ngại bị thiệt thòi, chỉ ngại chúng ta phạm giới thôi. Vì phạm giới đời này sống không an ổn mà đời sau còn chịu xấu hơn nữa.

Chúng ta sống trên đời này chỉ vài chục năm, lụi đui cái chết đuổi theo sau. Vậy mà ta không chuẩn bị, không lo cho ngày mai, cứ tạo tội thì chừng chết tới làm sao trở tay kịp. Đó là khôn hay dại? Biết khổ mà không chuẩn bị đó là dại. Người khôn biết ngày mai mình phải chết bây giờ chuẩn bị lần, để sau khi chết được tự tại, được thân tốt đẹp hơn. Như vậy là người biết lo xa.

Quý vị giữ tròn năm giới làm điều lành, khi gần nhắm mắt vui cười ra đi. Tại sao? Vì biết chắc mình sẽ được thân sau tốt hơn, tự nhiên thấy vui, đâu có sợ chết. Thân này ai cũng biết nó bại hoại mà không chịu tu, không chịu chuẩn bị, chờ nó hoại rồi kêu trời khổ quá. Bây giờ biết thân bại hoại chúng ta can đảm, chấp nhận, rồi tạo điều kiện cho ngày mai được đẹp đẽ hơn. Nắm chắc trong tay kết quả rồi thì khi thân hoại ta chỉ việc mỉm cười “Thôi chào anh tôi đi, sau sẽ tốt hơn. Đừng lo”. Còn không biết ngày mai thân phận ra sao, dĩ nhiên là hoảng hốt sợ sệt thôi.

Đã thế nhiều vị lớn tuổi còn cảm đầu lo cho con cháu, lo hoài không chịu tu. Sao quý vị không nghĩ tới chừng mình ra đi, tụi nó có đứa nào chịu đi theo dẫn đường cho mình không? Chừng đó lụi thui đi một mình, không biết thân phận ra sao. Chúng ta không phải chỉ có một đời này mà còn tiếp tục nhiều đời, phải ráng làm sao tiến hơn, tiến tới bao giờ thành Phật mới thôi. Có thể mới xứng đáng là đệ tử của Phật. Sở dĩ các Thiên sư gần chết cười là vì các Ngài biết mình không mất cái cao quý, đời đời sinh ra gặp Phật pháp, tu hành ngày càng tiến lên, nên mới vui như vậy.

Tôi mong tất cả quý Phật tử có mặt ở đây nghe hiểu, suy gẫm và ứng dụng tu, đừng để uổng công phí sức, nghe pháp nhiều mà không làm được gì hết. Phật tử không thể tu được nhiều như Tăng Ni, vì còn lo sự sống, bận bịu gia đình nên mỗi ngày làm một hai điều lành cũng tốt. Cứ thế mỗi ngày một ít, đến khi nhắm mắt cũng tích lũy một số lớn, nghiệp lành ấy sẽ dẫn quý vị đi theo đường lành. Đó là khôn ngoan, sáng suốt.

Buổi nói chuyện hôm nay, tôi tha thiết nhắc tất cả quý Phật tử nhớ rõ “Thân người khó được”. Chúng ta được rồi thì phải ráng giữ gìn cho tốt và tạo duyên cho mai sau càng tốt hơn, chứ đừng thả trôi. Phật pháp khó nghe, ngày nay chúng ta được nghe rồi phải nhận định chín chắn và thực hành. Có thực hành mới thấy lợi ích thiết thực, nếu không thực hành dù nghe bao nhiêu kinh, đọc bao nhiêu sách cũng không đi tới đâu hết.

Mong tất cả Phật tử khéo sử dụng thân khó được này cho nó xứng đáng. Phật pháp khó nghe này mà chúng ta lãnh hội được để ngày mai tiến lên, không làm Hiền Thánh ít ra ta cũng được làm người tốt hơn đời này. Đó là lợi ích của người biết nghe Phật pháp.



NHÂN THỪA VÀ BỒ TÁT THỪA

Chùa Việt Nam Washington - Hoa Kỳ - 2001

Hôm nay chúng tôi sẽ nói về hai vấn đề, một là tu bằng cách nào để đem lại sự an lạc cho tất cả mọi người đời này và đời sau, hai là tu bằng cách nào để được giải thoát sanh tử.

Vấn đề thứ nhất, tu bằng cách nào để chúng ta được an lạc trong đời này và đời sau. Điều này trong kinh có nhắc đến nhiều, nhưng ở đây tôi chỉ nói thu gọn cho Phật tử dễ nhớ. Giáo lý của đạo Phật có chia ra Ngũ thừa Phật giáo, tức là năm bậc.

Bậc thứ nhất là Nhân thừa, tức giáo pháp dạy chúng ta tu để có được lợi ích thiết thực ngay trong đời này và cả đời sau. Thứ hai là Thiên thừa, tức giáo pháp dạy chúng ta tu để được sanh về cõi trời. Thứ ba là Thanh văn thừa, thứ tư là Duyên giác thừa, hai giáo pháp này đều dạy chúng ta tu để giải thoát sanh tử. Thứ năm là Bồ-tát thừa, tức giáo pháp dạy chúng ta tu vừa lợi mình vừa lợi người, cuối cùng đều đi đến giác ngộ giải thoát.

Ở đây tôi chỉ nói hai bậc là Nhân thừa và Bồ-tát thừa thôi. Nhân thừa là tu thế nào để được an lạc cho chúng ta ngay trong đời này và đời sau. Bồ-tát thừa là tu cách nào để được giải thoát sanh tử cho mình, cho người. Hai vấn đề này là hai vấn đề then chốt mà tất cả người tu chúng ta cần phải biết.

Trước khi muốn giải thoát sanh tử, chúng ta phải biết sanh tử có bao nhiêu đường. Nhà Phật dạy luân hồi trong Lục đạo là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, a-tu-la, trời. Chúng sanh còn sanh tử luân hồi sẽ đi trong sáu đường này. Giáo

pháp Phật dạy tu để tránh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; kể đó lên làm người, chư Thiên, sau cùng dạy chúng ta tu giải thoát sanh tử.

Chúng ta thường nghe nói về ba đường khổ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Địa ngục, ngạ quỷ khổ thế nào ta không thấy, nhưng súc sanh thì sự khổ nhan nhãn ở trước mắt, ai cũng thấy. Cho nên đã là người tu đạo, nhất định phải tránh ba đường khổ ấy. Làm sao để tránh? Phải qui y Tam bảo, nghĩa là qui y Phật, qui y pháp, qui y tăng. Qui y Phật rồi khỏi đọa địa ngục, qui y Pháp rồi khỏi đọa ngạ quỷ, qui y Tăng rồi khỏi đọa súc sanh. Tại sao qui y Phật rồi khỏi đọa địa ngục? Vì địa ngục là chỗ u minh tăm tối, qui y với Phật là bậc giác ngộ sáng suốt thì làm gì xuống chỗ u minh tối tăm. Tu là tránh những đường khổ như thế. Tại sao qui y pháp khỏi đọa ngạ quỷ. Ngạ quỷ là loài quỷ đói. Với con mắt của Phật, Ngài thấy rõ trong thế gian này có những loài quỷ đói, sống lang thang khổ sở, chúng không có gì ăn. Nên Phật dạy chư Tăng Ni mỗi chiều nên cúng cô hồn, tức cho các loài quỷ đói ăn.

Có một lần ngài Mục Kiền Liên nhìn thấy trong hư không có những loài quỷ đói lang thang, khổ sở kêu khóc. Ngài xót xa bạch với Phật, Phật bảo: “Ta cũng thấy như vậy nhưng Ta không có nói”. Thế thì loài quỷ đói cầu xin mình, chớ không phải ta cầu xin nó. Vậy mà ngày nay nhiều người cúng ma quỷ cầu xin nó hộ độ cho mình, thật là quá sai lầm. Biết thế rồi ta chỉ thương chớ không sợ ngạ quỷ, vì nó khổ hơn mình.

Do nhân nào đọa làm quỷ đói? Phật dạy những người đời trước ôm lòng tham lam, bòn sẻn, hiểm độc sẽ sanh vào loài quỷ đói. Vì tham lam nên cái gì cũng vơ vét hết, được mình mà hại người cũng chẳng từ nan. Do tâm bòn sẻn nên gặp người khổ không giúp, dù mình rất dư dả. Do hiểm độc nên thường bày mưu này kế nọ để hại người. Bây giờ mình tu theo Phật rồi, phải có lòng từ bi, rộng lượng, không được tham lam bòn sẻn hiểm độc. Như vậy nhờ tu theo Phật, chúng ta đã chận được các đường khổ.

Tại sao qui y Tăng rồi khỏi đọa súc sanh. Phật dạy người đời trước do si mê nên đời này đọa làm súc sanh. Si mê thế nào? Si mê là không biết rõ thế nào là

thiện, thế nào là ác, thế nào là tội, thế nào là phước, thế nào là tà, thế nào là chánh. Người không phân biệt rành rõ thiện ác, tội phước, tà chánh gọi là si mê. Si mê nên chết phải đọa làm loài súc sanh.

Khi qui y xong quý thầy có bốn phận giảng trạch rành rõ cho quý Phật tử biết, thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là tội, thế nào là phước, thế nào là tà, thế nào là chánh. Làm đau khổ cho người là ác, đem lại lợi lạc cho người là thiện. Chẳng những người mà đối với các loài khác cũng thế. Nói chung làm lợi lạc cho người và chúng sanh gọi là thiện, làm đau khổ gọi là ác.

Thế nào là tà, thế nào là chánh? Tà chánh ở đây có nhiều lối. Thứ nhất chúng ta là đệ tử Phật mà đi cầu cúng miếu bà miếu ông là tà. Tại sao? Bởi vì do lòng tham nên tới cầu xin, mà không biết người mình đang cầu xin đó thế nào. Phật dạy chúng ta lý nhân quả, chớ không dạy cầu xin. Gieo nhân tốt thì gặt quả tốt, gieo nhân xấu thì chịu quả xấu. Mình làm mình chịu, nếu cầu xin được thì không có lý nhân quả. Song lý nhân quả là chân lý ở trên thế gian, không thể chối cãi được. Lẽ thực chúng ta không làm, lại làm theo tưởng tượng hư dối nên gọi là tà. Đó là tà đối với chánh.

Ngoài ra, quan niệm tà trong đạo Phật cần phải hiểu cho tường tận, nếu không khéo chúng ta cũng sẽ bị lạc vào đó. Phật dạy ba thứ độc là tham sân và si. Nếu ta tham mà bị ai ngăn trở thì nổi sân, cho nên tham và sân gốc từ si mà ra. Nhưng Phật tử bây giờ đi chùa có tham không, tham cái gì? Tham cầu xin. Quý thầy cô tụng kinh cũng cầu nguyện, như vậy có tham không? Quý thầy cầu nguyện cho tất cả chúng sanh đều sớm thức tỉnh, quốc thái dân an, mọi người đều được ấm no hạnh phúc thì không phải tham. Còn Phật tử đến chùa cúng có một đĩa quả mà xin thôi là xin, thứ nào cũng to hết. Đó chưa phải là chánh. Người hiểu đạo cầu nguyện thế này, nguyện cho gia đình con sớm thức tỉnh, mọi người cũng biết thức tỉnh, tất cả đều được bình an, như vậy đâu có tội tham. Ngược lại nếu chỉ cầu cho mình không thôi, đó là tham. Đã tham thì thuộc về tà, chớ không phải chánh.

Chúng ta phải phân biệt tà chánh rành rõ mới khỏi đọa vào đường dữ. Người biết rõ thiện ác, tội phước, tà chánh bảo đảm đời sau không đọa làm súc

sanh. Chư Tăng là những vị giúp cho Phật tử biết rõ những điều này nên chúng ta phải quy y Tăng. Khi bắt đầu quy y Tam bảo, là chúng ta đã thoát khỏi ba nhân ác địa ngục, ngã quỷ, súc sanh rồi. Trên đường tu chắc chắn không đọa lạc vào ba đường ác, chịu nhiều đau khổ. Nhưng làm sao được đi đường lành? Đường lành là người, a-tu-la và trời.

Muốn được trở lại làm người tốt thì phải giữ năm giới. Giữ năm giới gọi là tu Nhân thừa Phật giáo. Giới thứ nhất không sát sanh, tức không giết người thì đời này được bình an, đời sau sinh ra tuổi thọ lâu dài. Giới thứ hai không trộm cướp thì đời này không bị tù tội, đời sau sanh ra có nhiều của cải. Giới thứ ba không tà dâm thì đời này nghiêm trang tề chỉnh, có phẩm chất tốt, đời sau sanh ra đẹp đẽ trang nghiêm. Giới thứ tư không nói dối thì đời này được mọi người tin tưởng, đời sau sanh ra nói năng lưu loát, ai cũng quý, cũng tin. Giới thứ năm không uống rượu mạnh, uống say, không hút á phiện xì ke ma túy, thì đời này được tỉnh táo sáng suốt, đời sau sanh ra thông minh trí tuệ. Chỉ tu năm giới thôi đời này là một con người đứng đắn trong xã hội, không ai dám khinh rẻ, đời sau sanh ra lại càng tốt đẹp hơn. Như vậy có phải đời này được an lạc, đời sau càng an lạc hơn không?

Việc tu có lợi ích thiết thực, chớ không phải chuyện huyền hoặc mơ hồ. Quý Phật tử kiểm điểm lại, giả sử trong một xóm có cả trăm gia đình tu theo Phật, giữ tròn năm giới thì xóm đó có lo sợ gì không? Không lo sợ gì cả, không sợ người ta hại mình, không sợ người ta trộm cắp của mình, không sợ người ta phá gia can của mình, không sợ người ta dối gạt mình, không sợ người ta say sưa phá phách mình, xóm làng đó bình an vô cùng. Sống như vậy là thực hiện cuộc sống an lạc cho mình và cho mọi người. Đây là hiệu quả thiết thực của người tu Phật. Tu giúp cho bản thân chúng ta tốt, gia đình được bình an, mà cả xã hội cũng tốt đẹp nữa. Đạo Phật đem lại bình an cho mọi người, đem lại sự tốt đẹp cho xã hội, mà rất tiếc Phật tử tu theo đạo Phật lại không biết mình đang làm gì, kết quả ra sao.

Chúng ta tu đúng theo lời Phật dạy, khi tuổi thọ sắp mãn có người tới hỏi: “Anh chị theo đạo Phật, tu cư sĩ tại gia, vậy khi chết đi đâu?” Quý Phật tử sẽ nói “Bảo đảm tôi trở lại làm người tốt hơn bây giờ”. Cho nên bỏ thân này không tiếc,

không sợ chết, yên lòng ra đi vì nắm chắc tương lai sáng sủa hơn, đẹp đẽ hơn. Rõ ràng việc tu có công hiệu vô cùng. Còn kẻ không biết ngày mai nhắm mắt mình sẽ ra sao, tương lai mù mịt thì rất sợ chết. Việc này rõ ràng như thế không nghi ngờ gì cả. Như vậy chúng ta thấy giá trị của sự tu, an lạc đời này và đời sau. Đó là một lẽ thực vậy.

Kể đến nói về tu để được giải thoát. Phần này hơi khó một chút. Chúng ta thường tụng kinh Bát-nhã, trong đó Phật muốn đưa mình từ con người si mê tiến lên con người trí tuệ sáng suốt để giải thoát sanh tử. Nhưng rất tiếc Phật tử tụng thì tụng mà hiểu thì không hiểu. Chỉ câu đầu thôi “Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách” nghĩa là sao? Bồ-tát Quán Tự Tại khi thực hành sâu trí tuệ Bát-nhã, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, nên vượt qua hết tất cả khổ nạn. Một câu đó quý Phật tử có thấm chưa, có hành chưa? Có lẽ quý vị tụng cho Phật nghe nhiều hơn là để thấm để hành.

Một câu này đủ để thấy giá trị siêu thoát trong đạo Phật rồi. Đây là bài kinh trí tuệ, mà trí tuệ này là trí tuệ của Phật siêu xuất thế gian, chứ không phải trí tuệ thế gian. Chiếu kiến là dùng trí tuệ soi xét thân năm uẩn đều không, tất cả mọi khổ ách sẽ không còn. Hết sức giản đơn, chỉ một câu thôi chúng ta vượt qua tất cả khổ ách. Nhưng chúng ta đã tụng Bát-nhã cả trăm biến, ngàn biến mà hết khổ ách chưa? Còn nguyên. Đó là vì chưa hiểu tinh thần Bát-nhã.

Trong Bát-nhã có chia ra ba phần: Văn tự Bát-nhã, Chiếu kiến hay Quán chiếu Bát-nhã và Thật tướng Bát-nhã. Văn tự Bát-nhã giống như con thuyền. Ngồi trên thuyền mà không chịu chèo, không chịu bơi thì chừng nào mới qua sông? Cho nên Văn tự rồi phải Quán chiếu. Có chèo bơi mới đến nơi, tức học hiểu quán chiếu tu tập rồi mới qua hết khổ ách, đi tới Thật tướng Bát-nhã là lên bờ. Chúng ta chỉ tụng đọc mà không soi xét tức chỉ làm việc ban đầu Văn tự Bát-nhã. Nếu dừng ngang đó, thì chừng nào tới phần thứ hai, thứ ba. Mục đích chánh là đến bờ, mà ta cứ ngồi trên thuyền hoài, chắc thuyền mục chìm luôn, chứ không tới bờ bên kia được. Đó là chỗ đa số chúng ta hiện giờ đang mắc kẹt.

Chữ “giai không” này rất nhiều người hiểu lầm. Cho nên trong nhà Phật có câu: “Thà là chấp có bằng núi Tu Di, không nên chấp không bằng hạt cải”, chấp không là tai họa đáng sợ. Nghe nói chiếu kiến ngũ uẩn giai không người ta tưởng đó là chấp không. Thật ra không phải vậy. Điều này tôi sẽ dẫn chứng cụ thể để tất cả chúng ta thấy rõ ý nghĩa chữ Không của Bát-nhã.

Như tôi đưa bàn tay lên, co năm ngón lại. Khi co năm ngón lại thì có nắm tay. Bây giờ chúng ta phải nhận cho ra nắm tay là thật hay không thật? Đang thấy nắm tay nói không sao được, nhưng nếu nói nó thật thì khi tôi buông năm ngón tay ra, nắm tay có không? Còn co thì có, buông ra thì không. Như vậy nói thế nào cho đúng nghĩa của nắm tay. Nói không không được, nói có cũng không được. Chúng ta không có quyền nói nắm tay thật có vì đó là sai lầm, cũng không có quyền nói thật không vì mắt đang thấy rõ ràng. Nói thật có, nói thật không đều là chấp một bên, đều là sai lầm.

Ở đây tôi chia ra ba thời. Thời thứ nhất trước khi tôi co năm ngón lại, có nắm tay không? Không có nắm tay. Thời thứ hai khi tôi đang co năm ngón lại, nhưng nếu nhìn trên từng ngón phân tích đây ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa... mỗi ngón riêng biệt thì có nắm tay không? Không có nắm tay. Đó là đang lúc có mà cũng là không. Thời thứ ba khi buông năm ngón ra, có nắm tay không? Cũng không có nắm tay. Như vậy ba thời trước giữa và sau hay quá khứ, hiện tại và vị lai, nắm tay bản tánh là không. Đợi năm ngón co lại là duyên hợp mới có, đã là duyên hợp thì phải tan chớ không thể còn hoài được. Phàm những gì có hợp có tan thì không thể gọi là thật. Nắm tay bản tánh nó là không, đợi duyên hợp mới có. Duyên hợp mới có nên có là giả có chớ không phải thật. Đây là một lẽ thật.

Đi xa hơn, tất cả mọi thứ chung quanh ta đều là duyên hợp tánh không, giả có. Tánh không này không rời các pháp, như ngay nơi nắm tay, ta biết rõ tánh nó là không. Nắm tay là sắc tướng mà ta thấy tánh không nên kinh nói “sắc tức thị không”. Không ở đây không phải không ngờ, mà không là tánh không. Rồi “không tức thị sắc” là từ tánh không, duyên hợp nên có sắc. Như vậy từ hình sắc giả tướng

thấy được tánh không, từ tánh không duyên hợp nên có hình sắc. Hiểu như vậy là hiểu được Bát-nhã.

Trở lại thân chúng ta đây là thật hay giả? Giả. Nếu giả khi bị ai nhéo một cái hoặc mắng một câu có giận không? Đây là chỗ thiết yếu của sự tu. Chúng ta thấy đúng như thật rồi ứng dụng tu, phải thấy chớ không thể tưởng tượng. Thân này gồm sắc uẩn tức hình sắc do đất, nước, gió, lửa hợp lại thành. Nếu phân tích sâu hơn nữa, Phật nói trong thân có vô số vi trùng “nhân thân chi nội hữu vô số vi trùng tại trung di trú”. Vi trùng chia làm hai loại: hộ trùng là loại trùng bảo vệ thân này và hoại trùng là loại trùng phá hoại thân này. Y học ngày nay gọi là tế bào. Có những tế bào phá hoại, có những tế bào bảo vệ mình. Tại sao Phật gọi tế bào là vi trùng? Bởi vì nó có hoạt động, có sự sống. Bốn thứ không thể thiếu một, đất hoại cũng chết, nước cạn cũng chết, gió dừng cũng chết, hơi ẩm tan hết cũng chết.

Trong kinh Phật dùng ví dụ, nếu càng nghĩ ta càng thương xót mình. Phật nói như người đem cái lồng bắt bốn con rắn độc bỏ vào đó. Chúng cự lộn hoài, ông chủ vừa lo cho nó ăn, vừa can gián cho nó đừng cắn nhau rất cực. Giữ gìn đáo để một thời gian, cái giỏ lưng mỗi con chạy mỗi góc. Ông chủ nhà lẽ ra phải mừng, nhưng đằng này ông lại buồn, vội vã sắm cái giỏ mới rồi tiếp tục tìm bốn bốn con rắn khác về nuôi nữa. Cứ như vậy mà nuôi rắn, đời này nuôi rắn, đời sau nuôi rắn, tiếp tục mãi mãi nuôi rắn cực khổ như vậy. Chúng ta nghĩ ông chủ đó có đáng thương không? Thật là đáng thương, tội gì làm như vậy.

Đức Phật bảo chúng sanh cũng thế, rất đáng thương xót. Đất nước gió lửa là bốn con rắn độc. Thiếu nước thì cho ly nước, thiếu gió thì kiếm chỗ nào không khí trong lành hít thở, thiếu đất thì kiếm cơm, thiếu ẩm thì kiếm áo. Ít bữa đất lấn nước hoặc nước lấn đất, thế là bệnh tật phát sanh. Ít bữa gió thổi mạnh quá, đất rung rinh cũng sanh bệnh. Cho nên khi trúng gió thì phải cạo gió, đuổi ra. Khi nóng thì phải kiếm đồ mát uống vô. Lúc nào cũng can thiệp, dòm chừng hoài. Cả đời lo nuôi nó, can thiệp cho nó hòa hợp. Vậy mà khi nó sắp hoại mất thì hoảng sợ tiếc nuối, tìm đủ mọi cách để giữ nó lại, có đáng thương không?

Lẽ ra khi thân này sắp mất, ta phải thức tỉnh thôi đừng nuôi nữa. Nhưng không, bỏ cái giỏ này làm cái giỏ khác chắc hơn để nuôi những con rắn khác. Đó là vòng luân hồi lần quần của chúng ta. Việc làm này giống như việc làm của con dã tràng, cứ se cát thành cái cụm, một ngọn sóng ủa vô cuốn mất hết, nó lại tiếp tục làm cái khác. Phật thương chúng sanh là vì vậy.

Bởi thấy thân này thật nên những nhu cầu nó cần, phải đáp ứng cho nó thỏa mãn. Nó thèm thức ăn ngon phải chạy tìm thức ăn ngon. Nó thích mặc đẹp phải tìm y phục đẹp. Càng làm nó lại càng không thỏa mãn. Được một nó đòi hai, được hai nó đòi bốn, cứ tăng lên hoài không bao giờ biết đủ. Nếu tất cả thế gian ai cũng muốn thỏa mãn nhu cầu của thân xác thịt này, có đụng chạm quyền lợi nhau không? Vì mình muốn thỏa mãn nhu cầu đó nên ai cũng muốn gom góp tất cả về mình. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến đấu tranh, gốc của mọi thứ đau khổ.

Nếu chúng ta biết nó là giả, không giành giật với ai hết, sống vừa đủ thôi. Lỡ mang thân này thì nuôi cho nó khỏe mạnh, chừng nào hết duyên nó tan rã, không có gì quan trọng. Nhờ thế ta không tham, không tham thì bớt khổ. Thấy được sắc uẩn không thật chúng ta sẽ bớt tham, bớt khổ cho bản thân và mọi người chung quanh. Đó là nói về phần sắc thân.

Kế đến phần tâm. Hiện giờ tất cả chúng ta khi suy nghĩ một việc gì rất kỹ, mình cho rằng suy nghĩ đó là đúng, nếu ai phản đối bảo sai ta sẽ thế nào? Nổi giận ngay. Bởi vậy chỗ này chúng ta phải đi sâu mới thấy giá trị của nó. Suy nghĩ của mình không có gì bảo đảm đúng cả. Bởi suy nghĩ là tâm hư giả sanh diệt, không phải là chân lý. Con người suy nghĩ là do kinh nghiệm, sự từng trải rồi kết luận như vậy là đúng. Nhưng nếu kiểm tra lại, giả sử suy nghĩ ấy có đúng cũng chỉ đúng trong một giai đoạn, một phạm vi nào thôi. Qua giai đoạn khác, qua hoàn cảnh khác nó không còn đúng nữa. Nhưng khi ta đã cho suy nghĩ của mình là đúng rồi, người khác nói sai ta nổi giận nhiều ít? Chính vì cái đúng sai đó mà trong gia đình, ngoài xã hội xảy ra không biết bao nhiêu sự buồn khổ. Chồng nghĩ một đằng, vợ nghĩ một ngả thì không bao giờ có hạnh phúc, chỉ có chia ly thôi. Anh em ruột

mà kẻ nghĩ thế này, người nghĩ thế khác, luôn luôn ngược nhau thì không còn tình thân nữa. Thậm chí cha với con mà suy nghĩ khác cũng dẫn tới tai họa như thường.

Như tất cả tổ tiên chúng ta ai không tôn trọng đức Khổng Tử là bậc Thánh, những gì Ngài nói đều là khuôn vàng thước ngọc. Nhưng nếu bây giờ Ngài sống lại, thấy phụ nữ chẳng những ở các nước khác mà ngay cả Trung Hoa, Ngài chỉ còn có nước lắc đầu thôi. Không còn cái thuở khuê môn bất xuất, tam tòng tứ đức, tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử nữa. Họ không thể chấp nhận một hệ thống cha, chồng rồi tới con như thế đâu. Như vậy là chủ trương của đức Khổng Tử không còn được chấp nhận rồi, nói gì là tôn trọng! Những cái phải của tập thể này không là cái phải của tập thể khác. Hai cái phải khác nhau gặp nhau thì dẫn tới đánh nhau là chuyện dĩ nhiên thôi. Rõ ràng có chấp là có khổ, chấp thân hay chấp tâm gì cũng thế. Khổ đó khổ vô cùng chớ không phải thường.

Thọ, tướng, hành, thức cũng thuộc về tâm. Thọ là cảm giác vui buồn, thích hay không thích... Tướng là tâm tướng. Hành là suy tư. Thức là phân biệt. Tuy có bốn nhưng nói gọn hơn là những suy tư phân biệt của mình. Những suy tư này không phải là chân lý, nó chỉ đúng ở khía cạnh hoặc trường hợp nào thôi. Vì vậy nó không thật, không cố định. Đức Phật dạy: “Người tôn trọng chân lý là khi nghĩ điều gì, thì nói đây là cái nghĩ của tôi”, đừng thêm chữ đúng. Không có chữ đúng thì không cãi nhau, bởi vì ai cũng có quyền nghĩ riêng của mình. Hiểu như vậy là tôn trọng chân lý. Nếu ta nói đúng mà người không nghe thì mình phản bác lại. Đó là bệnh độc tài.

Sắc uẩn và tâm uẩn, chúng ta biết hai thứ này không thật là độ tất cả khổ ách rồi. Vì vậy lời Phật là lời vàng. Chỉ một câu nếu chúng ta khéo tìm hiểu thấu đáo, ứng dụng tu hành thì sẽ vượt qua hết các khổ nạn. Người học đạo phải có cái nhìn tường tận, chớ không phải đọc thuộc lòng lời Phật dạy là đủ. Nhìn tường tận rồi ứng dụng trong cuộc sống mới là tu. Như thấy thân không thật, tâm suy nghĩ không thật nên hết khổ. Đó là ta đã sống an lành tự tại vì không giành giật nhau trên vật chất, không độc tài trên tinh thần.

Đạo Phật đặc biệt ở điểm dạy chúng ta tu, chứ không bắt chúng ta phải tin theo. Điều này hết sức rõ ràng. Như khi quý thầy giải thích năm giới rồi hỏi lại Phật tử, giới thứ nhất suốt đời không được sát sanh, Phật tử giữ được không? Nếu giữ được, quý vị tự nói “Dạ, con giữ được”. Nếu giữ chưa được thì làm thỉnh, Phật không bắt buộc chi cả. Vì lợi ích cho chúng ta Phật phương tiện chế ra các giới luật như vậy, chứ không phải ta giữ giới cho Phật. Hiểu thế mới thấy giá trị của đạo Phật.

Từ tánh không Phật nói sáu căn, sáu trần, sáu thức cũng đều do duyên hợp, tánh không. Đến các giáo lý quan trọng như pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, kinh điển Nguyên thủy xem là chân lý, nhưng với con mắt Bát-nhã cũng là tánh không duyên hợp. Khi xưa tôi hơi khó xử về điểm này. Các pháp thế gian duyên hợp hư giả thì đúng, còn giáo lý của Phật là lời vàng ngọc mà giả sao? Nhưng bây giờ tôi mới thấy hay, vì Phật nói pháp Phật dạy như ngón tay chỉ mặt trăng hay thuốc để trị bệnh cho người. Bệnh do uống thuốc mà lành, nếu bệnh không thật thì khi bệnh lành rồi, thuốc cũng phải bỏ. Nếu ai lành bệnh mà cứ tiếp tục uống thuốc hoài thì sẽ thành bệnh nữa. Nên biết bệnh hết thì thuốc cũng phải bỏ, bệnh giả thì thuốc cũng không thật.

Từ đó tôi mới thẩm thía điều trong kinh kể lại. Khi Phật ngồi dưới cội Bồ-đề được giác ngộ, lẽ ra Ngài đi giáo hóa ngay, nhưng đức Phật cứ trù trù mãi, không muốn thuyết pháp. Đợi đến lúc chư Thiên năm lần bảy lượt thỉnh cầu, Ngài mới dùng phương tiện giáo hóa. Qua đó để thấy chỗ chân thật không phải dễ chỉ cho mọi người, mà phải dùng phương tiện giúp người nghe hiểu, ứng dụng tu từ từ mới thấy đạo. Cho nên Tứ đế, Thập nhị nhân duyên là phương tiện của Phật dạy. Đã là phương tiện thì đâu phải chân thật, nhưng nhờ đó chúng sanh bớt bệnh, dần dần mới khỏe mạnh hẳn. Nhờ theo lời chỉ dạy của Phật chúng ta biết được lẽ thật, tu hành mới hết khổ. Hết khổ rồi thì pháp cũng bỏ luôn, cũng như bệnh nhân lành bệnh thì thuốc cũng phải ngưng.

Còn một điểm đặc biệt nữa trong kinh Bát-nhã, nếu người đọc không khéo sẽ thấy mâu thuẫn: “dĩ vô sở đắc cố Bồ-đề tát-đỏa y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố tâm

vô quái ngại v.v.”, vì không có sở đắc nên tâm Bồ-tát không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên xa lìa khủng bố, cứu kính Niết-bàn. Chư Phật ba đời cũng nhờ Bát-nhã mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vô sở đắc, tại sao lại đắc? Nếu đọc suông ta sẽ thấy nó mâu thuẫn, nhưng đọc kỹ mới thấy cái hay lạ lùng đó. Khi chúng ta đã bỏ hết những cố chấp về thân, về tâm rồi thì không còn sở đắc. Sở dĩ nói vô sở đắc là vì những mê lầm đã dẹp hết, dẹp luôn cả pháp nữa, tất cả các thứ đều không thể được. Tâm ta lúc đó không còn dính chấp thứ gì hết, rỗng rang tự tại. Người đời cứ sợ không chấp thân, không chấp tâm lấy gì để sống. Nhưng sự thực không phải vậy. Khi không chấp tất cả thì tâm chân thật của mình hiện tiền. Tâm chân thật hiện tiền này đưa ta tới giác ngộ viên mãn, thành Phật, nên nói được. Được mà không có gì để được cả. Đây chính là chỗ sâu xa vi diệu của Bát-nhã vậy.

Bởi chúng ta mê chấp thân, mê chấp tâm lăng xăng vọng tưởng nên quên mất cái chân thật của chính mình. Khi ruồng dẹp hết hai thứ chấp đó thì cái chân thật hiển lộ ra. Vì nó đã sẵn trong ta từ xưa đến nay nên nói được không đúng. Cho nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Vì chấp lầm thân tâm nên ta không nhận ra, khi hết chấp thì tánh Phật hiện ra. Bồ-tát nương nơi đó mà xa rời những sợ sệt, những khủng bố, đến được cứu kính Niết-bàn. Ba đời chư Phật cũng nhờ trí tuệ đó mà đến chỗ giác ngộ viên mãn gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy Phật nhờ trí tuệ Bát-nhã, ban đầu dẹp phá được các thứ chấp, sau mới thành Phật. Bồ-tát cũng thế. Tu một bài kinh Bát-nhã đủ cho chúng ta giải thoát rồi. Các Tổ luôn luôn thấy nó quan trọng vậy, nên tụng kinh gì không bỏ qua Bát-nhã. Nhưng tội cho chúng ta tụng mà không thấy được điều này. Tụng cả năm này tháng kia mà không phá được chút chấp nào hết, vì vậy việc tu không tiến. Nếu tiến được chúng ta đã hết khổ lâu rồi. Giống như mấy đứa học trò, học bài xong trả bài cho cô giáo là xem như tròn bổn phận, không biết học như thế là học cho mình. Chúng ta cũng vậy, đọc kinh cho Phật nghe, còn mình thì không chịu tu tập gì cả.

Sống giữa đời này không giành giật về vật chất, không chấp nê về tinh thần, thì đời còn gì là khổ, quả vị Phật cách đâu bao xa. Vì vậy Phật nói chúng sanh mê lầm thật đáng thương. Trong kinh có câu này: “Cái khổ của địa ngục bị thiêu đốt chưa phải là khổ. Cái khổ làm ngựa quý đói khát cũng chưa phải là khổ. Cái khổ làm súc sanh kéo cày, kéo xe cũng chưa phải là khổ. Chỉ si mê không biết lối đi mới thật là khổ”. Ở trong địa ngục dù bao nhiêu kiếp cũng có ngày mãn, được trở lại làm người. Ngựa quý, súc sanh cũng vậy, trả hết nghiệp cũng được trở lại làm người. Còn si mê cứ lẩn quẩn không có ngày cùng. Đó là cái đau khổ nhất mà chúng sanh không thấy, thật là đáng thương.

Cho nên hiểu Phật pháp rồi, chúng ta nhìn lại thật là đáng thương cho mình. Người xung hùng xung bá chỗ này chỗ kia, cũng là những người đáng thương thôi, chớ còn không có gì thật hết. Như vậy hai đoạn đường, đoạn đường đầu tu theo Phật để được an lành trong đời này và đời sau, đoạn đường thứ hai tu theo Phật để thấu triệt lẽ thật, chúng ta dễ ra khỏi vòng sanh tử. Đó là trí tuệ Bát-nhã.

Như vậy trí tuệ thế gian với trí tuệ của Phật khác nhau xa hay gần? Rất xa. Nếu ai cũng học được Phật và có trí tuệ như vậy thì thế gian này không còn khổ nữa, mọi người thương nhau không hết, có đâu giành giật. Vì vậy đạo Phật là đạo của từ bi và trí tuệ, chúng ta trải lòng thương tất cả và an ủi chúng sanh cùng trong cõi khổ của mình. Ta tự tu tập và giúp cho mọi người cùng tu tập bớt khổ, tỉnh sáng không còn lầm mê nữa. Đó là mục đích chủ yếu của đạo Phật.



TINH THẦN XUẤT TRẦN CỦA ĐẠO PHẬT

Quận Cam Mỹ Quốc - 1994

Hôm nay chúng tôi đã đến tận đây thăm tất cả quý Phật tử, đó là điều đáng mừng. Nhưng theo quan niệm của người tu, chúng ta gặp nhau không phải chỉ thăm hỏi sức khỏe thôi mà còn có những lời nhắc nhở trong việc tu hành. Do đó hôm nay Ban tổ chức yêu cầu chúng tôi có vài lời nhắc nhở cho quý Phật tử tu hành.

Đề tài chúng tôi muốn nói hôm nay là Tinh thần xuất trần của đạo Phật. Đạo Phật là đạo của con người. Đức Phật ra đời vì muôn loài, trong đó chủ yếu là loài người. Cho nên mọi hành động của Ngài đều nhắm đến con người. Đạo Phật dạy chúng ta phải thấy được chân lý, đạt được lẽ thực nên nói tới đạo Phật là nói tới đạo giác ngộ. Tôi nhấn mạnh lại, đạo Phật là đạo giác ngộ chứ không phải đạo của lòng tin. Chúng ta theo đạo Phật là để tìm cầu sự giác ngộ, mà muốn được giác ngộ thì phải vào đạo bằng trí tuệ, bằng cái nhìn đúng như thật, chứ không thể nhìn khác hơn được.

Phật tử khi bước chân vào đạo Phật, quý vị thấy Phật có dạy chúng ta điều gì huyền bí màu nhiệm không? Phật dạy chúng ta toàn những điều thật. Ví dụ Phật tử tại gia, Phật dạy phải giữ năm giới, rõ ràng có gì cao siêu huyền bí đâu, chỉ là những lẽ thực. Nếu chúng ta sống giữ được như thế thì mình là một con người tốt, hiện tại gây ảnh hưởng tốt với gia đình xã hội, mai kia cũng được sanh nơi tốt. Đó là lẽ thực chứ không có gì huyền bí cả. Bởi vì đức Phật là một con người thực, chúng nghiệm lẽ thực cho nên những gì Ngài nói cũng là lẽ thực.

Lâu nay chúng ta nhìn đạo Phật có vẻ huyền bí nhiều quá, mà đã huyền bí thì tăng trưởng lòng tin chứ không tăng trưởng trí tuệ. Nếu muốn đi đúng với tinh thần mở sáng con mắt trí tuệ, chúng ta phải nhìn đạo Phật đúng như Ngài muốn. Đọc lịch sử, chúng ta đều biết đức Phật là một vị Bồ-tát Nhất sanh bồ xứ, ra đời ở cõi này lần chót tu hành chứng quả thành Phật. Cho nên công phu tu của Ngài đã trải qua vô số kiếp vun bồi hạnh nguyện trí tuệ rồi, đến đây là sắp viên mãn. Như vậy đương nhiên Ngài có đủ khả năng tạo ra những cảnh huyền bí lạ lùng. Vậy tại sao Ngài không từ trên không giáng xuống mà lại xuất hiện trong một gia đình như những người thế tục, rồi cũng sanh ra như bao nhiêu người?

Nhìn lại lịch sử của đức Phật, cũng có vài điểm được tô điểm hơi màu nhiệm một chút như Ngài sanh ra bên hông phải của Hoàng hậu Ma Gia, rồi đi bảy bước trên hoa sen v.v... Với chúng tôi, nếu các nhà viết sử cứ để đức Phật sanh ra như mọi người thì tốt hơn. Tại sao vậy? Bởi vì nếu ta thừa nhận những hình ảnh kỳ diệu trong lúc Phật sinh ra thì sẽ gặp rối rắm ngay trong đời sống của Ngài. Bởi

có nhiều người ở thế gian, cha mẹ sinh ra nuôi lớn lên, không ăn mặn được phải ăn chay rồi đi tu. Những vị đó chưa phải Bồ-tát, thế mà họ còn nhớ các chuyện tiền duyên, nên ra đời ăn chay rồi đi tu. Huống đức Phật là một vị Bồ-tát đầy đủ công hạnh, chỉ còn một đời nữa thành Phật chẳng lẽ Ngài quên hết những tiền duyên của mình? Tại sao khi sinh ra ở trong hoàng cung, Ngài cũng sống như bao nhiêu ông hoàng khác, lần lần lớn lên cũng lập gia đình, có con. Nếu Ngài giữ hạnh thanh tịnh như thuở nào thì chắc không có gia đình cũng không có con. Như vậy là sao?

Lại nữa, khi Ngài đi ra ngoại thành, trên đường thấy người già, người bệnh, người chết, Ngài không hiểu, phải nhờ Sa-nặc giải thích mới hiểu. Như vậy những điểm mâu nhiệm trước kia trở thành lạ lùng. Bởi vì nếu Ngài đã là bậc Thánh rồi thì cần gì phải nhờ giải thích, thấy đâu là suốt đó. Đây là những vấn đề tôi nêu lên cho tất cả chúng ta cùng suy nghiệm.

Theo ý riêng chúng tôi, tôi nghĩ đức Phật sinh ra như mọi người cho nên rồi Ngài cũng phải học. Học rồi mới hiểu, từ học hiểu đó sau này gặp duyên tốt, Ngài liền thức tỉnh đi tu. Có thể hàng phàm phu chúng ta nhìn lại gương lịch sử của Phật, thấy Ngài cũng là con người như mình, thức tỉnh đi tu rồi thành đạo. Chúng ta cũng là người như Ngài, nên cũng có quyền thức tỉnh đi tu rồi thành đạo. Nếu Ngài sinh ra quá mâu nhiệm huyền bí, còn chúng ta sinh ra quá tầm thường thì mình sẽ mặc cảm rằng việc làm đó chỉ có bậc kỳ đặc như Ngài mới làm được, còn tầm thường như mình thì bất khả thi. Nếu nhìn đức Phật thế ấy, chúng ta sẽ thấy Ngài rất gần gũi, rất thiết thực với con người. từ đó ta cố gắng tu để đạt được kết quả như Phật. Như vậy đạo Phật mới thực tế chứ!

Hồi xưa Thái tử thấy cảnh già bệnh chết, Ngài thức tỉnh đi tu. Bây giờ tất cả chúng ta cũng thấy cảnh già bệnh chết nhưng thức tỉnh chưa? Phật thấy người già liền biết mình sẽ già, thấy người bệnh liền biết mình sẽ bệnh, thấy người chết liền biết mình sẽ chết, nên Ngài không cam ngồi yên chờ cái già, bệnh, chết đến với mình nên đi tu. Còn chúng ta thấy người già thì nghĩ đó là ông già mình còn trẻ chưa gặp gì. Thấy người bệnh nói người ta bệnh chớ mình chưa bệnh, thấy người

chết nói người đó chết chớ mình chưa chết. Vì thế chúng ta không tỉnh nên không vội vàng đi tu. Phật và chúng ta khác nhau ở chỗ tỉnh và mê đó, chớ không phải khác nhau ở chỗ huyền bí.

Như chúng ta đã biết đức Phật sau khi dạo bốn cửa thành, thấy cảnh già bệnh chết Ngài liền đặt ra ba nghi vấn về thân phận con người: 1. Con người từ đâu đến đây? 2. Chết rồi sẽ về đâu? 3. Làm sao chấm dứt mầm sanh tử khổ đau này? Vì thế Ngài quyết tâm đi tu để giải quyết ba nghi vấn ấy. Ngài bắt đầu học đạo với các vị tiên, tu chứng tới tứ thiên nhưng Ngài thấy chưa giải đáp được chỗ mong mỏi của mình nên từ giã đi nơi khác. Đến vị tiên dạy tu chứng tới Phi phi tướng xứ, Ngài cũng chưa giải đáp được nghi vấn của mình nên từ giã đi nữa.

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng chỉ có tu khổ hạnh, khả dĩ tìm ra được câu giải đáp Ngài đương ôm ấp. Thế là đức Phật tận dụng mọi phương tiện khổ hạnh, dồn dập cho tới ngắt xiu nhưng vẫn không tìm ra chút manh mối nào. Từ đó Ngài thức tỉnh khổ hạnh không phải là phương pháp để đạt được giác ngộ. Cho nên Ngài tắm rửa ăn uống trở lại và tới cội Bồ-đề để quyết tâm tu cầu cho được giác ngộ. Tại gốc cây Bồ-đề, Ngài phát thệ nguyện “Nếu không thành đạo dù xương tan thịt nát cũng không rời khỏi chỗ này”. Qua những hình ảnh đó, chúng ta thấy đức Phật tu đến viên mãn có dễ dàng đâu. Cũng trải qua bao nhiêu khó khăn, tìm kiếm học hỏi, quyết tâm khổ hạnh đến liều chết, cuối cùng thiên định dưới cội Bồ-đề mới được giác ngộ.

Hiện giờ chúng ta tu nếu gặp khó khăn trở ngại, có phân bì với Phật hồi xưa tu khỏe, mình bây giờ tu cực quá không? Không thể, vì Phật tu đâu có khỏe. Ngài cũng khó khăn, khổ sở nhưng nhờ ý chí mãnh liệt, quyết tâm tột cùng nên mới đạt đạo. Chúng ta ngày nay tu hơi khó khó thì nản, nói tu gì khó quá. Tu mà sao không có phước, gặp tai nạn hoài, nghĩ vậy rồi chán hết muốn tu. Người tu thời nay quan niệm rất đơn giản, tu cho có phước hết tai nạn nên tới chùa tập tu để cầu phước. Nếu lỡ gặp tai nạn thì trách Phật không linh, nên nghỉ tu nghỉ đi chùa.

Phải hiểu tu là chấp nhận mọi khó khăn mọi nguy hiểm, để vươn lên trước những thử thách cay đắng mới là người có lập trường, có ý chí, như vậy mới mong

đạt được sở nguyện. Hiểu thế giả sử chúng ta có gặp khó khăn đến mấy, ta vẫn cười: “Đây là cơ hội để mình tu, chớ không cầu xin ai”. Phật tử bây giờ có gì khó khăn thì chạy vô chùa cầu thầy cứu con. Thầy phải cầu an cầu siêu đủ thứ cho tai qua nạn khỏi, chớ quý vị không nghĩ khó khăn là cơ hội tốt để mình tu. Nếu chúng ta gan dạ cương quyết thì sự khó khăn là những cơ hội tốt để mình phát triển sự tu hành. Đức Phật ngày xưa tu cũng phải khó khăn, chúng ta bây giờ là kẻ phàm tục mà muốn tu dễ như trở bàn tay là chuyện không thể được.

Phật tử ngày nay đa số tu rất yếu ớt. Quý vị đời nào cũng được như ý. Khởi sự qui y thọ năm giới rồi thì cho rằng mình đã có phước, từ đây về sau muốn gì được nấy, ít bệnh hoạn, ít tai nạn, ít khó khăn. Nếu qui y, thọ giới rồi mà còn gặp tai nạn thì chán, mất niềm tin mình tu sao không thấy phước, chỉ thấy họa. Tinh thần tu như vậy rất yếu đuối. Tôi nghĩ đức Phật hiện thân cầu đạo khó khăn, cực khổ đủ điều là một tấm gương sáng để chúng ta noi theo mà nỗ lực phấn đấu. Nhìn thấy Bồ-tát còn một đời thành Phật mà tu phải cay đắng như vậy, huống nữa chúng ta là phàm phu? Đó là hình ảnh nhắc nhở khích lệ chúng ta rất hay, rất thiết thực.

Hơn nữa tu là nguyện sửa chữa những tật xấu như tham sân si. Nếu vào đạo muốn gì được nấy thì tham chẳng những không giảm chút nào mà còn tăng trưởng thêm, càng tu càng tham. Người biết tu khi gặp cảnh vui hợp ý thì hoan hỷ tu, nhưng gặp những lúc khó khăn trái ý cũng cười mà tu. Muốn được là tham, không được vẫn không buồn là thắng cái tham, thắng một thứ độc. Còn muốn mà không được, âu sầu buồn bã mất ăn mất ngủ là thua, là kẻ bại trận trên đường tu. Chúng ta nỗ lực cố gắng vượt qua những khó mới gọi là tu. Phải tâm niệm rằng chính những sự khó khăn, nguy hiểm, thất bại mới tạo cơ hội để ta biết được đạo lực của mình. Nếu dờ thì ráng tu nhiều hơn, nếu khá thì mừng để tiến lên. Đó mới thực là người quyết tâm tu.

Phật tử tu mà muốn mọi việc bình an trăm phần trăm nên phải nhờ thầy cúng sao. Như vậy tu để cầu bình an chớ không phải tu để chuyển đổi tham sân si trở thành trong sạch. Với tinh thần tu thế ấy làm sao giác ngộ thành Phật, làm sao

được vĩnh viễn an vui được? Chúng ta nhớ đức Phật khi học với những vị ngoại đạo mà Ngài vẫn không lạc theo ngoại đạo, vì mục tiêu chủ yếu Ngài nhắm là tu để giải quyết ba nghi vấn về con người. Chừng nào giải quyết được điều đó Ngài mới mãn nguyện. Ngài tu là vì giải quyết số phận con người, nếu tu chỉ cầu thấy những gì mâu nhiệm mà không giải quyết được vấn đề thắc mắc Ngài liền từ bỏ.

Ngày nay chúng ta tu thích nhất cái gì? Thích mâu nhiệm. Cái gì hay hay lạ lạ mình thích, còn vấn đề con người chúng ta ít quan tâm. Bởi vậy nên mình dễ bị lạc, gặp ai hướng dẫn đi đường nào ta kẹt theo đường đó. Vì không có một chủ trương, một lập trường kiên định, do đó dễ lạc là lẽ đương nhiên thôi.

Sau khi thành đạo rồi đức Phật chứng tam minh, lục thông, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng v.v... Lục thông gồm có: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, túc mạng thông, lậu tận thông. Có lục thông, khi cần hiện to liền hiện to, cần hiện nhỏ liền hiện nhỏ, cần đi trên hư không thì đi trên hư không, cần chui xuống nước thì chui xuống nước, cần độn thổ thì đi trong đất. Tóm lại Ngài có đầy đủ tất cả thần thông biến hóa, nhưng khi đi hóa đạo đức Phật rất ít khi dùng thần thông, trừ những trường hợp đặc biệt thôi. Rõ ràng chúng ta không thấy sử dụng lại mỗi sáng Phật dùng thần thông bay lại nhà tìn đồ nhận cơm cúng dường, kể bay về chỗ ngồi thọ trai. Mà Ngài đi bộ từ Tinh xá lần lần tới nhà Phật tử nhận cơm, rồi ra góc cây ngồi ăn hoặc nhận thọ trai tại nhà v.v... chớ không bay đi bay về gì cả. Mình bây giờ mà được thần thông thì biết, bay loạn trong hư không.

Tại sao có thần thông mà Phật không dùng? Đó là điều chúng ta cần phải lưu tâm. Hoặc khi đi giáo hóa gặp người chửi mắng Ngài chỉ im lặng đi, chớ không hiện thần thông khiến ai khiếp sợ cả. Đó là bài học muôn đời mà hàng Tăng Ni Phật tử phải nhớ. Chúng ta chỉ cần nghe ai nói lén đâu đó ngoài xó hè, giông giống tên mình là ra mặt lên tiếng ngay. Nếu nghe trực tiếp một lời chê xấu thì buồn tới mất ăn mất ngủ. Vì mình nhận nhiều quá nên khổ, chớ người ta nói mình không nhận như Phật thì đâu có khổ. Phật tự tại không phải vì phép lạ, vì thần thông mà vì tâm Ngài không dính mắc. Chúng ta bị trói buộc khổ đau vì tâm dính

mắc nhiều quá, cứng quá. Bây giờ muốn tu thì phải gỡ bỏ tâm dính mắc đó. Chỉ có cách ấy thôi.

Một hôm Phật đi giáo hóa ở vùng Bà-la-môn, hàng đệ tử của họ theo Phật rất đông. Ông thầy bực bội nên chờ lúc Phật đi khuất thực, ông theo sau chửi Ngài thậm tệ. Đức Phật vẫn cứ thong thả đi, tới ngã ba đường ông thầy Bà-la-môn tức quá chận Phật hỏi: “Ngài Cù-đàm, Ngài thua tôi chưa?” Phật từ tốn trả lời cụ, ngồi xuống đất và nói bài kệ:

Kẻ hơn thì thêm oán,
Người thua ngủ chẳng yên.
Hơn thua hai đều xả,
Ấy được an ổn ngủ.

Chỗ đức Phật dạy chúng ta đâu có gì kỳ đặc, chỉ đừng chấp hơn thua thôi. Buông đi hơn thua thì chúng ta an nhàn tự tại, nằm duỗi chân ngủ khò. Còn đeo bám hơn thua, nếu hơn thì kẻ khác oán ghét mình, nếu thua ta trần trọc ngủ không được, cả hai đều làm cho mình khổ đau. Nếu buông xả hết hơn thua thì mọi đau khổ liền chấm dứt.

Qua những hình ảnh này, chúng ta thấy rõ đức Phật không đặt trọng tâm ở khả năng của thần thông mà Ngài luôn chỉ chúng ta phải tập cởi mở, buông xả tâm cố chấp, hơn thua tự nhiên sẽ được an lạc. Đó là tâm niệm tu hành chân chính. Chúng sanh vì không chịu buông xả nên khổ, Phật Bồ-tát nhờ buông xả hết nên các Ngài an lành tự tại. Như vậy tự tại từ sự buông xả, không dính mắc nơi nội tâm mà có. Chư Tăng ngày nay trên đường hóa đạo gặp khó khăn có buồn không? Phật hỏi xưa bị chửi Ngài không buồn, nhưng nếu chúng ta bị chửi thì mặt dàu dàu cả ngày, đêm đến ngủ không được. Đó là điểm yếu của mình. Tăng Ni phải ráng tu làm sao giống như Phật vậy, trên đường hóa đạo mới vượt qua mọi trở ngại.

Trên đường hoàng pháp, đức Phật có một câu chuyện rất hay. Lúc đó Ngài thành đạo chưa bao lâu, mới trên ba mươi tuổi. Trên đường du hóa, một thầy Bà-la-môn giỏi về tướng số, nhìn thấy dấu chân của Phật có cả ngàn khu ốc xoáy tròn, ông đoán đây là quý tướng, người có bàn chân như vậy là người phi thường. Vì

vậy ông lần theo dấu chân để tìm Phật. Đức Phật sau khi vào xóm khát thực rồi, Ngài tới dưới một gốc cây ngồi thọ trai. Ông Bà-la-môn tìm tới, thấy rõ ràng Phật có ba mươi hai tướng tốt, ông biết chắc người này nếu ở thế gian sẽ làm Chuyển luân thánh vương, còn đi tu sẽ thành Phật. Bấy giờ ông bỗng muốn gả con gái của mình cho Phật. Tuy biết con mình là cô gái đẹp nhất trong vùng, nhưng ông ngại không dám nói, liền quay về kêu vợ. Bà vợ theo ông đến chỗ Phật, vừa thấy những tướng tốt của Thế Tôn, bà liền can ngăn ông vì biết đây là bậc đã giác ngộ, bậc ly dục, không thể gả con gái cho được. Nhưng ông kiên quyết xúi bà nài nỉ Phật, nào là con gái mình đẹp tuyệt trần, nào là ông sẽ giao hết sự nghiệp gia tài và gả con gái cho Ngài vô điều kiện...

Hai ông bà nói gì thì nói Phật cũng cứ tự nhiên thọ trai, không trả lời. Năm nỉ mãi cho tới chiều tối, người hầu tiểu thư thấy hai ông bà đi lâu chưa về, nó mới chạy tìm. Đến nơi, thấy hai ông bà đang năn nỉ Phật để gả tiểu thư nhưng Ngài không nhận. Cuối cùng Phật thấy mệt thì giờ quá Ngài mới trả lời thế này: “Cô con gái của bà, dù đẹp tuyệt trần nhưng với con mắt của ta, cô chỉ là một đấng da hôi thối mà thôi”. Nghe câu đó hai ông bà rụng rời tay chân, hết còn năn nỉ nữa.

Cô hầu nghe vậy liền chạy về báo cho tiểu thư hay: Ông Cù-đàm chê cô là đấng da hôi thối nên không nhận lời cầu xin gả con gái của ông bà”. Tiểu thư nghe thế tự ái, tức giận vô cùng thế sau này sẽ trả thù. Quả nhiên về sau cô được làm Hoàng hậu, nhớ lại Cù-đàm đã dám khi mình là đấng da hôi thối nên cô quyết tâm rửa hận.

Một hôm Phật đi giáo hóa ngang qua vùng của Hoàng hậu, có ngài A-nan theo hầu. Nghe tin đức Phật tới nước mình, bà liền hạ lệnh cho dân địa phương: Cù-đàm đi tới đâu thì bủa quanh chửi mắng tới đó. Nào chửi, nào chọi đá, nào ném quả úng trúng úng vào mình hai thầy trò đức Phật, nghĩa là làm đủ điều nhục nhã cho Ngài để bà được hả dạ. Lúc đó ngài A-nan tới mặt tối mày, chịu không nổi nữa mới thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng ta nên đi nơi khác.

Phật hỏi:

- Đi đâu A-nan?

A-nan thưa:

- Chúng ta đi nơi nào đừng bị chửi mắng hoặc chọi đất đá như thế này.

Phật lại hỏi:

- Nơi nào không có người chửi mắng chúng ta, A-nan?

A-nan thưa:

- Thưa Thế Tôn, chúng ta trở lại nước Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà. Những nơi Thế Tôn đã từng giáo hóa, dân ở đó họ kính Ngài sẽ không có ai chửi mắng.

Phật lại hỏi:

- Nay A-nan, như một thầy thuốc giỏi có thể treo bảng trước cửa nhà rằng “Nơi này chỉ trị những người bệnh nhẹ, ai bệnh nặng thì đi nơi khác” không?

A-nan thưa:

- Bạch Thế Tôn, không.

- Tại sao?

- Vì thầy thuốc giỏi thì phải trị những bệnh nặng, chớ còn trị bệnh nhẹ thôi thì đâu có giá trị gì.

Phật nói:

- Cũng vậy, người nước Ma-kiệt-đà, nước Xá-vệ đã được ta giáo hóa hiền lành, họ biết tu tập, họ là những người bệnh nhẹ. Còn dân ở đây chưa được ta giáo hóa, họ còn điên cuồng, chửi mắng đủ thứ, họ là người bệnh nặng, ta cần ở lại để giáo hóa.

A-nan chưa bằng lòng nên hỏi:

- Bạch Thế Tôn, nhưng họ có chịu nghe Thế Tôn nói đâu mà ở đây giáo hóa?

Phật liền tuyên bố giữa mọi người:

- Nếu chừng nào người dân ở đây nói rằng “Không cần Cù-đàm giáo hóa, chừng đó ta sẽ đi”.

Khi đó số người đứng chung quanh nghe câu chuyện đối đáp của hai thầy trò, họ liền hô to rằng:

- Chúng tôi là người bệnh nặng cần được ngài Cù-đàm giáo hóa.

Qua câu chuyện này, quý vị thấy thế nào? Nếu chúng ta là Phật, bị chửi bới bị chọi đất đá như thế, mình sẽ làm sao? Mình liền ra uy, dùng thần thông bay lên hư không, hóa phép lạ cho nó hoảng sợ chạy hết, khỏe biết mấy phải không? Tội gì phải nghe chửi. Vậy mà Phật im lìm nghe họ chửi, lại còn mở lòng từ bi ở lại để chữa bệnh cho những bệnh nhân nặng. Phật là thầy thuốc giỏi, ai bệnh nặng Ngài cần phải cứu giúp, quyết không bỏ dù họ có chửi bới tới đâu. Người đang mê cuồng không biết phải quấy, đó là người bệnh nặng cần được giáo hóa bằng tâm chớ không dùng thần thông, không dùng phép lạ.

Nếu lúc đó Phật dùng thần thông, dùng phép lạ thì bây giờ chư Tăng Ni đi giáo hóa đến vùng bị chửi mắng, mình không có phép lạ chỉ còn nước cuốn gói đi thôi, chớ biết làm sao? Vì Phật có phép lạ nhưng Ngài không dùng, chỉ đem tâm từ bi, đức nhân nhục để giáo hóa chúng sanh nên ngày nay Tăng Ni mới có thể giáo hóa được. Ai chửi mình thì chửi, ta chỉ thương thôi việc đó chúng ta có thể làm được. Mở rộng lòng thương đối với kẻ mê muội nhiều đau khổ, đó là tinh thần hết sức chân thật hết sức từ bi của đạo Phật. Nhờ thuở xưa đức Phật không dùng thần thông, mà dùng lòng từ giáo hóa chúng sanh nên bây giờ chúng ta mới tu, mới làm Phật sự được.

Thế nhưng ngày nay thỉnh thoảng quý thầy gặp khó cũng bỏ chùa chạy chỗ khác. Chúng ta phải có tâm thương người, dù khó dù dễ gì cũng sẵn sàng giáo hóa thì mới làm tròn Phật sự được. Với tình thương tràn trề chắc chắn không ai không cảm hóa được. Tại vì nghe chửi quá, mình không sân nhiều cũng giận ít nên thấy thiên hạ khó thương, không khí căng thẳng tự nhiên muốn bỏ thôi. Còn Phật không giận nên Ngài cứ thương, vì thế giáo hóa nơi nào cũng được hết. Với đức độ cao dày, đức Phật đã để lại tấm gương sáng cho chúng ta học và làm theo. Ngài không nhìn thần thông là tốt, để chúng ta thấy tinh thần xuất trần của đạo Phật rất cụ thể.

Kế đến là việc nuôi dạy đồ chúng của Thế Tôn. Ai không biết Đề-bà-đạt-đa là bà con thân thích với Phật, sau khi xuất gia được Phật dạy dỗ chu đáo nhưng vẫn phản bội Ngài. Đề-bà-đạt-đa gây chia rẽ trong tăng đoàn, Phật không hề giận

mà còn nói Đê-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức bậc nhất của ta, nhờ Đê-bà-đạt-đa mà ta sớm thành Phật, nên Phật thọ ký cho Đê-bà-đạt-đa sau này cũng sẽ thành Phật. Như vậy trong tăng đoàn cũng có nhiều trục trặc, nhiều trở ngại nhưng Phật vẫn không nản, không chán. Qua đó chúng ta thấy trên đường giáo hóa, đối nội đối ngoại đều gặp khó khăn. Tuy khó khăn song Phật đều vượt qua với lòng từ bi, độ lượng.

Chúng ta bây giờ làm Phật sự nuôi tăng chúng, người nào làm trở ngại mình một chút thì sao? Oán trách ngay, lo cho họ mà họ còn phản bội, chán quá không thêm lo nữa. Tâm niệm của mình không hợp với tâm niệm của đức Phật nên làm Phật sự không có công đức, không thu nhận được kết quả tốt đẹp. Cuộc đời hành đạo của đức Phật có những tư cách như vậy, chúng ta là đệ tử của Ngài phải nên noi theo, thực hành đúng tinh thần vô ngã vị tha do đức Phật chỉ dạy.

Kinh Trường A-hàm kể lại, một hôm đức Phật ngồi trên bờ hồ nhìn thấy những đóa sen nở tươi tắn, Ngài bảo: “Tất cả hoa sen nở thơm tho thanh khiết này, gốc đều từ trong lòng bùn nhơ”. Như vậy bùn nhơ là nơi để cho hoa sen kết nụ, rồi từ từ nó chui ra khỏi bùn, nhú lên mặt nước mới nở hoa thơm tho thanh khiết. Có hoa sen nào không từ bùn nhơ mà ra đâu? Cũng thế, đức Phật nói tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật. Nếu mọi người nỗ lực tu cũng như nụ sen dưới bùn có khả năng vượt ra khỏi bùn, nhô lên mặt nước và trở hoa thơm tho.

Chúng ta nhìn thấy tất cả tượng Phật đều được khắc ngự trên đài sen, phải không? Tại sao thế? Đó là điều chúng ta phải chú ý. Nếu nói theo lịch sử khi Phật tới cõi Tất-bát-la, Ngài liền dùng cỏ trải tòa ngồi, thiền định suốt bốn mươi chín ngày đêm chúng quả Bồ-đề. Sao bây giờ người ta không làm tòa cỏ mà tòa sen thỉnh Phật ngự trên đó? Thật ra ý nghĩa này rất thâm sâu.

Bởi vì đức Phật đã thấy tất cả nụ sen từ trong bùn mà ra rồi nở hoa thanh khiết. Cũng vậy, Phật là người ở trong vũng bùn đục lặc hoàng cung, Ngài như mọi thanh niên khác, có gia đình có vợ con hảnh hoi. Từ đó Ngài cố gắng tu hành vượt qua mọi cám dỗ thế gian, lần lần chứng quả. Giống như hoa sen từ vũng bùn ngoi lên, rồi ra khỏi nước nở thành đóa hoa tròn đẹp thơm tho. Qua đó chúng ta

thấy rõ đạo Phật không dạy mình tu cái gì ở bên trời kia hay nơi nào xa lạ, mà tu ngay trong cõi đục lạc nhớp nhúa, chúng ta vươn lên thoát ra để rồi đạt đạo. Như vậy tinh thần xuất trần của đạo Phật là tinh thần từ chỗ nhơ nhớp vượt lên thành thanh khiết, chứ không phải thanh khiết có từ nơi thanh khiết.

Chúng ta hiện giờ đang sống trong ngũ đục lạc, mình có quyền tu để thành Phật không? Ai cũng có quyền hết. Không một nụ sen nào từ dưới bùn mà không có quyền trôi lên và nở hoa thơm tho, trừ những nụ sen bị sùng hoặc con gì cắn thì nó mới tiêu mòn, không trôi lên được. Thế nên chúng tôi cho rằng đức Phật có thể sinh ra như một con người bình thường cũng có thể chấp nhận được chứ! Như vậy con người sẽ thấy đức Phật gần gũi, cụ thể với nhân loại và vì thế họ tự khẳng định niềm tin nơi khả năng giác ngộ giải thoát của mình hơn.

Do đó mỗi khi chúng ta nhìn thấy Phật ngồi trên tòa sen, tự nhiên mình có cảm tưởng Phật là nụ sen đã ra khỏi nước nở tròn thơm tho, chúng ta là những nụ sen còn đang ở trong bùn. Nếu nỗ lực mai kia mình cũng được nở tròn thơm tho thanh khiết như Phật vậy. Hình ảnh đó có tác dụng khích lệ lớn lao vô cùng, giúp chúng ta cố gắng tu nhiều hơn. Nếu Ngài ra đời không dính chút bụi trần nào hết thì bây giờ đạo Phật khuyên người ta tu khó được. Bởi đức Phật thanh khiết quá nên Ngài thành Phật, còn mình nhớp nhúa quá làm gì thành Phật nổi? Ta sẽ mặc cảm không có phần trong công phu tu hành. Vì vậy hình ảnh đức Phật ra đời bình dị như mọi người rất thích hợp với tinh thần vì nhân loại, vì chúng sanh.

Đó là tôi dẫn đức Phật, kể đến tôi dẫn ít vị Thiền sư cũng có tinh thần na ná như vậy. Ở Trung Hoa vào đời Tống, có hai vị Thiền sư là Thượng tọa Thông và Thượng tọa Minh. Một hôm hai vị có công việc phải qua sông Hoài. Xuống đò qua sông hai vị thấy có một số người đang kéo lưới, lưới được kéo vào gần đến bờ, thình lình có một con cá nhảy vọt ra khỏi lưới. Thượng tọa Thông vỗ tay khen “Hay quá, giống như Thiền sư”. Thượng tọa Minh lắc đầu nói “Không hay, phải ở ngoài lưới mới hay. Vô lưới làm chi, nhảy ra cho cục”. Thượng tọa Thông bảo: “Huynh Minh chưa hiểu”. Khi lên khỏi đò đi được một đôi xa, Thượng tọa Minh thức tỉnh liền xin lỗi “Xin lỗi sư huynh tôi đã thấy lầm”.

Quý vị thấy làm ở chỗ nào? Chúng ta trở lại tinh thần xuất trần của đạo Phật. Người tu Phật không phải là người không dính dáng gì với cõi trần bên ngoài, không phải thành thoi tự tại mới tu. Chúng ta tu vì đang kẹt trong chỗ dính mắc, buộc ràng nên mới cố gắng gỡ, cố gắng thoát ra. Đó mới gọi là tu. Cái ở trong lưới sắp chết tới nơi mà nhảy ra khỏi lưới mới là tài chứ. Cái hay là ở chỗ đó, chớ còn ngoài lưới thì có gì là hay! Như vậy tu là một sức mạnh thoát ra khỏi vòng trói buộc, dính mắc. Đó là cái hay của người tu, chớ không phải ngoài lưới gọi là hay.

Tinh thần nhà thiền là như thế. Chúng ta không cầu được tự tại ở nơi nào khác, mà ngay trong chỗ buộc ràng thoát ra vươn lên. Đó mới thực là tài, thực là công phu của người biết tu. Chúng ta thấy cái nhìn của Thiền sư với cái nhìn của Phật rõ ràng không khác. Ngày nay tất cả chúng ta là đệ tử Phật, phải có cái nhìn như vậy khả dĩ đạo Phật mới đủ sức mạnh để giáo hóa chúng sanh. Chớ nếu ta yếu đuối quá, lệch lạc quá thì không đủ sức mạnh làm gì cả.

Kể đây tôi dẫn tới Thiền sư Việt Nam. Đọc sử Phật giáo Việt Nam, hẳn chúng ta đều biết nước mình có một ông vua đi tu ngộ đạo, đó là vua Trần Nhân Tông. Ngài làm vua trong thời gian nước nhà đang bị quân Mông Cổ đem đại quân sang xâm lấn nước ta lần thứ ba. Việt Nam thời đó chỉ có từ Thanh Hóa trở ra Bắc thôi, rất nhỏ và dân rất ít. Đứng trước thế giặc hùng hậu như vậy, sự chống trả của quân dân Việt Nam là hết sức khó khăn. Thế nhưng Ngài đã cầm binh chống giặc và đuổi được bọn chúng chạy về nước một cách vô cùng oanh liệt, khiến cho cả thế giới đều khâm phục Việt Nam.

Đẹp xong giặc ngoại xâm rồi, đất nước thái bình, Ngài nhường ngôi lại cho con đi tu. Nếu Ngài đi tu trong khi nước nhà có binh biến hoặc bị thua trận thì không có giá trị gì hết. Khi đất nước thái bình, nhân dân an lạc, nhà vua từ bỏ ngai vàng đi tu, đó là một điều hết sức phi thường. Đọc sử Phật giáo thế giới, chúng ta ít thấy vua đi tu, Thái tử thì có mà vua rất ít. Ở Việt Nam chúng ta có một vị vua biết nghĩ tới con đường giải thoát cứu khổ chúng sinh, bỏ ngai vàng đi tu thật là một điều hy hữu.

Như vậy nhìn trên lịch sử dân tộc cũng như lịch sử Phật giáo Việt Nam, chúng ta hãnh diện rằng đất nước mình có những người tu rất là xứng đáng. Sau khi đi tu rồi Ngài tuyên bố “Kể từ đây Ngài không đi thuyền rồng, không cỡi ngựa”. Từ thành Thăng Long lên núi Yên Tử mấy trăm cây số mà Ngài vẫn đi bộ, nhất quyết không dùng ngựa không dùng thuyền. Đó là tinh thần tu khổ hạnh, vì vậy Ngài lấy hiệu là Trúc Lâm Đại-đầu-đà. Chữ Đầu-đà là âm tiếng Phạn, dịch nghĩa là khổ hạnh. Trúc Lâm là rừng trúc. Nghĩa là Ngài tu khổ hạnh trong rừng trúc.

Chính trong thời gian tu này, Ngài đã ngộ đạo và chỉ dạy lại cho mọi người, lập thành hệ phái thiền Trúc Lâm Yên Tử thuần túy Việt Nam. Đây là phái thiền cô đọng những tinh ba của các phái thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, Lâm Tế kết tụ thành. Như vậy thiền Trúc Lâm Yên Tử là phái thiền do Thiền sư Việt Nam, một ông vua đi tu sáng lập. Vì thế nên các vua Trần được người sau ngợi khen xem ngài vàng như dếp rách, không có gì quan trọng hết.

Sau khi thành lập hệ phái thiền Trúc Lâm Yên Tử rồi, từ đó tăng chúng các nơi tụ hội về tu hành đông đảo và Ngài luôn luôn đi trong nhân gian, giáo hóa dạy cho cư sĩ giữ năm giới, tu Thập thiện v.v... Bài phú Cư trần lạc đạo của Ngài, nói lên tinh thần của người ở giữa lòng trần gian bụi bặm mà vẫn có thể vui với đạo. Bài này Ngài làm trong lúc còn ở ngôi Thái thượng hoàng, tôi xin trích một đoạn đầu thế này:

Mình ngồi thành thị nét dưng sơn lâm,
Muôn nghiệp lặng an nhàn thể tánh,
Nửa ngày rồi tự tại thân tâm.
Tham ái nguồn dưng, chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý,
Thị phi tiếng lặng, được dầu nghe yến thốt oanh ngâm.
Chơi nước biếc, ả non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý,
Biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ nãng mấy chủ tri âm.
Nguyệt bạc vùng xanh, soi mọi chỗ thiên hà lai láng,
Liễu mềm hoa tốt, ngát quần sinh tuệ nhật thâm lâm.

Mình ngồi thành thị nét dùng sơn lâm, nghĩa là tuy ở giữa đô thị, thành phố mà tư cách giống như ở núi rừng. Ngài ngồi trong triều mà dường như đang tu trong rừng, không dính, không kẹt gì hết. Đó là tư cách của Ngài lúc làm Thái thượng hoàng.

Muôn nghiệp lạng an nhàn thể tánh, nửa ngày rồi tự tại thân tâm, tuy ở giữa cõi trần, lãnh trách nhiệm lớn đối với quốc gia, nhưng nghiệp gây tạo Ngài đã dứt nên thể tánh được an nhàn. Nửa ngày rảnh rỗi thân tâm Ngài tự tại không dính không mắc, không bị buộc ràng. Đó là hình ảnh hết sức đẹp trong cuộc sống bình thường.

Tham ái nguồn dưng, chẳng còn nhớ châu yêu, ngọc quý, lòng tham ái đã dưng lạng rồi cho nên không còn nhớ châu yêu ngọc quý nữa. Người còn yêu châu quý ngọc là vì tham ái còn tràn trề.

Thị phi tiếng lạng, được dầu nghe yển thốt oanh ngâm, tâm thị phi đã sạch hết rồi nên dầu có yển thốt oanh ngâm cũng không dính gì với Ngài. Bởi vì trong cung quý bà phi, thường uốn ba tác lưỡi chỉ trích nhau, nhờ lòng thị phi hết nên Ngài nghe yển thốt oanh kêu gì cũng tự tại, không buồn người này không giận người kia, không trách cứ ai hết. Một ông vua tu như vậy rất là kỳ đặc.

Chơi nước biếc ẩn non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý”, thiên hạ đi du lịch nơi này nơi kia cho là thích thú, lịch lãm nên rất nhiều người đắc ý.

Biết đào hồng hay liễu lục, thiên hạ nãng mấy chủ tri âm, thấy đào hồng thì biết đào hồng, nhìn liễu lục thì hay liễu lục, thấy biết rõ ràng như vậy, trong khắp thiên hạ chẳng được mấy người.

Nguyệt bạc vùng xanh, soi mọi chỗ thiên hà lai láng. Mặt trăng sáng giữa bầu trời xanh, ánh sáng ấy soi rọi trên cỏ cây như một dòng sông thiên tràn trề lai láng.

Liễu mềm hoa tốt, ngắt quần sinh tuệ nhật sâm lâm, thấy liễu mềm hoa đẹp tất cả đều là hiện tượng của trí tuệ tràn đầy. Mọi cây cối, mọi hiện tượng chung quanh đều là thiên, là trí tuệ chớ không còn nhiễm mê nữa.

Đọc qua đoạn này tuy ngắn nhưng chúng ta có thể biết rõ con người Ngài dù sống giữa cõi trần tục nhưng không còn bị nhiễm nhơ, dính mắc, trói buộc nữa. Nên người thật tâm tu hành dù cư sĩ hay xuất gia, trọng tâm ở chỗ đừng dính mắc nhiễm nhơ, chớ hình thức không quan trọng. Thấy rõ trọng tâm của sự tu như thế, dù ở nơi nào, hình thức nào chúng ta cũng không nhiễm nhơ không dính mắc. Đó là người tu chân thật, chắc chắn sẽ được tốt đẹp, an vui.

Để kết thúc buổi nói chuyện hôm nay, tôi nghĩ rằng chúng ta học Phật, tu Phật nên nhìn đức độ của Ngài, chớ không nên tưởng tượng quá nhiều về sự mâu nhiệm. Phải học gương xử sự khéo léo, tấm lòng thương mênh mông, trí tuệ tràn trề của Ngài đối với tất cả chúng sanh. Tinh thần Phật dạy là tinh thần xuất thế, rất gần gũi con người. Vì thế Phật không muốn dùng những phương tiện kỳ lạ để giáo hóa con người, đó là hình ảnh rất thích ứng với hoàn cảnh chúng ta ngày nay. Có thể nhân loại mới thấy đạo Phật thực tế, thân thiết và tu tập được.

Phật tử chúng ta có thể hãnh diện vui mừng rằng, đức Phật là bậc thầy của tất cả muôn loài rất thực tế, rất gần gũi, rất chí thiết. Những nếp sống của Ngài đều là tấm gương sáng cho chúng ta tu học theo một cách hiện thực sống động, chớ không phải chuyện xa lạ. Đó là ý nghĩa rất thâm trầm của đạo Phật. Vì vậy tôi muốn nhắc toàn thể Tăng Ni cũng như Phật tử nên nhìn đạo Phật bằng cái nhìn cụ thể, chớ không nên nhìn đức Phật với cái nhìn phi thường xa lạ. Cái phi thường của đức Phật là tâm không dính mắc, là trí tuệ tràn trề, là lòng từ bi mênh mông, chớ không phải phi thường của những huyền bí, phép lạ.

Như vậy đức Phật của chúng ta là bậc đã giác ngộ, giải thoát với trí tuệ và tình thương tràn đầy. Đây chính là nền tảng của đạo Phật, là cái sẵn có nơi mỗi người chúng ta. Tăng Ni, Phật tử cố gắng thực hiện, cố gắng tu tập rồi sẽ đạt được kết quả viên mãn như Phật.



TRÍ THỨC VÀ TRÍ TUỆ

TV. Thường Chiếu - 2002

Hôm nay là ngày đầu xuân năm Nhâm Ngọ, tôi về đây Tặng Ni làm lễ mừng tuổi chúc thọ. Nhắc đến mừng tuổi, tôi đã từng nói qua mất một năm là tuổi thọ rút ngắn lại một tuổi, cái chết đuôi gấp sau lưng, có gì mà mừng! Nhưng bây giờ tôi thấy ý nghĩa mừng tuổi vẫn có giá trị. Tại sao?

Chúc thọ tức là cầu chúc được sống lâu, sống thêm. Người đời có ai bảo đảm mình sống tới bao lâu, nhất là đạo Phật dạy “mạng sống trong hơi thở”. Sống ngày nay không bảo đảm ngày mai. Như vậy tuổi thọ hay sinh mạng của chúng ta mỏng manh, tạm bợ, vô thường, không có gì bảo đảm hết. Cho nên qua một năm, đến ngày đầu xuân mọi người đều mừng rằng cha mẹ mình, thầy mình đã sống thêm được một tuổi, không bị vô thường cướp mất mạng sống trong thời gian năm qua mà còn kéo dài đến được năm mới. Đó là ý nghĩa mừng sống thêm được một tuổi.

Như vậy một năm qua không phải chỉ để thêm tuổi thọ, mà chúng ta phải làm được cái gì cho đạo, cho mình để đạo đức tăng trưởng, sự tu hành thêm phần tinh giác mạnh, sức tự chủ cao. Một năm như thế mới thật là xứng đáng. Nếu chúng ta mừng thêm một tuổi sống, mà sống vô ích, vô nghĩa thì cái mừng đó phí lắm, không có giá trị gì. Cho nên Tặng Ni và Phật tử phải hiểu rằng, đời sống của chúng ta luôn luôn bị quý vô thường rình rập, chúng có thể chụp bắt mình bất cứ lúc nào. Bởi sự mong manh tạm bợ ấy nên nói con người luôn đứng trước những hiểm họa. Vì vậy qua một năm là mừng mình được thêm một tuổi. Nhưng cái mừng ấy phải cộng chung với đức hạnh của chúng ta. Đó là điều Tặng Ni tự gắng tự nhớ tự kiểm lại, đừng để qua một năm mà công phu chưa tới đâu, đến ngày nhấm mất đạo đức vẫn không thêm chút nào thì thật uổng phí một đời tu.

Chúng ta là người tu, tự chọn cho mình một con đường thật cao quý tốt đẹp. Bỏ hết tất cả tư riêng của gia đình, từ giã cha mẹ quyền thuộc để đi con đường tự giác giác tha. Đã đi trên con đường đó rồi mà không giác thì làm sao giác tha được. Cho nên qua một năm mà chúng ta không tiến, đạo đức vẫn dẫm chân một chỗ, đó là cái đau buồn của chúng ta. Phải làm sao năm này, năm tới chúng ta vươn lên cho xứng đáng hơn, chớ không nên để trôi qua một cách vô ích. Đó là tôi nói ý

nghĩa mừng tuổi, tức mừng sống thêm một năm, cũng mừng chúng ta đã làm điều tốt đẹp cho mình, cho mọi người trong một năm qua.

Hôm nay Tăng Ni, Phật tử đều hoan hỷ chúc cho tôi thêm tuổi thọ dài lâu, đó là lòng tốt của quý vị. Nhưng đối với tôi ai cũng có duyên nghiệp riêng của mình. Ta làm tròn bổn phận rồi, hết duyên ra đi là một nguồn vui, chớ nếu kéo dài tuổi thọ tới tám chín mươi hay một trăm, sống để mà sống, e rằng chỉ làm nặng thêm cho người chung quanh, sống như vậy thêm một tuổi cũng vô nghĩa. Chúng ta phải làm sao, thêm một tuổi là tăng trưởng đạo đức, thêm một tuổi là tăng trưởng trí tuệ, thêm một tuổi là đem hết sức mình giúp cho mọi người cùng được an vui, cùng được tỉnh giác. Thêm tuổi thọ như thế mới xứng đáng, mới không hổ thẹn. Chớ nếu thêm tuổi thọ cho dài lâu mà chỉ làm mối nợ, bắt người này hầu người kia hạ, lo cơm lo áo cho mình, mà không làm được trò trống gì cả thì sống thêm cũng là vô nghĩa.

Tôi mong tất cả Tăng Ni cũng như quý Phật tử có mặt hôm nay phải thấy rõ giá trị cuộc đời của mình. Không phải chúng ta ở địa vị cao sang ăn ngon mặc đẹp v.v... mà có giá trị. Giá trị là ở chỗ nội tâm mình luôn luôn tỉnh sáng, đối với mọi người luôn chia sẻ san sẻ. Bằng lòng từ bi chúng ta đem lại cho mọi người sự giác ngộ, an vui. Cuộc sống ấy mới có ý nghĩa, có giá trị. Đừng vì một hai lý do không ra gì, chúng ta cứ lẩn quẩn ở đâu đó, để rồi một cuộc đời trôi qua toàn là vô ích vô nghĩa. Đó là điều đáng buồn.

Với tôi, tuổi thọ dài ngắn không quan trọng, mà quan trọng ở chỗ chúng ta biết dùng nó trong mọi hoàn cảnh, mọi trường hợp. Làm sao ta hằng tỉnh hằng giác và khuyên mọi người cùng được tỉnh giác. Người xuất gia tự vui với bổn phận của mình, chớ không phải sống để mà sống. Người đời vì cái ăn, cái mặc, cái ở mà giành giãi nhau, chống chọi nhau, oán hờn nhau, sự sống đó thật vô nghĩa, còn tệ bạc hơn là chết nữa. Mong rằng chúng ta không rơi vào tình trạng bi thảm ấy.

Mọi người phải ý thức được giá trị sống của mình, sống bằng đạo đức, sống bằng giác ngộ, sống bằng lòng từ bi, không để suy kém phần nào hết, như vậy mới

đáng sống. Sống một năm đáng một năm, sống hai năm đáng hai năm, chúng ta không nên xem thường mà phí bỏ giá trị của chính mình. Tôi thấy một số người tu cứ thả trôi cuộc đời mình theo danh theo lợi, tự không biết vươn lên, không biết tỉnh giác để mọi người chung quanh dèm pha, chê trách Phật pháp có những con người sống vô nghĩa, vô giá trị.

Vì vậy mong rằng sang năm mới này, tất cả Tăng Ni phải chuẩn bị cho mình mỗi một ngày qua là một ngày quý báu, chúng ta đừng thả trôi, đừng để năm tháng qua đi một cách lãng phí. Như vậy mới xứng đáng là người cầu giải thoát, cầu giác ngộ. Đó là điều thứ nhất tôi muốn nói.

Điều thứ hai, tôi xin nhắc lại cho tất cả Tăng Ni biết rõ trách nhiệm của mình. Như tôi đã nói chỉ còn một năm nữa là tôi phải nghỉ, như vậy hôm nay chỉ còn ba trăm sáu mươi bốn ngày. Một ngày qua là gần đến chỗ tôi nghỉ ngơi một ngày. Thế thì khi tôi nghỉ, quý vị sẽ làm gì để gánh vác Phật sự tôi trao lại? Đó là một trọng trách tôi xin nhắc cho tất cả Tăng Ni nhớ.

Từ buổi ban sơ tôi lên núi lớn Vũng Tàu, cắt một cái thất lá để tên Pháp Lạc Thất. Một mình tôi tự vạch ra lối tu, tự cố gắng nỗ lực công phu, không có bạn, không có người cùng chí hướng. Việc làm đơn độc của tôi cay đắng vô cùng, đã mấy lần khóc trước bàn Phật. Tôi nghĩ rằng mình tu sao cứ gặp trở ngại, đang muốn tiến thì phải dừng.

Ví dụ ban đầu tôi dùng pháp tu Tứ niệm xứ quán thân bất tịnh, thấy kết quả rõ ràng. Nhưng khi quán tới chỗ trong kinh nói mình nhớ lại thân này, gồm ghê nó, chán ngán nó đến muốn tự tử thì ngang đó phải chuyển qua quán tịnh. Tôi đi tới bước chán ngán thân này quá và chuyển qua quán tịnh. Kinh dạy ban đầu mình quán xẻ cái xương trên trán, tưởng từ xương ngà ngà đến xương trắng, chừng nào cái xương đó sáng ra có hào quang thì pháp quán tịnh thành công. Tôi theo cách ấy, nhưng quán cái xương trên trán một lúc tôi nhức đầu bung bung lên chịu không nổi, thế là lùi. Tiếp theo, trong kinh dạy xẻ ngay sống mũi, quán xương ở sống mũi. Tôi cũng làm thế một thời gian và cũng bị nhức đầu chịu không nổi, bỏ. Trong kinh lại dạy quán ngay ngực, tưởng xẻ da bày xương trắng ở ngực, quán

chừng nào cái xương đó phát hào quang thì thành công. Quán riết ngực tôi đau nhói chịu không nổi, lại bỏ.

Bấy giờ tôi không biết làm sao nữa, chỉ còn lạy Phật khóc thôi. Không có thầy, không có bạn chỉ dẫn, tu một mình gặp trở ngại không biết làm sao? Tôi đã khóc mấy lần như vậy. Sau này được duyên tốt chuyển qua tu thiền, thấy rõ con đường của chư Tổ dạy, tôi mới có niềm vui. Tuy nhiên điều đó không phải một sớm một chiều tôi làm được ngay, mà cũng phải cay đắng khó khăn lắm mới được. Khi đã nắm được hướng đi của Thiền Tông rồi, năm 1970 tôi mở cửa thất lập Thiền Viện Chơn Không. Ban đầu có mười huynh đệ tới ở tu với chúng tôi và một ít cô Ni bên Bát Nhã.

Kiểm lại từ con số không, tôi như một kẻ lạng quạng tìm được lối đi, rồi hướng dẫn một số ít huynh đệ cùng tu từ đó cho đến ngày nay. Bây giờ nhìn lại chư Tăng Ni hiện đang tu thiền theo sự hướng dẫn của chúng tôi trong cũng như ngoài nước tương đối đáng kể. Tôi nói điều này là để tỏ bày cùng tất cả Tăng Ni sự nỗ lực của tôi, từ con số không tôi gắng hết sức mình, mở mang hướng dẫn nhiều người biết đường lối tu hành là chuyện thật khó khăn vô cùng. Chưa kể gặp những duyên trắc trở bên ngoài, chúng tôi cũng phải cố gắng vượt qua để làm tròn sứ mệnh là người đi đầu của mình.

Ngày nay Tăng Ni đông, Thiền viện nhiều trong nước, ngoài nước đều có. Thiết nghĩ việc làm này không phải tài của tôi, mà do tâm tha thiết vì đạo của tôi nên được như thế. Nhờ bền chí quyết tâm nên ngày nay mọi việc tốt đẹp ngoài sự mong cầu của chúng tôi. Thế thì còn ba trăm sáu mươi bốn ngày nữa tôi nghỉ, việc này ai lo? Ai phải tiếp tục? Đó là vấn đề tôi nghĩ rằng tất cả Tăng Ni có mặt tại đây đều phải lãnh trọng trách. Chẳng lẽ gầy dựng, tạo lập được như vậy rồi, tôi nghỉ thì mọi việc theo đó bại hoại sao? Chắc rằng Phật pháp không cho phép điều đó.

Vậy muốn ngày mai khi tôi nghỉ, Tăng Ni sẽ đứng ra gánh vác Phật sự lớn lao này, thì hiện giờ quý vị phải làm gì? Tăng Ni có thể sống một cách bình thường ngày qua ngày, tháng qua tháng, như vậy gánh vác Phật sự được không? Hay quý

vị phải nỗ lực, quyết tâm trong thời gian một năm này làm sao cho xứng đáng, tu cho có kết quả khiến mọi người tin được mình, hiểu được mình và thấy được những cái hay của mình. Có thể khả dĩ quý vị mới có thể tiếp nối những gì tôi để lại.

Chúng ta muốn làm một việc lớn không phải bỗng dưng nó đến với mình dễ dàng. Nó đòi hỏi mình phải có đủ khả năng, đủ tài đức, đủ ngôn ngữ hướng dẫn chỉ dạy mọi người thì việc lớn mới thành công. Nên kể từ hôm nay tôi báo trước, quý vị phải lo chuẩn bị. Không một Tăng Ni nào được nghĩ mình vô trách nhiệm, để sư huynh này sư tỷ kia có trách nhiệm, còn mình không có gì hết. Đừng nghĩ như vậy. Ai cũng phải tự thấy mình có bổn phận, phải chung lo góp sức với sư huynh, sư tỷ. Phải thấy con đường thầy tổ gầy dựng mở mang rất khó khổ, đến đây chúng ta có bổn phận phải tiếp nối gìn giữ, mở mang ngày càng rộng hơn.

Muốn thế sự tu hành của quý vị ngày càng phải đặc lực hơn. Nếu cứ thả trôi cầm chừng thì mai kia tôi buông, sự nghiệp này sẽ rã từ từ. Như vậy tội lỗi quý vị thật là lớn lao vô cùng. Cho nên tôi ân cần nhắc nhở Tăng Ni phải chuẩn bị trước, một năm hết sức gằn, ráng làm sao hiểu cho thấu những gì Phật dạy, Tổ dạy. Làm sao đạo lực mình càng ngày càng tăng trưởng, quý vị phải nhìn, phải thấy, phải gieo được lòng tin đối với Phật tử chung quanh. Đừng bao giờ coi thường, phải tự kiểm điểm mình sao cho thật xứng đáng. Được vậy mới gánh vác Phật sự nổi, nếu không thì thật uổng công của người trước, rốt cuộc không có kết quả gì đáng kể. Đó là chỗ tôi mong tất cả Tăng Ni phải ý thức, chuẩn bị để ngày mai quý vị là người lãnh đạo Tăng, lãnh đạo Ni đúng như những gì tôi đã chỉ dạy, đã vạch ra.

Tại sao tôi bắt quý vị phải đi đúng hướng? Bởi vì nếu hướng tôi vạch ra sai thì tự nó đã tan hoại rồi. Nhưng ngày nay, từ con số không nó trở thành con số lớn, chúng tôi đó là hướng hợp thời, nên chúng ta phải nuôi dưỡng, làm cho nó tăng trưởng thêm. Tôi tin chắc rằng nếu tất cả quý vị trung thành, chân thật, đi đúng đường hướng tôi đã dạy thì Phật pháp của đất nước mình sẽ được mở rộng hơn. Chẳng những mở rộng trong nước mà còn có thể lan ra xứ ngoài.

Trước kia tôi là người nhiều mặc cảm, sống trong thời đất nước bị lệ thuộc, tôi thấy dân mình khổ sở vô cùng, bị khinh miệt, bị sỉ nhục đủ điều. Tới khi vào

đạo, tôi thắc mắc tại sao xứ sở mình đã có đạo Phật từ thế kỷ thứ hai, thứ ba mà ngày nay Tăng Ni cứ xách gói qua nước này học, qua nước kia học, còn đạo Phật nơi xứ mình không biết gì? Việt Nam đã có Thiên Tông biết bao lâu rồi, cả hơn một ngàn năm, trong khi đó tăng sĩ Việt Nam phải đi xứ ngoài học. Hoặc những người ngoại quốc muốn tìm học Thiên cũng phải sang các nước khác, đến Việt Nam không có gì để học. Đạo Phật Việt Nam đã có gốc, có chỗ tựa vững vàng từ thuở nào, chúng ta là con cháu lại bỏ quên, phũ phàng tìm học nơi khác. Như vậy có tui nhục không?

Cho nên tôi muốn làm sao Phật giáo Việt Nam có một chỗ đứng thật vững và người tăng sĩ Việt Nam đáng cho người nước ngoài tìm hiểu đạo Phật quý kính, chớ không muốn cho họ coi thường, khinh bỉ mình. Ngày nay tuy chưa làm được bao nhiêu, nhưng tôi thấy rõ sự cố gắng của mình cũng có kết quả đôi phần. Những người nước ngoài tìm tới học thiền với mình và họ còn muốn phụ giúp chúng ta lập Thiên viện ở nước ngoài. Đây là một vài tia sáng đáng mừng cho đạo Phật Việt Nam nói chung, cho Thiên tông Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên việc làm của tôi chỉ là một chặng đường ngắn, chuyện dài lâu về sau nữa là trách nhiệm của Tăng Ni hiện giờ.

Quý vị phải thấy cái hay cái đẹp của Tổ tiên mình. Các Ngài đã tu, đã chứng ngộ, chúng ta làm sao cũng ứng dụng tu cho có kết quả như thế, rồi đem cái hay cái đẹp đó chỉ dạy cho con cháu mình, cho những ai ở ngoài muốn hiểu, muốn biết về Phật giáo nước mình. Như vậy mới làm sáng rõ Tông môn, mới xứng đáng là người tu sĩ của Phật giáo Việt Nam. Nếu chúng ta tu mà không biết mình tu tới đâu, tu ra sao thì đâu đủ tư cách hướng dẫn ai. Là Tăng Ni Việt Nam mà hỏi đạo Phật Việt Nam dạy gì, tu như thế nào cũng không biết. Đó là một tui nhục lớn.

Con đường tôi chuẩn bị cho quý vị đi là con đường rất xa, rất dài, Tăng Ni phải cố gắng sao cho đủ nghị lực, đủ khả năng để tiến lên. Không được để cho sự nghiệp thầy tổ gãy dựng mai một, không được để cho cỏ mọc rêu phủ, khiến con đường thiên tông bị mọi người lãng quên. Đó là trách nhiệm tôi mong tất cả Tăng Ni phải hiểu nắm vững và thực hành cho bằng được, đừng lơ là như trước kia nữa.

Hôm nay trước khi trao trách nhiệm lớn cho quý vị, tôi đã chuẩn bị tinh thần cho Tăng Ni trước, quý vị không còn ý lại, không trông chờ ai, mà mỗi vị phải tự thấy bổn phận của mình, cùng chung đứng ra gánh vác việc lớn. Đó là điều thứ hai tôi muốn nói.

Điều thứ ba, tôi nhắc lại những cái hay của đạo cho Tăng Ni hiểu rõ, đừng lầm lẫn. Đây là điểm lâu nay chúng ta phân vân, chưa phân định rõ ràng. Như người đời thường gọi người trí thức là học giả, nhà bác học. Hàng trí thức, học giả, bác học được người đời quý trọng. Còn chúng ta ở trong đạo, có là người trí thức không? Nếu không là người trí thức thì là người gì, có danh từ nào dành cho chúng ta không? Đây là vấn đề chúng ta cần phải nắm vững.

Trong đạo Phật, không chú trọng trí thức mà chú trọng trí tuệ, không nói học giả mà nói hành giả, không nói nhà bác học mà nói người được trí tuệ vô lậu. Bởi vì trí thức là trí do ý thức nhanh nhẹn khéo léo, so sánh phân biệt, đối chiếu rành rõ, khiến người nghe dễ nhận dễ hiểu. Đó gọi là người trí thức. Còn học giả là lượm lặt những hiểu biết của người khác, những cái hay, cái lạ góp nhặt về chứa đựng rồi cho đó là kiến thức của mình. Kế nữa là những nhà bác học nghiên ngẫm, tìm kiếm rộng rãi trong các ngành triết học, khoa học... nghiên cứu phát minh thêm những sáng tạo mới. Như vậy những nhà trí thức, học giả và bác học là nhắm thẳng vào ý thức sinh diệt, tìm tòi lượm lặt bên ngoài, chứa nhóm lại thành kiến thức của mình, rồi sử dụng trở lại kiến thức ấy. Tất cả những sử dụng đó đều nhắm vào điều kiện vật chất, lo cho thân này cảnh này mỗi ngày mỗi sung túc, mỗi tốt đẹp, mỗi giàu có hơn. Đó là lo trên phương diện sinh diệt, được rồi sẽ mất.

Ngược lại người học Phật lấy trí tuệ làm gốc. Trí tuệ trong đạo Phật có chia ra hai phần: một là trí tuệ hữu lậu, hai là trí tuệ vô lậu.

Trí tuệ hữu lậu là gì? Là Văn, Tư, Tu. Văn tức là học. Học cái gì? Học những lời chân thật, Phật chỉ dạy lý thật của con người, lý thật của cuộc đời. Chúng ta học để thấy được chân lý của con người và của muôn vật. Đó là Văn. Tư là gì? Khi học rồi chúng ta nghiên ngẫm cho tới nơi tới chốn, thấy rõ, hiểu tường tận vấn đề, đó là Tư. Tu là gì? Ứng dụng nghiên ngẫm tu hành bằng cách thấy

đúng như thật chân lý Phật đã dạy, để tâm không nhiễm, không dính mắc tất cả pháp sinh diệt bên ngoài, đó là Tu. Nhưng việc tu, học này còn ở trong sinh diệt nên gọi là trí tuệ hữu lậu, tức còn rơi rớt trong luân hồi sanh tử.

Trí tuệ vô lậu là gì? Là Giới, Định, Tuệ. Giới là phương tiện ban đầu để câu thúc, dừng cho tâm chúng ta phóng túng. Từ Giới sanh Định, từ Định sanh Tuệ, trí tuệ đó không do học mà có, mà do chúng ta ứng dụng tu. Vì đức Phật đã thấy nơi mọi chúng ta sẵn có tánh giác, chúng ta không cần tìm kiếm ở bên ngoài mà phải nhìn lại mình, phản quan lại mình cho tâm được an định. Tâm an định tức là những ý thức lăng xăng lắng xuống hết, bấy giờ tánh giác sẽ hiện tròn đủ, không tìm kiếm ở đâu xa. Khi chúng ta xoay trở lại mình, dẹp bỏ những lăng xăng của ý thức, gọi là định. Từ định này sẽ hiện ra trí tuệ chân thật của chính mình. Như vậy trí tuệ chân thật cũng chính là tánh giác của chúng ta.

Ngược lại với thế gian, người ta lượm lặt những hiểu biết của kẻ khác về làm trí tuệ thông minh của mình, còn trong đạo chúng ta loại bỏ hết những lăng xăng của tâm thức. Gạt bỏ tất cả lăng xăng thì tâm an định, tâm an định thì tánh giác hiện ra tròn đầy. Được trí tuệ vô lậu rồi, chúng ta sẽ không còn rớt lại, không còn chìm trong luân hồi sanh tử nữa. Như vậy người tu học bỏ ra, còn người đời học thu vào. Hai bên khác nhau ở chỗ đó.

Như chúng ta ngồi thiền là để làm gì? Đó là một phương hướng để phát sáng trí tuệ sẵn có của mình. Thật ra trí tuệ sẵn nơi mình đã tự sáng rồi, trong nhà Phật gọi đó là ông Phật của mình. Giác ngộ là Phật, tức từ tánh giác đó sáng ra, chớ không ở đâu hết. Ngoài thế gian học bao nhiêu năm, đi chỗ này chỗ kia lấy cấp bằng này cấp bằng nọ, lượm lặt của người làm của mình, nhưng không có gì thật là của mình hết. Còn chúng ta gạt hết tất cả những thứ bên ngoài, để cho tâm trong sáng, rồi tự nó thấu suốt tất cả, đó là cái thật của mình. Cái thật này ai cũng có, ai cũng làm được mà lâu nay chúng ta bỏ quên. Vì bỏ quên nên ta trở thành kẻ khờ dại ngu si, đi trong luân hồi muôn kiếp. Ngày nay nếu biết trở lại sống với cái chân thật của mình thì dòng luân hồi ngang đây chấm dứt.

Như vậy sự tu, sự học của mình là việc làm phi thường, thế gian không thể bì kịp. Song nhiều khi chúng ta lại xem thường nó, ham học cái của người, cái sanh diệt mà quên khơi lại cái không sanh không diệt của chính mình. Cho nên đức Phật Bốn Sư Thích Ca của chúng ta ngồi dưới cội Bồ-đề tới đêm bốn mươi chín Ngài giác ngộ. Khi giác ngộ viên mãn Ngài tuyên bố thành Phật và tuyên bố “Ta học đạo không có thầy”. Ai dạy Ngài trong lúc đó? Chính vì tâm an định nên Ngài sáng ra, nên Phật nói được đạo mà không ai dạy.

Như vậy tất cả Tăng Ni có người nào vô phần về việc này không? Ai cũng có phần hết, có phần tức là có đủ điều kiện để giác ngộ. Thế nhưng chúng ta cứ thả trôi, để bao nhiêu thứ phiền não xấu xa phủ che, khóa lấp, rồi cứ thế mà chấp nhận đi trong luân hồi. Ngày nay đủ phước đủ duyên, chúng ta biết được phương pháp ứng dụng tu, phải ráng nỗ lực tu hành, mới xứng đáng là người xuất trần thượng sĩ. Nếu không, chúng ta tu để mà tu, rồi cũng tiếp tục luân hồi không đến đâu hết. Đó là điều tôi muốn nhắc cho Tăng Ni nhớ, đừng xem thường những giờ tu của mình.

Những khi ngồi yên lặng không phải là tiêu cực, không phải vô ích mà là để dẹp bỏ những mê mờ đang phủ che tánh giác của mình. Khi những mê mờ ấy lặng dứt hết thì tánh giác sáng ngời, chừng đó chúng ta mới thấy chỗ cứu kính, chỗ tuyệt vời của Phật dạy vượt hơn mọi cái của thế gian. Vì thế những vị giảng hay chưa hẳn là giải thoát vì mới có trí tuệ hữu lậu thôi, chưa phải trí tuệ do định sanh. Hiểu vậy chúng ta mới thấy trên đường tu, đi từng bước thứ tự rõ ràng mới tới kết quả viên mãn, chớ không phải tu lơ là có hình tướng. Cuối cùng mình cũng như ai, cũng ăn, cũng mặc, cũng vui chơi bình thường, như vậy đời tu không có giá trị gì hết.

Nên biết ý chí tu hành của chúng ta hết sức siêu việt, siêu phàm chớ không phải thường. Vậy mà có nhiều người vì sự ăn, sự mặc phiền não suốt đời, rồi tạo bao nhiêu thứ phiền lụy cho mọi người chung quanh. Thật là đáng tiếc, thật là đáng thương! Nhiều Phật tử được các vị chư tăng giáo hóa, nói ý nghĩa cao siêu của người tu, họ quá quý nên gặp chư Tăng liền đánh lễ. Có nhiều người địa vị ngoài xã hội rất lớn hoặc tuổi tác trưởng thượng đáng ông bà cha mẹ, mà lạy chư

Tăng còn nhỏ tuổi không hề thấy khó chịu. Tại vì họ quá quý lý tưởng của Phật Tổ dạy, quá quý sự tu hành siêu thoát.

Vậy mà chúng ta không chịu tu, khi họ lạy mình có xấu hổ không? Nếu người ta đánh lễ mà tâm mình đang chạy ngược chạy xuôi xóm này xóm kia, lúc đó ta có tội không? Quý vị phải nhớ đừng tưởng người ta lễ mà mình mừng. Chính đó là điều khiến chúng ta càng xấu hổ khi thấy sự tu của mình chưa ra gì. Nhận người đánh lễ thì phải trả, chớ không thể nào nhận mà không trả. Nếu ta nhận sự cung kính cúng dường của người mà không trả lại được bằng đạo đức, bằng sự tu hành chân chánh thì đời sau phải làm tội đời để trả nợ cũ. Họ kêu chạy vù vù hoặc họ leo lên lưng cỡi chớ không phải chuyện chơi.

Tôi nhắc nhở để Tăng Ni đừng xem thường mình, phải làm sao khai thác cho được cái cao siêu quý báu của mình, để khỏi tủi hổ làm người xuất gia mà không có chút gì cao thượng, không chút gì xứng đáng. Thực tế Tăng Ni đâu phải vì thiếu cơm ăn áo mặc mà vào chùa, đâu phải vì khổ đau quá chịu không nổi mà vào chùa. Chúng ta vô chùa là có cả một lý tưởng, bỏ hết những gì phàm tục, tìm cái cao siêu trong đạo, nếu không tu thì một đời trôi qua uổng biết chừng nào.

Hôm nay nhân ngày đầu năm, tôi có vài điều nhắc nhở tất cả Tăng Ni, Phật tử nghe hiểu rành ứng dụng tu để xứng đáng với sở nguyện của mình. Chúng ta bỏ cha bỏ mẹ, bỏ thân bằng quyến thuộc đi tu, thì phải làm sao cho xứng đáng là người tu, chớ đừng mượn hình thức tu mà tâm rất phàm tục. Phải hiểu thật rõ ý nghĩa của người tu là làm sao đền đáp công ân cha mẹ, thầy tổ, đàn na thí chủ, chớ đừng tu cầm chừng qua ngày qua tháng, rốt cuộc mình làm một ông thầy tu rỗng mà còn nợ thiên hạ nữa, điều đó thật đau xót.

Mong tất cả quý vị nghe rồi cố gắng tu cho được trí tuệ vô sư viên mãn.



MỤC LỤC

❖ Lời Đầu Sách.

1. Con Người Bất Tử.
2. Người Leo Núi.
3. Cội Gốc Sinh Tử và Niết Bàn.
4. Thuyết Luân Hồi.
5. Phật Giáo Thiên Tông Thực Tế Đến Không Ngờ.
6. Tập Nghiệp.
7. Thân Người Khó Được.
8. Nhân Thừa và Bồ Tát Thừa.
9. Tinh Thần Xuất Trần Của Đạo Phật.
10. Trí Thức và Trí Tuệ.

